

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----*

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030
HUYỆN THANH HÀ

Tháng 7 năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN 2030
HUYỆN THANH HÀ - TỈNH HẢI DƯƠNG**

Ngày 22... tháng 7 năm 2024

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Ngày 19... tháng 7 năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ



MỤC LỤC	Trang
ĐẶT VẤN ĐỀ	1
I. SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	1
II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.	3
III. CƠ SỞ LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	3
3.1. Căn cứ pháp lý	3
3.2. Những cơ sở thông tin và tài liệu thực hiện	5
IV. BỐ CỤC BÁO CÁO THUYẾT MINH	8
V. CÁC SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN	9
PHẦN I: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	10
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	10
1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên	10
1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên	11
1.3. Phân tích hiện trạng môi trường	12
1.4. Đánh giá chung	13
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI	14
2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế, xã hội	14
2.2. Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực	14
2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất	18
2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn	19
2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng	19
2.6. Đánh giá chung	23
III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT	26
3.1. Tác động đến ngành trồng trọt	26
3.2. Tác động đến chăn nuôi	26
PHẦN II: TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT	28
I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	28
II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT	42
2.1. Hiện trạng sử dụng các loại đất	42
2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch	47

MỤC LỤC	Trang
2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất	56
2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất	61
III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	62
3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất kỳ trước	62
3.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất 2021 đến tháng 6/2024	69
3.3. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước	74
3.4. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ tới.	76
IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI	78
4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp	78
4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp	79
PHẦN III: PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030	82
I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT	82
1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội	82
1.2. Quan điểm sử dụng đất	83
1.3. Định hướng sử dụng đất khu chức năng	85
II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	89
2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội	89
2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng	94
2.2.1. <i>Chỉ tiêu sử dụng đất</i>	94
2.2.2. <i>Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực</i>	96
2.2.3. <i>Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất</i>	99
2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng	131
III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG	134
PHẦN IV: GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN	139
1. Xác định giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	139
2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	141
3. Các giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	142
4 Các giải pháp khác	142
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	146

ĐẶT VẤN ĐỀ

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Đất đai là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng trong môi trường sống, là địa bàn phân bố dân cư, cơ sở phát triển kinh tế, văn hoá đời sống xã hội nhân dân. Tài nguyên đất thì có hạn không tái tạo lại được trong đó dân số tăng nhanh, kinh tế phát triển dẫn đến nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích ngày càng tăng. Để giải quyết vấn đề này cần phân bổ sử dụng đất hợp lý, có hiệu quả theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định tại Khoản 1 Điều 54 “*Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật.*”. Luật Đất đai năm 2013 tại Điều 22 Khoản 4 quy định “*Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai*” và tại Điều 45 Khoản 3 quy định “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện*”.

Lập quy hoạch sử dụng đất đến 2030 cấp huyện nhằm phát huy tốt hơn nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, chủ động trong công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội mà nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025.

Thực hiện: Điều 40, 42, 47 của Luật Đất đai 2013; Điều 7 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Thanh Hà đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tại Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 và Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tại Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2020. Quy hoạch sử dụng đất huyện giai đoạn 2011-2020 là cơ sở để chính quyền các cấp, các ngành quản lý, tổ chức sử dụng đất đai có hiệu quả. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Thanh Hà sẽ hết hiệu lực thực hiện vào cuối năm 2020, để đảm bảo tính kế thừa, sự phù hợp, đồng bộ, thống nhất, tích hợp giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng

đất cấp quốc gia với quy hoạch tỉnh, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh với huyện, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội địa phương trong thời kỳ 2021-2030, cần lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (*là căn cứ pháp lý cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đáp ứng kịp thời các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn*).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Thanh Hà lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020-2025 với những mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội đã được đặt ra, dự báo sẽ có những biến động về sử dụng đất, làm thay đổi cơ bản cơ cấu sử dụng đất hiện nay trên địa bàn huyện.

Ngày 09/3/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 326/QĐ-TTg về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025. Tại Điều 2: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khẩn trương hoàn thiện việc lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 cấp tỉnh; lập và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030*”.

Ngày 31/12/2021 huyện Thanh Hà đã lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt Quyết định số 4055/QĐ-UBND. Đây là cơ sở để chính quyền các cấp, các ngành quản lý, tổ chức sử dụng đất đai, chỉ đạo sản xuất đầu tư có hiệu quả. Đến nay UBND tỉnh đã có Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 13/7/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu phân bổ một số loại đất cấp tỉnh để điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 và phân kỳ thực hiện giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh dẫn đến các chỉ tiêu sử dụng đất có sự thay đổi theo.

Trên cơ sở Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 và Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 13/6/2024; Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 10/7/20274 của UBND tỉnh. Hơn nữa, để phù hợp với định hướng phát triển chung của cả tỉnh, cũng như của huyện Thanh Hà trong thời kỳ mới, các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội cũng như phương hướng mục tiêu phát triển của các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh nói chung và huyện nói riêng có nhiều thay đổi thể hiện trong điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Hà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND tỉnh Hải Dương. Điều này kéo theo những thay đổi trong cơ cấu sử dụng đất, cũng như nhu cầu sử dụng đất đai cho các ngành, các lĩnh vực.

Từ những lý do trên, UBND huyện Thanh Hà đã tiến hành “**Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thanh Hà**”. Đây sẽ là căn cứ mang tính pháp lý và khoa học, làm cơ sở sử dụng đất, phân bổ hợp lý quỹ đất, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả cao và bền vững đất đai, thiết lập các hành lang pháp lý cho việc thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng, chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất... phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.

- Đánh giá tình hình thực hiện điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2011-2020 đã được phê duyệt. Làm rõ những vướng mắc, khó khăn, bất cập trong việc lập, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để thực hiện quy hoạch trong giai đoạn 2021-2030.

- Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 cấp huyện nhằm phát huy tốt nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, chủ động trong công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội mà nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra.

- Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là cơ sở, cung cấp thông tin cho xây dựng các quy hoạch chuyên ngành có sử dụng đất.

- Yêu cầu về nội dung, trình tự thực hiện việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013; Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

III. CƠ SỞ LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;
- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
- Luật Điện lực số 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012;
- Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Nghị quyết 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;
 - Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định chi tiết thi hành Luật đất đai;
 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành, Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;
 - Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ chính trị; Nghị quyết số 34/NQ-CP của Chính phủ về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến 2030;
 - Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định định mức xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;
 - Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành QCVN01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
 - Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
 - Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3.2. Những cơ sở thông tin và tài liệu thực hiện

- Nghị quyết 87/NQ-CP ngày 07/10/2019 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Hải Dương.

- Nghị quyết 788/NQ-UBTVQH 14/16/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Hải Dương.

- Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2020 - 2025) tỉnh Hải Dương;

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương;

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện Thanh Hà;

- Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Thanh Hà lần thứ XXV nhiệm kỳ 2020-2025;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Thanh Hà lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11-11-2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận đất ở, diện tích tối thiểu được phép tách thửa đất trên địa bàn tỉnh;

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Thanh Hà đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 31/12/2013.

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đã được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2020.

- Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030.

- Quyết định số 3130/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Hải Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại tỉnh Hải Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 4055/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Thanh Hà.

- Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch vùng huyện Thanh Hà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022-2030, định hướng đến năm 2045;

- Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025”; Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022.

- Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về phê duyệt điều chỉnh một số nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên một số loại đất tại Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh.

- Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 13/7/2024 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu phân bổ một số loại đất cấp tỉnh để điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 và phân kỳ thực hiện giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định 109/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh; Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của UBND tỉnh về Phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu phân bổ của một số loại đất, danh mục một số dự án, công trình trên địa bàn huyện Gia Lộc, huyện Thanh Hà, thị xã Kinh Môn và thành phố Hải Dương tại Quyết định 1427/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh.

- Văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Văn bản số 1792/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/4/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập thẩm định và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện khi quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt; Văn bản số: 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03/9/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện;

- Thông báo số 35/TB-TU ngày 18/12/2020 Thông báo kết luận của ban thường vụ Tỉnh ủy về kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 và đề xuất nhu cầu sử dụng đất công nghiệp, đất ở thời kỳ 2021-2030.

- Thông báo số 419/TB-TU ngày 10/9/2021 Thông báo ý kiến kết luận của ban thường vụ Tỉnh ủy về phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai và phương án phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa thời kỳ 2021-2025 và đến năm 2030 tỉnh Hải Dương.

- Hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2021, 2022, 2023 và 2024 của huyện Thanh Hà.

- Niên giám thống kê huyện Thanh Hà các năm năm 2015; 2020, 2021, 2022, 2023;

- Công văn 231/BC-STNMT ngày 11/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc báo cáo tình hình triển khai công tác Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch năm 2022 cấp huyện và một số đề xuất kiến nghị.

- Công văn số 2543/UBND-VP ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh về việc tăng cường thực hiện công tác Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện.

- Công văn số 1726/STNMT-KHTC ngày 27/6/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương về việc hoàn thiện hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện và tổ chức thẩm định theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020.

- Kết quả thực hiện các chương trình, dự án, các nghiên cứu của Trung ương và địa phương có liên quan đến sử dụng đất trên địa bàn huyện.

- Quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực, quy hoạch sử dụng đất của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Thanh Hà.

- Số liệu thống kê đến 31 tháng 12 năm 2020 huyện Thanh Hà.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 của các xã, thị trấn và huyện Thanh Hà.

- Đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các xã, thị trấn, phòng ban, cơ quan, sở ngành đến năm 2030.

Và các hồ sơ, tài liệu có liên quan khác.

IV. Bộ cục của báo cáo thuyết minh tổng hợp “Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thanh Hà” ngoài phần đặt vấn đề, phần kết luận và kiến nghị, bộ cục báo cáo gồm 4 phần sau:

Phần I: Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội

1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường;
2. Thực trạng phát triển kinh tế, xã hội;
3. Biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất

Phần II: Tình hình quản lý sử dụng đất đai.

1. Tình hình quản lý đất đai.
2. Hiện trạng sử dụng đất đai và biến động các loại đất.

3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước.
4. Tiềm năng đất đai.

Phần III: Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

1. Định hướng sử dụng đất.
2. Phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.
3. Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế-xã hội và môi trường.

Phần IV: Giải pháp thực hiện.

V. Các sản phẩm của dự án

Sau khi đề án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 hoàn thành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, sản phẩm bàn giao gồm có.

- + Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020; tỷ lệ 1/25.000.
- + Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030; tỷ lệ 1/25.000.
- + Bản đồ chuyên đề.
- + Báo cáo thuyết minh tổng hợp Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thanh Hà.
- + Quyết định phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thanh Hà của UBND tỉnh Hải Dương và các văn bản có liên quan kèm theo.

Các sản phẩm của dự án được lưu trữ tại, UBND tỉnh: 01 bộ, Sở Tài nguyên và Môi trường: 01 bộ, UBND huyện: 01 bộ; Phòng Tài nguyên và Môi trường: 01 bộ.

- + Đĩa CD và file số lưu trữ các sản phẩm trên.

PHẦN I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Thanh Hà nằm ở phía đông nam tỉnh Hải Dương, trung tâm huyện lỵ cách trung tâm của tỉnh (*Thành phố Hải Dương*) khoảng 20 km và có địa giới hành chính của huyện bao gồm:

- Phía Bắc giáp thành phố Hải Dương và huyện Kim Thành.
- Phía Đông giáp huyện Kim Thành và Thành phố Hải Phòng.
- Phía Nam giáp huyện Tứ Kỳ.
- Phía Tây giáp huyện Tứ Kỳ và Thành phố Hải Dương.

Huyện có tổng diện tích tự nhiên 14.071,82 ha; dân số có 144.274 người; mật độ dân số bình quân là 1.025 người/km². Toàn huyện hiện có 20 đơn vị hành chính gồm 19 xã, 01 thị trấn và được chia làm 4 khu: Hà Bắc, Hà Tây, Hà Nam và Hà Đông.

- Khu Hà Bắc gồm 7 xã là: Hồng Lạc, Việt Hồng, Tân Việt, Thanh An, Thanh Lang, Cẩm Chế và Liên Mạc.

- Khu Hà Tây gồm 3 xã là: Tân An, Thanh Hải, An Phượng.

- Khu Hà Nam gồm 6 xã, thị trấn là: Thanh Khê, Thanh Sơn, Thanh Xá, Thanh Thủy, Thanh Xuân và thị trấn Thanh Hà.

- Khu Hà Đông gồm 4 xã là: Thanh Quang, Thanh Cường, Thanh Hồng và Vĩnh Lập.

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Nằm trong vùng đồng bằng Bắc bộ nên Thanh Hà có địa hình thấp dần từ bắc xuống nam và từ đông sang tây nhưng nhìn chung khá bằng phẳng. Do hệ thống sông ngòi bao bọc và chia cắt đã tạo nên nhiều tiểu vùng địa hình có tính chất thổ nhưỡng khác nhau. Từ cao độ + 2.0 m đến +2,2 m thấp dần xuống + 1,5 – 1,0 m, thậm chí có vùng thấp trũng cao độ +0,5 m đến +0,8 m. Trong khu vực nông thôn có nhiều ao, hồ, kênh, mương nối liền với nhau thành một hệ thống liên hoàn thông với các sông chia cắt thành

các lưu vực nhỏ. Vùng có độ cao $\geq 2,0$ m là các khu vực đã xây dựng khu làng xóm, mô mả. Khu vực có $1,0 \text{ m} \leq \text{cao độ} < 2,0$ m là các khu vực nằm xen kẽ trong các xã.

1.1.3. Khí hậu, thời tiết

Huyện Thanh Hà nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với đặc trưng của khí hậu miền Bắc có mùa đông lạnh, mưa ít; mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều; có gió đông nam thổi mạnh từ tháng 5 đến tháng 9 hàng năm với tốc độ trung bình 20 m/s.

Nhiệt độ trung bình cả năm 24°C . Tháng nóng nhất là tháng 6,7,8 có ngày nhiệt độ lên tới $36^{\circ}\text{C} - 37^{\circ}\text{C}$, tháng lạnh nhất là tháng 1, tháng 2, nhiệt độ trung bình hàng năm dao động từ $15-17^{\circ}\text{C}$.

Lượng mưa trung bình là: 1.770 mm; Độ ẩm trung bình từ 83% - 85%.

1.1.4. Thủy văn

Huyện Thanh Hà còn có hệ thống các sông lớn bao bọc 3 mặt của huyện như: Sông Thái Bình, sông Rạng, Sông Văn Úc và hệ thống sông nội bộ như:

Sông Gù, Sông Hương tạo nên những nét đặc thù riêng về giao thông đường thủy cũng như về địa hình, chế độ thủy văn, thổ nhưỡng...

1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất

Tổng diện tích tự nhiên của huyện Thanh Hà là 14.071,82 ha chiếm 8,5% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh Hải Dương.

Đất đai của huyện Thanh Hà được hình thành do sự bồi lắng phù sa của hệ thống sông Thái Bình nên rất màu mỡ, phì nhiêu, thuận lợi cho phát triển kinh tế nông nghiệp, đặc biệt là trồng cây ăn quả.

1.2.2. Tài nguyên nước

- Nguồn nước mặt: Huyện Thanh Hà có 70 km sông tự nhiên bao bọc là sông Thái Bình và sông Rạng, sông Văn Úc và có 20 km sông Hương chạy suốt 10 xã khu Hà Bắc, khu Hà Tây và khu Hà Nam. Ngoài ra các ao hồ trong khu dân cư, các mặt nước trong các vùng chuyên đổi được quản lý sử dụng tương đối tốt. Toàn bộ hệ thống sông ngòi, ao hồ đó đã làm phong phú nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.

- Nguồn nước ngầm: Trữ lượng lớn song chất lượng còn hạn chế và đang có dấu hiệu bị ô nhiễm.

1.2.3. Tài nguyên thiên nhiên

Thanh Hà là vùng đặc sản vải thiều của tỉnh Hải Dương và của cả nước. Diện tích cây vải 3.500 ha. Sản lượng vải năm 2020 đạt khoảng 28 nghìn tấn (trong đó vải sớm đạt 23 nghìn tấn, vải chính vụ đạt 5 nghìn tấn). Những năm gần đây, do hiệu quả kinh tế từ cây vải thấp nên nhiều hộ dân đã mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang các loại cây ăn quả khác có giá trị kinh tế cao hơn như; quýt, ổi... do đó diện tích cây vải năm 2020 đã giảm so với năm 2015 khoảng gần 420 ha. Tuy nhiên, cây vải vẫn giữ được vai trò chủ lực trong các sản phẩm trồng trọt của địa phương nhờ những năm qua thời tiết, khí hậu thuận lợi.

Thanh Hà còn có nhiều giá trị văn hóa phi vật thể, có tiềm năng phát triển du lịch gồm: du lịch sinh thái miệt vườn, du lịch trải nghiệm và tham quan du lịch sông nước kết hợp du lịch di tích lịch sử văn hóa và tâm linh như Khu du lịch sinh thái sông Hương; lễ hội vải thiều và các lễ hội truyền thống..

1.2.4. Tài nguyên nhân văn

Toàn huyện có 310 di tích, trong đó có 10 di tích xếp hạng cấp quốc gia và 17 di tích xếp hạng cấp tỉnh. Một số di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu như : Đền Từ Hạ, Chùa Minh Khánh, Chùa Bạch Hào....

Các lễ hội tại Thanh Hà mang đậm giá trị lịch sử, tín ngưỡng tôn giáo, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn. Đồng thời với các lễ hội là các trò chơi dân gian, diễn xướng đặc sắc (*đặc biệt là nghệ thuật hát chèo và múa rối nước tại xã Thanh Hải*) mang tính giáo dục cao. Phường rối nước xã Thanh Hải với truyền thống lâu đời, đã được biểu diễn và giành nhiều giải thưởng lớn trong và ngoài nước.

Bên cạnh các di tích, lễ hội tạo điều kiện phát triển du lịch văn hóa nhân văn, Thanh Hà còn có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái miệt vườn, cùng với các sản phẩm cây ăn quả như vải thiều, cây ổi, cây quýt. Đặc biệt, ở Thanh Hà có khu miệt vườn vải thiều với cây vải tổ đã thu hút nhiều khách du lịch tới thăm quan.

1.3. Phân tích hiện trạng môi trường

Thanh Hà cơ bản vẫn là một huyện thuần nông nghiệp. Trên địa bàn huyện không có khu công nghiệp lớn mà chỉ có các điểm tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ

nhỏ lẻ nên mặt trái của công nghiệp hoá, đô thị hoá - nguy cơ ô nhiễm môi trường - tác động không lớn.

Bên cạnh đó, sự chỉ đạo kiên quyết của các cấp, các ngành, các địa phương trong huyện và đặc biệt là nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường được nâng cao là một trong những nguyên nhân góp phần làm hạn chế ô nhiễm môi trường.

Tuy nhiên, ở bất cứ địa phương nào áp lực của các vấn đề xã hội lên đất đai và môi trường là không thể không có. Chính vì vậy, không thể khẳng định huyện Thanh Hà không tiềm ẩn những nguy cơ ô nhiễm môi trường. Những nguy cơ ô nhiễm môi trường thể hiện ở một số lĩnh vực sau:

- Tập quán dùng thuốc bảo vệ thực vật trong nông nghiệp chưa đúng, chưa khoa học. Hiện tượng dùng lạm phát thuốc, dùng thuốc không đúng theo hướng dẫn của cơ quan BVTV vẫn còn xảy ra phổ biến gây dư thừa hàm lượng thuốc BVTV trong đất, trong nông sản phẩm.

- Việc quản lý, sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa ở một số ít địa phương chưa được tốt. Quy cách của các nghĩa trang, nghĩa địa về khoảng cách với khu dân cư, về độ cao của khu hung táng, về phân bố các khu trong nghĩa địa đa phần là chưa phù hợp.

- Việc hoạch định và bảo vệ hệ thống tiêu thoát nước trong khu dân cư ở một số địa phương chưa tốt.

- Một số mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm tự phát trong khu dân cư với số lượng lớn, không có biện pháp xử lý chất thải triệt để đã gây ô nhiễm nguồn nước, không khí, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng, rất nguy hiểm đặc biệt là trong giai đoạn cả thế giới phòng chống dịch cúm gia cầm như hiện nay.

1.4. Đánh giá chung

Thanh Hà có vị trí địa lý tương đối thuận lợi, mạng lưới giao thông vận tải của huyện trong những năm gần đây phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho huyện Thanh Hà thúc đẩy giao lưu kinh tế - xã hội với các vùng lân cận.

Thanh Hà có tài nguyên đất phong phú, đất đai được hình thành do sự bồi lắng phù sa của hệ thống sông Thái Bình nên rất màu mỡ, phì nhiêu, thuận lợi cho phát triển kinh tế nông nghiệp, đặc biệt là cây ăn quả. Đồng thời, quỹ đất của

huyện còn có tiềm năng lớn để quy hoạch các khu, cụm công nghiệp, trung tâm thương mại, dịch vụ, khu dân cư, khu đô thị.

Với những thuận lợi về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên nói trên, Thanh Hà có đầy đủ các nguồn lực, thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI.

(Nguồn: Văn kiện trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Thanh Hà lần thứ 25).

2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế, xã hội

2.1.1. Tăng trưởng kinh tế

Kinh tế tiếp tục phát triển; cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch khá nhanh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 8,9 triệu đồng năm 2010 lên khoảng 29,5 triệu đồng năm 2015 lên khoảng 51,3 triệu đồng năm 2020 (*mục tiêu ĐH 45 triệu đồng*) lên khoảng 67,8 triệu đồng năm 2023. Cơ cấu lao động và tỷ trọng kinh tế chuyển dịch từ lĩnh vực nông nghiệp sang công nghiệp, xây dựng và dịch vụ (Cơ cấu lao động đến năm 2020: Nông nghiệp, thủy sản 37,8% - công nghiệp, xây dựng 39,2% - dịch vụ 23%; năm 2015 cơ cấu tương ứng là 53,8% - 26,9% - 19,3%.

2.1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Nhìn chung cơ cấu kinh tế của huyện có sự chuyển dịch theo hướng tích cực và đúng hướng như mục tiêu các kỳ đại hội của huyện đặt ra.

- Ngành nông nghiệp, thủy sản giảm từ 40,1% năm 2010 xuống còn 35,6% năm 2015 xuống 23,9% năm 2020 và 18% năm 2023.

- Ngành công nghiệp và xây dựng tăng từ 30,8% năm 2010 lên 34,2% năm 2015 lên 47,3% năm 2020 và 47,8% năm 2023.

- Ngành dịch vụ tăng từ 29,1% năm 2010 lên 30,2% năm 2015 lên 28,8% năm 2020 và 34,2% năm 2023.

Cơ cấu kinh tế: 40,1%-30,8%-29,1% (năm 2010) sang 35,6%-34,2%-30,2% (năm 2015) sang 23,9% - 47,3% - 28,8% (năm 2020) và 18%-47,8%-34,2% (năm 2023).

2.2. Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

2.2.1. Phát triển khu vực kinh tế nông nghiệp

Giá trị sản xuất ngành Nông nghiệp - Thủy sản (theo giá so sánh năm 2010) tăng từ 1.279,0 tỷ đồng năm 2010 lên 1.419,6 tỷ đồng năm 2015 và ước đạt 1.554,6 tỷ đồng năm 2020 và đạt 1.912,2 tỷ đồng năm 2023, tăng bình quân 1,8%/năm (*mục tiêu ĐH 3,2%*). Hình thành các vùng sản xuất tập trung, tổ chức nhiều hoạt động xúc tiến thương mại cho các sản phẩm nông nghiệp: Vải sớm khu Hà Đông; vải chính vụ khu Hà Nam; ổi Khu Hà Bắc, Thanh Xuân, An Phượng; quýt trái vụ An Phượng, Thanh Sơn, Cẩm Chế; Bưởi Thanh Hồng; rau màu Hồng Lạc, Thanh Hải; chuyên canh lúa xã Thanh Hải và Khu Hà Bắc; Rươi - Cáy Vĩnh Lập, Thanh Xuân,... Từ năm 2018, Lễ hội Vải thiều Thanh Hà - Hải Dương được tổ chức tại huyện; thường xuyên phối hợp tổ chức Hội nghị khách hàng, tuần lễ Vải Thiều Thanh Hà, xúc tiến thương mại, dán tem truy xuất nguồn gốc mã Qr-Code cho quả Vải Thanh Hà. Thường xuyên tổ chức quảng bá, giới thiệu sản phẩm hoa quả, rau màu,... tại các hội chợ, siêu thị,...

- Diện tích cây ăn quả, cây rau màu cơ bản được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, trong đó đã có 813 ha cây ăn quả sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP. Quả vải thiều Thanh Hà được giới thiệu và xuất khẩu sang các nước Châu Âu, Úc, Mỹ, Nhật Bản. Sản phẩm ổi Thanh Hà, bưởi Thanh Hồng, quýt, chanh,... đã được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam công nhận nhãn hiệu tập thể.

2.2.1.1. Ngành trồng trọt.

Giá trị sản xuất ngành trồng trọt (theo giá so sánh) tăng từ 752 tỷ đồng năm 2010 lên 913 tỷ đồng năm 2015 lên 1.018,6 tỷ đồng năm 2020 và đạt 1.233 tỷ đồng năm 2023, tăng bình quân 2,2%/năm. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên đất trồng trọt và nuôi thả thủy sản ước đạt 160 triệu đồng/ha, đạt mục tiêu Đại hội đề ra. Diện tích trồng lúa 2 vụ 2.500 ha. Năng suất lúa đạt 120 tạ/ha/năm (*mục tiêu ĐH 125 tạ/ha/năm*). Diện tích cây ăn quả 7.006 ha; trong đó: diện tích vải 3.500 ha. Diện tích gieo trồng cây rau màu được duy trì khoảng 1.700 ha/năm, trong đó cây rau màu vụ đông 500 ha/năm.

2.2.1.2. Ngành chăn nuôi.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm ngày càng phát triển, cơ bản giải quyết được nhu cầu thực phẩm trên địa bàn. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi (theo giá so sánh) tăng từ 409 tỷ đồng năm 2010 lên 416,4 tỷ đồng năm 2015 và năm 2020 đạt giá trị 412,5 tỷ đồng và năm 2023 đạt giá trị 516 tỷ đồng. Chăn nuôi phát triển theo

hướng sản xuất hàng hóa, tập trung, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tăng tỷ trọng giá trị ngành chăn nuôi.

2.2.1.3. Ngành thủy sản.

Tổng diện tích mặt nước trên địa bàn huyện được khai thác đưa vào nuôi thả thủy sản là 433 ha, có 241 lồng nuôi cá trên sông tại các xã Thanh Hải, Thanh Sơn, Thanh Xuân, Thanh Quang, Thanh Cường, Thanh Hồng, Vĩnh Lập. Quy hoạch và thực hiện 02 vùng khai thác rươi, cáy tập trung tại xã Vĩnh Lập, Thanh Xuân. Tổng giá trị sản xuất ngành thủy sản năm 2010 đạt 87,0 tỷ đồng, năm 2015 đạt 58,2 tỷ đồng, năm 2020 đạt khoảng 86,6 tỷ đồng và năm 2023 đạt khoảng 168 tỷ đồng.

2.2.1.4. Dịch vụ nông nghiệp.

Hoạt động dịch vụ trong nông nghiệp được mở rộng, đa dạng, hiệu quả hơn, từng bước giải phóng sức lao động nông thôn, giá trị sản xuất dịch vụ nông nghiệp đã tăng từ 31,0 tỷ đồng năm 2010 lên 31,6 tỷ đồng năm 2010 lên 36,9 tỷ đồng năm 2020 và đạt khoảng 53 tỷ đồng năm 2023 (giá so sánh 2010).

2.2.1.5. Xây dựng nông thôn mới

Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hoàn thành vượt mục tiêu Đại hội đề ra, diện mạo nông thôn thay đổi rõ rệt, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao. Hạ tầng thiết yếu ở thôn, xã được đầu tư xây dựng, nâng cấp hoàn thiện. Đã huy động 1.645,24 tỷ đồng xây dựng nông thôn mới. Đến năm 2020, có 19/19 xã (đạt 100%) được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới, trong đó xã Thanh Sơn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, năm 2023 có thêm 01 xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao và có 02 xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu; huyện Thanh Hà đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2020.

2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng.

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 18,4%/năm, giá trị đạt 3.195 tỷ đồng (theo giá so sánh); toàn huyện có 1.689 cơ sở sản xuất công nghiệp, giải quyết việc làm cho trên 15.000 lao động (trong đó các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trên 9.000 lao động), với mức thu nhập từ 6-8 triệu đồng/người/tháng. Một số ngành nghề như: may mặc, vật liệu xây dựng, cơ khí, nguyên liệu gốm sứ... đang được các doanh nghiệp đầu tư, mở rộng. Hiện nay,

huyện đang tích cực kêu gọi đầu tư để lập quy hoạch, triển khai xây dựng 01 khu công nghiệp tại xã Thanh Cường, Thanh Hồng với diện tích khoảng 150 ha.

Giá trị sản xuất ngành xây dựng tăng bình quân 13,2%/năm, giá trị đạt 1.255 tỷ đồng (theo giá so sánh). Công tác quản lý nhà nước về xây dựng và quản lý hạ tầng đô thị được tăng cường. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch được chú trọng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Trong nhiệm kỳ đã quy hoạch, triển khai nhiều dự án khu dân cư, nhà liền kề, biệt thự góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và thay đổi diện mạo nông thôn, đô thị.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được chú trọng đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hệ thống đường giao thông được tập trung đầu tư, cải tạo, nâng cấp. Trong những năm qua đã triển khai nhiều dự án, công trình trọng điểm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội: Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 390 (đoạn Bến Xe – Cầu Hợp Thanh), Dự án cải tạo, nâng cấp đường 390E và phà Giải; Dự án xây dựng mới tuyến đường Quyết Thắng - Tân Việt - Cẩm Chế... Tích cực phối hợp triển khai xây dựng đường dẫn và cầu Quang Thanh. Tỷ lệ đường giao thông nông thôn, đường ra đồng, đường nội đồng được kiên cố hoá đạt 89%. Hệ thống các công trình phòng chống giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, công trình thủy lợi được quan tâm xây dựng, củng cố và tăng cường. Những năm vừa qua đã thực hiện xây dựng 6 cống (cống Nguyễn I, cống Nguyễn II, cống Đáy, cống Ngừng, cống Bá Nha, cống Câu Thượng); gia cố mặt đê bê tông với chiều dài là 18,55 km; tu bổ 4,861 km kè (Thanh Hải, Phượng Hoàng, Thanh Sơn, Hồng Lạc, Thanh Lang, Trường Thành, Thanh Bính, Vĩnh Lập); đắp và hoàn chỉnh 27,797 km đê; đắp, vun 2,352 km luống, băng kết tre chắn sóng; khoan phụt vữa gia cố thân đê là 12,599 km...

2.2.3. Khu vực kinh tế Dịch vụ - Thương mại

Giá trị sản xuất ngành dịch vụ tăng bình quân 8,2%/năm. Trên địa bàn huyện duy trì 02 tuyến xe buýt Thanh Hà - Hải Dương và nhiều hãng xe khách, taxi phục vụ nhân dân... Dịch vụ viễn thông tiếp tục được mở rộng đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất, thông tin, văn hóa và đời sống của nhân dân. Một số dịch vụ phát triển nhanh như: nhà hàng, khách sạn, dịch vụ bảo hiểm, siêu thị. Thực hiện cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới chợ tại các xã, thị trấn, đến nay toàn huyện có 14 chợ (10 chợ loại 3, 04 chợ loại 2).

Hoạt động du lịch được quan tâm đầu tư và bước đầu hình thành, đã thu hút trên 40.000 lượt khách đến tham quan, trải nghiệm, mua sắm tại điểm du lịch cây Vải Tô xã Thanh Sơn, phường rôi nước xã Thanh Hải, vườn ổi VietGap xã Liên Mạc.... Đã quy hoạch và đang triển khai xây dựng hạ tầng và một số điểm du lịch bổ trợ kết nối với Khu du lịch sinh thái sông Hương (*Vườn vải thiều Đồng Mẫn, xã Thanh Khê; Bãi Soi, xã Thanh Xuân,...*). Hiện nay, Dự án du lịch sinh thái Sông Hương đã đầu tư xây dựng hạ tầng 3 điểm đón tiếp (đầu tuyến, cuối tuyến và điểm dừng chân giữa tuyến); Tập đoàn T&T khảo sát, lập quy hoạch với quy mô khoảng 863,52 ha.

(Nguồn: Văn kiện trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020 – 2025; Báo cáo kết quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội qua các năm 2021, năm 2022, năm 2023)

2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất *(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hải Dương 2020 - 2023)*

2.3.1. Dân số, lao động và việc làm

Theo số liệu niên giám thống kê tỉnh Hải Dương năm 2020 thì dân số trung bình của huyện Thanh Hà khoảng 144.274 người, trong đó: dân số trung bình thành thị khoảng 8.556 người, dân số trung bình nông thôn khoảng 135.718 người;

Cơ cấu lao động có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm tỷ trọng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, tăng tỉ trọng lao động trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Hằng năm tạo việc làm mới cho khoảng 2.000 lao động.

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động đạt nhiều kết quả, đã có sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các đơn vị đào tạo nghề và giới thiệu việc làm. Lực lượng lao động qua đào tạo tham gia lao động trong các ngành kinh tế năm 2020 là 65.095 chiếm 76% số người lao động có việc làm.

2.3.2. Thu nhập và mức sống dân cư.

Mức sống dân cư ngày càng được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người hàng năm tăng lên, thu nhập bình quân đầu người tăng từ 8,9 triệu đồng vào năm 2010 lên 29,5 triệu đồng vào năm 2015 và 51,3 triệu đồng năm 2020 (*mục tiêu ĐH*

45 triệu đồng) và năm 2023 đạt 67,8 triệu đồng; tỷ lệ hộ nghèo giảm đáng kể từ 6% năm 2010 giảm xuống còn dưới 2,2% năm 2020 và 1,8% năm 2023. Nhìn chung mức sống dân cư đã có sự cải thiện đáng kể, tất cả các xã đều có đường giao thông nông thôn tương đối hoàn chỉnh. Về giáo dục, quy mô giáo dục các cấp tiếp tục được mở rộng, chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và THCS được nâng cao, phổ cập THPT đang từng bước được thực hiện. Công tác y tế, văn hóa, thể thao luôn được chú trọng nâng cao chất lượng phục vụ để chăm sóc sức khỏe cộng đồng và phát triển đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.

2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn

2.4.1. Thực trạng phát triển đô thị

Thị trấn Thanh Hà là trung tâm văn hoá - chính trị của huyện đã được hình thành từ lâu đời, có điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội với hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển khá đồng bộ. Về giao thông đường bộ có TL390, TL390B là đầu mối giao lưu với các địa phương trong huyện và các huyện lân cận; đường thủy có sông Hương.

Tổng diện tích đất đô thị là 527,18 ha chiếm 3,28% diện tích đất hành chính của huyện. Dân số đô thị có khoảng 8.556 người, chiếm 5,93% tổng dân số toàn huyện. Diện tích đất ở tại đô thị có 109,60 ha, bình quân diện tích đất ở tại đô thị khoảng 128 m²/người.

2.4.2. Thực trạng phát triển nông thôn

Toàn huyện có 19 xã thuộc vùng nông thôn, dân số nông thôn khoảng 135.718 người. Tổng diện tích đất khu dân cư nông thôn là 3.655,18 ha, chiếm 22,77% diện tích đất tự nhiên của huyện, trong đó diện tích đất ở tại nông thôn là 2.507,65 ha, bình quân diện tích đất ở tại nông thôn khoảng 185 m²/người.

2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

2.5.1. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật

a. Giao thông

* Hệ thống đường bộ:

- Đường tỉnh quản lý: gồm có 2 tuyến đường (đường 390 và 390B) với tổng chiều dài 36,6 km. Đây là hai tuyến giao thông huyết mạch nối với Quốc lộ 5A và

Quốc lộ 10 đã và đang được đầu tư cải tạo, sửa chữa song kinh phí đầu tư còn hạn chế.

- Đường huyện quản lý: gồm có 8 tuyến với tổng chiều dài 33,27 km. Đến nay, hệ thống đường do huyện quản lý cơ bản đã được nhựa hóa, song chất lượng chưa đồng đều, hệ thống các cầu cống qua đường yếu và đã được xây dựng từ nhiều năm trước, biển báo đã có song chưa đầy đủ.

- Đường xã quản lý: có 727,87 km, bao gồm: đường xã và liên xã dài 116,3 km (đường nhựa 6,4 km, đường bê tông xi măng 37,1 km, đường đá 24,5 km); đường thôn dài 205,79 km (đường nhựa 6,4 km, đường bê tông xi măng 147,2 km, đường đá 22,24 km, đường lát gạch 2,24 km); đường xóm dài 178,1 km (đường bê tông xi măng 121,6 km, đường đá 11,6 km, đường lát gạch 17,39 km); Đường khuyến nông dài 227,66 km (đường bê tông xi măng 25,7 km, đường đá cộn 59,67 km, đường gạch vỡ, xỉ lò 27,78 km, đường đất 92,97 km).

* Đường thủy: Trên địa bàn huyện có 70 km đường sông do trung ương và tỉnh quản lý (sông Rạng, sông Thái Bình, Sông Gù, sông Văn Úc, sông Mía) và 21 km do huyện quản lý (sông Hương). Chất lượng đường sông do Trung ương quản lý có độ thông thoáng tốt hơn, mọi hệ thống phao tiêu, biển báo đầy đủ và đúng quy định, còn trên sông Hương do huyện quản lý chưa đáp ứng được nhu cầu vận tải đường sông.

b. Đê điều, thủy lợi

Thanh Hà là huyện có hệ thống đê điều phong phú với tổng chiều dài (*cả đê Trung ương và địa phương*) lên tới hơn 70 km. Trong những năm qua, công tác tăng cường củng cố hệ thống đê điều và công trình thủy lợi là một trong nhiệm vụ chính trị quan trọng của Đảng bộ và nhân dân huyện Thanh Hà. Kế hoạch tu bổ đê hàng năm được hoàn thành; Công tác trồng tre chắn sóng và san lấp các thung trũng ven đê được thực hiện tốt; Đã và đang tiến hành xây dựng lại các điểm canh đê cũ đã hư hỏng.

Hệ thống trạm bơm và kênh mương đang được khai thác có hiệu quả. Hệ thống tiêu thoát nước trong khu dân cư đa phần đã được hoạch định, thường xuyên khơi thông. Một số trạm bơm được xây mới và nâng cấp để phục vụ sản xuất và đời sống. Các địa phương đang đẩy mạnh tốc độ kiên cố hoá kênh mương song kết quả còn khiêm tốn. Một số địa phương kiên cố được nhiều km kênh mương như: Liên Mạc, Cẩm Chế, Thanh Xuân,...

c. Hạ tầng cấp, thoát nước

Trên địa bàn huyện hiện nay có 09 trạm cấp nước sạch tập trung đó được xây dựng và đi vào hoạt động tại các xã: Phượng Hoàng, Thanh An, Việt Hồng, Cẩm Chê, Thanh Sơn, Hồng Lạc, Thanh Thủy, Thanh Bính, Thanh Cường, 01 nhà máy nước thị trấn Thanh Hà cung cấp nước cho nhân dân. Toàn huyện có ... trong tổng số 20 xã, thị trấn tham gia dự án nước sạch và là huyện có tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch cao của tỉnh Hải Dương. Đến nay, có 100% số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh.

Hệ thống thu gom xử lý nước thải sinh hoạt khu đô thị chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ, nước thải sinh hoạt và nước mưa vẫn còn thải ra các sông, hồ gây ô nhiễm.

Ở các vùng nông thôn việc thoát nước thải của nhân dân chủ yếu được thải trực tiếp ra sông, hồ, kênh mương và thoát do tự thấm, chưa có đường ống gây nguy cơ gia tăng ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của nhân dân.

2.5.2. Cơ sở hạ tầng xã hội

a. Giáo dục - đào tạo

Giáo dục và đào tạo của huyện tiếp tục phát triển cả về quy mô và chất lượng. Công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ được thực hiện tốt ở các cấp học, bậc học. Quy mô số lớp, số học sinh phù hợp; cơ sở vật chất các trường học tiếp tục được tăng cường. Công tác xây dựng trường đạt Chuẩn quốc gia và đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục được đẩy mạnh, hiện có 63/65 trường đạt Chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 96,9% cao hơn trung bình của tỉnh.

Hoạt động dạy học có thời gian bị gián đoạn do dịch bệnh Covid-19 theo chỉ đạo của tỉnh, tuy nhiên chất lượng vẫn được đảm bảo. Phối hợp tổ chức thành công kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 đảm bảo an toàn đúng kế hoạch, kết quả có 1598/1605 thí sinh đỗ tốt nghiệp (đạt 99,56%). Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để triển khai thực hiện Chương trình sách giáo khoa mới đối với lớp 1 năm học 2020-2021. Phối hợp tổ chức thành công kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021, 2022, 2023 và kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2021-2024.

Tham gia các cuộc thi học sinh giỏi do tỉnh tổ chức đạt kết quả tốt: Năm 2023 thi học sinh giỏi tỉnh lớp 9 kết quả đạt 4 Nhì, 18 Ba, 15 khuyến khích; thi KHKT dành cho học sinh có 1 giải Tư; Tham gia thi Cờ vua cấp tỉnh có 02 học sinh đạt giải. Thi Điền kinh cấp tỉnh có 03 em đạt giải Ba. Thi IOE cấp Quốc gia

có 11 học sinh Tiểu học đạt giải (02 giải Vàng, 02 giải Bạc, 04 giải Đồng, 03 giải Khuyến khích). Thi IOE cấp tỉnh, cấp Tiểu học có 4 học sinh đạt giải Ba, 8 giải Khuyến khích; cấp THCS có 02 em đạt giải: 01 giải Nhì, 01 giải Khuyến khích. Thi Đấu trường toán học VIOEDU cấp tỉnh có 198 học sinh tiểu học đạt giải (20 giải Vàng, 34 giải Bạc, 35 giải Đồng và 109 giải Khuyến khích); có 15 học sinh THCS đạt giải (04 giải Bạc, 02 giải Đồng, 09 giải Khuyến khích). Thi Trạng nguyên Tiếng Việt cấp tỉnh có 112 em đạt giải (35 giải Nhất, 26 giải Nhì, 22 giải Ba, 29 giải Khuyến khích).

b. Y tế

Trên địa bàn huyện có 01 Trung tâm y tế huyện (hạng III) được thành lập trên cơ sở sát nhập Bệnh viện đa khoa huyện, Trung tâm y tế dự phòng huyện và Trung tâm Dân số - KHHGD huyện có quy mô 210 giường bệnh; 01 phòng khám đa khoa khu vực Hà Đông quy mô 10 giường bệnh lưu. Tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều có trạm Y tế. Các trạm y tế xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020. Năm 2023, có 10/20 xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2026-2030.

Công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kỹ thuật hiện đại phục vụ khám, chữa bệnh đang được đầu tư xây dựng. Công tác quản lý hành nghề y được tư nhân, đảm bảo an toàn thực phẩm được chú trọng.

Công tác khám, chữa bệnh được Trung tâm y tế huyện thực hiện nghiêm túc trực 24/24, chủ động về cơ sở thuốc, trang thiết bị y tế, vật tư, phương tiện phòng hộ cá nhân, hóa chất khử khuẩn để thu dung, cấp cứu điều trị bệnh nhân, sẵn sàng ứng phó với các tình huống dịch bệnh.

c. Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng gia đình văn hóa, làng - khu dân cư văn hóa, cơ quan, đơn vị văn hóa phát triển sâu rộng trên địa bàn. Toàn huyện có 85/89 làng, khu dân cư được công nhận danh hiệu làng, khu dân cư văn hóa (đạt 95,5%), có 40.772/44.758 gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa (đạt 91%), có 108/109 số cơ quan đạt danh hiệu cơ quan văn hóa (đạt 99%).

Hoạt động văn hóa đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, hiệu lực quản lý Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa được tăng cường. Các

công trình văn hóa, các thiết chế văn hóa từng bước được đầu tư xây dựng, mức hưởng thụ văn hóa của các tầng lớp nhân dân ngày một nâng lên. Toàn huyện có 122 nhà văn hóa với diện tích 120.700 m², trong đó có 113 nhà văn hóa thôn, khu dân cư, 8 nhà văn hóa xã, thị trấn và 01 nhà văn hóa huyện. Ngoài ra, còn có 01 thư viện huyện, 4 thư viện xã, thị trấn và 44 tủ sách thôn, khu dân cư.

Mạng lưới phát thanh, truyền thanh đó có nhiều chuyên biên tích cực, đó thụng tin kịp thời tới nhân dân về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Hệ thống truyền thanh cấp xã được phủ kín 100% xã, thị trấn trong toàn huyện.

2.5.3. Quốc phòng, an ninh

Các cấp các ngành đã chú trọng tăng cường công tác bảo vệ an ninh trật tự, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được đẩy mạnh, nắm chắc diễn biến tình hình cơ sở, chủ động ngăn chặn, phòng ngừa tội phạm, tệ nạn ma túy; phong trào toàn dân tham gia quản lý, giáo dục giúp đỡ người lầm lỗi trên địa bàn thu được kết quả. An ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Công tác đảm bảo an toàn giao thông được duy trì thường xuyên, tai nạn giao thông được kiểm soát.

Triển khai và thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Đã thực hiện tốt nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập và thực hiện phương án phòng thủ khu vực. Đã kết hợp tốt nhiệm vụ kinh tế với quốc phòng. Công tác đăng ký quân dự bị động viên, dân quân tự vệ được tăng cường và củng cố. Hàng năm thực hiện tốt chỉ tiêu gọi thanh niên nhập ngũ, đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Thực hiện nghiêm Luật quốc phòng dân quân tự vệ và chế độ trực chiến, trực chỉ huy. Thực hiện tốt các quy định về quản lý vũ khí, khí tài. Phối hợp tổ chức thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

2.6. Đánh giá chung

2.6.1. Những thuận lợi và hạn chế

a. Thuận lợi

- Về vị trí địa lý Thanh Hà có vị trí địa lý tương đối thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội như: gần Quốc lộ 5, tiếp giáp với trung tâm tỉnh lỵ là thành phố Hải Dương, có đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng chạy qua, cách quốc lộ 10 nối với các tỉnh, thành như Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định không xa.

- Huyện tiếp giáp với 3 mặt là các sông: sông Thái Bình, sông Rạng, Sông Văn Úc với chiều dài khoảng 70 km và có hệ sông Hương dài khoảng 20 km chạy suốt 10 xã trong huyện. Đây là yếu tố thuận lợi để phát triển giao thông đường thủy với các dịch vụ vận chuyển hàng hóa, khai thác và vận chuyển vật liệu. Tuy nhiên, đây cũng là khó khăn thách thức đối với việc đầu tư cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông với việc phải xây dựng nhiều cầu, cống.

b. Hạ tầng

- Hạ tầng cơ sở còn chưa phát triển trong đó có hạ tầng giao thông là yếu tố quyết định. Trong những năm vừa qua, huyện Thanh Hà đã xây dựng, cải tạo lại hệ thống giao thông, trong đó có việc xây dựng cầu Hợp Thanh đã làm thay đổi bộ mặt của cả một khu vực có tài nguyên trù phú là khu Hà Đông. Tuy nhiên, việc giao thông chưa thông suốt đối với các huyện Tứ Kỳ, Kim Thành và các tỉnh thành phía nam đã hạn chế lớn tới việc đầu tư của các doanh nghiệp vào huyện.

- Đất đai hình thành do sự bồi đắp phù sa của hệ thống sông Thái Bình, phù hợp với trồng lúa và một số loại cây ăn quả, đặc biệt là vải thiều. Khu vực Hà Đông, đất đai bị nhiễm mặn nhẹ, ảnh hưởng tới việc trồng lúa nhưng lại rất thích hợp với việc nuôi trồng, bảo vệ một số loại thủy sản nước lợ như: Rươi, cáy, cà ra...

- Thanh Hà là một trong những huyện có diện tích lớn của tỉnh với tổng diện tích tự nhiên 14.071,82 ha, trong đó đất nông nghiệp 8.216,70 ha chiếm 58,39% và đất phi nông nghiệp là 5.855,12 ha chiếm 41,61%. Bình quân diện tích đất nông nghiệp trên đầu người còn tương đối lớn 570 m²/người (bình quân diện tích đất nông nghiệp của tỉnh 549 m²/người) song diện tích đất lúa trên địa bàn huyện lại tương đối thấp 1.732,68 ha. Đây là khó khăn, thách thức lớn đối với việc đảm bảo an ninh lương thực của huyện (*theo số liệu đất đai theo thống kê đến 31/12/2020*).

- Tài nguyên du lịch vẫn chỉ tồn tại ở dạng tiềm năng với các loại hình: du lịch miệt vườn, hệ sinh thái sông Hương, tham quan cây vải Tỏ và một số di tích đền, đình chùa. Chưa hình thành một tour du lịch rõ rệt trên địa bàn huyện.

- Chất lượng môi trường vẫn còn tương đối tốt song đã tiềm ẩn những nguy cơ gây ô nhiễm.

2.6.2. Đánh giá chung về điều kiện kinh tế, xã hội.

- Trong những năm qua, tốc độ phát triển kinh tế của huyện đã tăng đáng kể, cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch đúng hướng. Mặc dù cơ cấu kinh tế của huyện đã

chuyển dịch đúng hướng nhưng tốc độ chuyển dịch vẫn còn chậm. Nền kinh tế vẫn phụ thuộc chủ yếu vào nông nghiệp và thủy sản, đóng góp của khối ngành công nghiệp và xây dựng vẫn còn thấp.

- Thanh Hà là huyện có dân số và mật độ dân số ở mức trung bình của tỉnh, thấp hơn so với một số huyện lân cận. Tỷ lệ tăng dân số hàng năm tương đối thấp (khoảng dưới 1%). Đây là một lợi thế rất lớn của huyện sức ép của dân số lên đất đai và các vấn đề xã hội không quá gay gắt.

- Lực lượng lao động tương đối dồi dào chiếm khoảng 62% dân số. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt xấp xỉ 90%. Mặc dù huyện chưa có các khu, cụm công nghiệp song trong những năm vừa qua, sự chuyển dịch cơ cấu lao động từ lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp và dịch vụ là rất mạnh mẽ. Tuy nhiên, tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp dẫn đến sức cạnh tranh của lao động trong huyện thấp hơn so với nhiều địa phương khác trong tỉnh.

- Cơ sở hạ tầng của huyện đó và đang được đầu tư xây dựng khá đồng bộ, đặc biệt là hệ thống giao thông, thủy lợi, năng lượng, bưu chính viễn thông đang tiếp tục được đầu tư mở rộng về cơ bản đó phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và đời sống, đồng thời đang từng bước hiện đại hóa để đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị hóa trong tương lai.

- Tuy nhiên trong quá trình phát triển Thanh Hà cũng còn một số tồn tại và đang đứng trước những khó khăn thử thách mới, đó là:

+ Nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng khá nhưng chưa vững chắc, chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, quy mô sản xuất hàng hóa còn nhỏ bộ, năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa chưa cao.

+ Sản xuất nông nghiệp chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi chưa tích cực, chưa hình thành được các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn, sản phẩm nông nghiệp hàng hóa thấp.

+ Cơ sở vật chất cho đào tạo, y tế sức khỏe tuy có tiên bộ nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của đô thị. Cơ sở hạ tầng nông thôn còn thiếu, tỷ lệ đói nghèo vẫn còn, đời sống nhân dân ở một số nơi còn gặp khó khăn.

+ Xu thế hội nhập kinh tế trong khu vực mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng đứng trước những thách thức gay gắt và sự cạnh tranh quyết liệt trong cơ chế thị

trường, đòi hỏi đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học của huyện phải nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới hiện nay.

+ Do chưa khai thác hết tiềm năng, thế mạnh của huyện nên thu nhập của người dân vẫn còn thấp so với bình quân chung của tỉnh và so với các huyện lân cận.

III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Tác động đến trồng trọt

- Ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng: Theo số liệu thống kê Thanh Hà hiện có hơn 1.733 ha đất trồng lúa, hoa màu và cây lâu năm. Điều kiện canh tác các loại cây trồng này lại phụ thuộc chủ yếu vào khí hậu tự nhiên. Các tác động từ biến đổi khí hậu liên quan đến nhiệt độ tăng (hạn hán kéo dài), phân bố lượng mưa (gây ra các trận mưa trái mùa, lũ lụt,...). Sự phân bố không đồng đều về lượng mưa trong mùa mưa, trong đó tập trung chủ yếu vào các tháng cao điểm trong mùa mưa; suy giảm và phân bố không đều lượng mưa trong mùa khô; nhiệt độ cực trị mùa đông và mùa hè đều có xu hướng tăng; số ngày nắng nóng (trên 35⁰C) đang ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất cây trồng.

- Ảnh hưởng đến cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, gia tăng sâu bệnh trong sản xuất nông nghiệp: thời tiết cực đoan cũng ảnh hưởng lớn tới các công trình thủy lợi, tăng nguy cơ xói lở, bạc màu đất canh tác, ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, năng suất cây trồng, gia tăng bệnh dịch, các giống cây trồng truyền thống có nguy cơ không thích nghi với nền nhiệt mới.

- Thu hẹp diện tích đất canh tác: lượng mưa tăng và tập trung chủ yếu trong mùa mưa sẽ dẫn đến úng, lụt, từ đó dẫn đến mất mùa, mất đất canh tác, thay đổi mùa vụ canh tác. Với sự gia tăng tần suất và số lượng các hiện tượng cực đoan của thời tiết liên quan đến sự gia tăng lượng mưa trong giai đoạn 2011 – 2020 - 2023, số lượng diện tích canh tác lúa và hoa màu bị ảnh hưởng từ các hiện tượng cực đoan của thời tiết sẽ gia tăng. Ngoài ra, việc xói lở bờ sông, bãi bồi cũng làm mất đất canh tác, đe dọa phá hủy các công trình đê kè, cầu cống ảnh hưởng đến nông nghiệp.

3.2. Tác động đến chăn nuôi

- Tác động từ các đợt rét đậm, rét hại: Mặc dù nhiệt độ trung bình được dự báo trong những năm tới sẽ tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, xu hướng tăng, giảm nhiệt độ của các tỉnh phía Bắc sẽ diễn ra bất thường do ảnh hưởng của chế độ gió mùa. Các tính toán cho thấy, mùa đông đã thay đổi nhiều so với những quy luật trước đây, trong đó các đợt không khí lạnh sẽ giảm nhưng sự khắc nghiệt sẽ tăng lên (số ngày

và mức độ rét đậm sẽ có xu hướng tăng lên). Sự khắc nghiệt của thời tiết trong mùa đông sẽ ảnh hưởng mạnh đến ngành chăn nuôi của tỉnh nói chung và huyện Thanh Hà nói riêng.

- Biến đổi khí hậu làm tăng nguy cơ dịch bệnh: Với đặc điểm của thời tiết trong mùa đông là lạnh, hanh, khô sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho bùng phát các dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm như dịch cúm H5N1 cho đàn gia cầm, dịch lở mồm long móng cho đàn gia súc.

- Ảnh hưởng của BĐKH đến tập quán chăn nuôi: Qua khảo sát thực tế cho thấy, ngành chăn nuôi của huyện Thanh Hà chủ yếu là chăn nuôi theo các hộ cá thể, riêng lẻ. Do đó, cùng với sự gia tăng của các hiện tượng khắc nghiệt của thời tiết, tập quán chăn nuôi của người dân địa phương cũng là một trong những nguyên nhân góp phần làm tăng thiệt hại khi có thiên tai và dịch bệnh xảy ra.

- Ảnh hưởng từ sự gia tăng cường độ và tần suất các hiện tượng cực đoan: Trong điều kiện có BĐKH, các hiện tượng cực đoan liên quan đến thời tiết trên địa bàn huyện Thanh Hà chủ yếu là ngập lụt, hạn hán. Bên cạnh đó, Hải Dương còn chịu ảnh hưởng từ các trận bão, áp thấp nhiệt đới từ biển Đông. Các hiện tượng cực đoan này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến ngành chăn nuôi...

PHẦN II

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT

I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

1.1. Công tác tuyên truyền triển khai hướng dẫn thực hành luật đất đai và các văn bản dưới luật.

Sau khi Luật đất đai năm 2013 được ban hành và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai có hiệu lực thi hành, UBND huyện Thanh Hà đã tổ chức các lớp tập huấn từ cấp huyện đến cơ sở. Đồng thời tổ chức tuyên truyền, tìm hiểu về Luật đất đai trên các phương tiện thông tin đại chúng và bằng nhiều hình thức phong phú nhằm giúp người dân, doanh nghiệp, các chủ thể sản xuất kinh doanh hiểu và thực hiện Luật đất đai. Qua đó phát hiện kịp thời phát hiện những trường hợp vi phạm trong công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện, tổ chức công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để người dân, doanh nghiệp biết để tham gia góp ý. Bên cạnh đó, việc tuyên truyền các văn bản pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai nhằm hướng dẫn các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên đất đai, quản lý các nguồn tài nguyên liên quan đến sử dụng đất đai, đồng thời khắc phục được những hạn chế, tồn tại của công tác quản lý, sử dụng đất đai trong thời gian vừa qua. Việc tuyên truyền, phổ biến kịp thời nên phát huy hiệu lực, hiệu quả góp phần tích cực nâng cao hiệu quả sử dụng đất, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện, các xã, thị trấn theo hướng bền vững.

Khái quát tình hình thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai liên quan đến công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Thanh Hà được thể hiện như sau:

1. Ban hành và tổ chức thực hiện quy phạm pháp luật về quản lý sử dụng đất đai.

Ban hành các văn bản, quyết định về việc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai thuộc thẩm quyền của UBND huyện. Chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện chức năng nhiệm vụ quản lý đất đai theo quy định của ngành Tài nguyên và Môi trường.

2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính.

Việc xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ địa chính của huyện đã được thực hiện tốt trên cơ sở kết quả hoạch định theo chỉ thị 364 của Chính Phủ. Ranh giới giữa Thanh Hà với các đơn vị hành chính trong Tỉnh và TP Hải Phòng đã được xác định rõ ràng bằng các mốc giới theo toạ độ địa chính quốc gia. Các mốc bị mất, hỏng, xê dịch cũng đã được khôi phục.

Bản đồ hành chính của huyện và cấp xã đều được thực hiện theo hồ sơ địa giới 364/CT-TTg với các tỷ lệ tương ứng: Bản đồ hành chính huyện tỷ lệ 1/25.000; bản đồ hành chính cấp xã tỷ lệ 1/5.000 và tỷ lệ 1/2.000 theo quy phạm thành lập bản đồ.

Thực hiện Kế hoạch số 1704/KH-UBND ngày 13/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc thực hiện dồn điền, đổi thửa, gắn với chỉnh trang đồng ruộng trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2013-2015. Đến nay công tác dồn điền, đổi thửa, gắn với chỉnh trang đồng ruộng trên địa bàn huyện đã xong, tuy nhiên công tác quản lý đất canh tác gặp nhiều khó khăn do chưa thành lập lại bản đồ địa chính.

Nghị quyết số 788/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương, trong đó điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính huyện Thanh Hà, gồm: Chuyển 02 xã Tiên Tiến và Quyết Thắng về thành phố Hải Dương; Thành Lập xã An Phượng trên cơ sở toàn bộ diện tích, dân số của xã An Lương và xã Phượng Hoàng; Thành Lập xã Thanh Quang trên cơ sở toàn bộ diện tích, dân số của xã Hợp Đức, Thanh Bính, Trường Thành. Huyện Thanh Hà sau khi điều chỉnh, sắp xếp các đơn vị hành chính hiện nay bao gồm 20 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó gồm 19 xã và 01 thị trấn với tổng diện tích là 14.071,82 ha.

3. Công tác đo đạc lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất.

- Hiện nay trên địa bàn của huyện đã thực hiện xong công tác đo đạc lập bản đồ hồ sơ địa chính đất nông nghiệp của 20 xã, thị trấn, tỷ lệ bản đồ đo vẽ

1/2000 bằng công nghệ số. Đo đạc lập hồ sơ địa chính đất khu dân cư cho 20/20 xã, thị trấn; tỷ lệ đo vẽ 1/500 đối với thị trấn Thanh Hà và tỷ lệ 1/1000 cho các xã.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất được thành lập trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2014, năm 2019 trên toàn bộ các xã, thị trấn trong toàn huyện bằng công nghệ số, đảm bảo độ chính xác tin cậy.

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của các xã, thị trấn và của huyện đều đã được xây dựng và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện Luật đất đai năm 2013 UBND huyện đã xây dựng bản đồ kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện Thanh Hà và hiện nay đang hoàn thiện xây dựng bản đồ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 của huyện.

- Đến nay đã xây dựng bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thanh Hà theo đúng quy định và đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Công tác lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Thực hiện Luật đất đai và chỉ đạo của tỉnh, từ năm 2010, UBND huyện Thanh Hà đã tổ chức việc lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) cấp huyện và đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Hải Dương. Song song với việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, UBND huyện đã chỉ đạo tất cả các xã, thị trấn trong huyện lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) cấp xã.

Đến năm 2016, UBND huyện tiếp tục thực hiện việc Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2020.

Thực hiện luật đất đai năm 2013, dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh, sở Tài nguyên và Môi trường UBND huyện đã tiến hành xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm (năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024) được cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ các mục tiêu kinh tế xã hội của huyện. Công tác thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong những năm vừa qua cơ bản là tốt, đang tiến hành rà soát lập quy hoạch kịp thời nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của địa phương.

Thực hiện Công văn số 2010/UBND-VP ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của cấp huyện và công văn 1852/STNMT-KHTC ngày 11/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường V/v báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 và đề nghị nhu cầu sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. UBND huyện Thanh Hà đã tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện.

Thực hiện Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt phương án phân bổ tạm thời chỉ tiêu một số loại đất trong Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030. UBND huyện Thanh Hà tiến hành việc Lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số 4055/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Thực hiện Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 13/7/2024 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu phân bổ một số loại đất cấp tỉnh để điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 và phân kỳ thực hiện giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định 109/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh; Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của UBND tỉnh về Phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu phân bổ của một số loại đất, danh mục một số dự án, công trình trên địa bàn huyện Gia Lộc, huyện Thanh Hà, thị xã Kinh Môn và thành phố Hải Dương tại Quyết định 1427/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh

Đến nay huyện Thanh Hà đã hoàn thiện hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện theo đúng hướng dẫn của bộ Tài nguyên và Môi trường tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021.

Nhìn chung công tác triển khai thực hiện việc quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn huyện Thanh Hà đã triển khai đến các cấp, các ngành. Tuy nhiên do quy hoạch cấp trên (cấp quốc gia và cấp tỉnh) hoàn thiện chậm nên quy hoạch sử dụng đất của huyện phải chờ đợi sự phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất của tỉnh.

Về thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm: Căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND huyện đã chỉ đạo các

ban, ngành của huyện phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Việc tổ chức công khai, niêm yết quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt đều được triển khai thực hiện, công bố công khai tại trụ sở UBND huyện, trên cổng thông tin điện tử của UBND huyện Thanh Hà và công khai nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện liên quan đến các xã, thị trấn tại trụ sở UBND cấp xã.

5. Công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

Thực hiện luật đất đai năm 2013, căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu cho UBND huyện thực hiện các thủ tục về thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền quy định trong luật đất đai.

Công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong những năm qua đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức và cá nhân trên địa bàn huyện, đáp ứng được mục tiêu kinh tế xã hội và sản xuất kinh doanh của huyện.

Tiếp tục phối hợp với các phòng ban, cơ quan của huyện và các xã, thị trấn làm tốt công tác GPMB cho các dự án và công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện:

Công tác thu hồi đất GPMB cho các dự án đều được tiến hành theo đúng quy trình, đảm bảo đúng tiến độ đề ra.

Kết quả đạt được từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2020 và tháng 6/2024, cụ thể:

- Năm 2014: Thực hiện giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá đối với 7 tổ chức, hộ gia đình, cá nhân với diện tích 2,28 ha; giao đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với 23 hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích 0,85 ha

- Năm 2015: Thực hiện giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá đối với 7 tổ chức, hộ gia đình và cá nhân với diện tích 6,87 ha; giao đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với 76 hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích 0,80 ha; cho phép 54 tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất với tổng diện tích 1,62 ha.

- Năm 2016: Thực hiện giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá đối với 6 tổ chức, hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích 3,34 ha; giao đất thông qua

đấu giá quyền sử dụng đất đối với 36 hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích 0.90 ha; cho phép 449 tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất, diện tích 17,13 ha.

- Năm 2017: Thực hiện giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá đối với 07 hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích 2,81 ha; giao đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với 189 hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích 1,54 ha; cho phép 339 tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất, diện tích 6,73 ha.

- Năm 2018: Thực hiện giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá đối với 01 hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích 1,32 ha; giao đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với 320 hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích 3,28 ha; cho phép 315 tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất, diện tích 6,49 ha.

- Năm 2019: Thực hiện giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá đối với 05 hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích 1,75 ha; giao đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với 263 hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích 2,91 ha; cho phép 249 tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất, diện tích 7,1 ha.

- Năm 2020: Thực hiện giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá đối với 03 hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích 1,61 ha; giao đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với 115 hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích 1,15 ha; cho phép 148 tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất, diện tích 2,47 ha.

- Năm 2021: Thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất cho các công trình, dự án như: Khu chợ, thương mại dịch vụ xã Hồng Lạc; khu dân cư phía Bắc Thị trấn Thanh Hà (Đợt 1- giai đoạn 1); khu dân cư mới thôn Thúy Lâm, xã Thanh Sơn (Đợt 1); khu dân cư ngã ba Đồng Hới, thôn Hải Hộ, xã Hồng Lạc; khu dân cư mới xóm 10, thôn Lang Can 3, xã Thanh Lang (đợt 1); khu dân cư trung tâm xã Tân Việt; cơ sở gia công, lắp ráp và kinh doanh đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ của hộ kinh doanh Bà Bùi Thị Dịu xã Tân Việt; công ty TNHH xuất nhập khẩu IRI FACTORY VINA; khu dân cư khu 1, thị trấn Thanh Hà (Đợt 1); khu dân cư mới chợ Lại xã Thanh Thủy (Đợt 1)

- Năm 2022: Thực hiện chủ trương giao đất ở cho 04 hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện GPMB thu hồi đất để xây dựng khu dân cư phía Bắc Thị trấn Thanh Hà,

huyện Thanh Hà (giai đoạn 1); chuyển mục đích sử dụng đất xây dựng công trình phòng thủ CZ.3 - Quân khu 3 (TH01, TH02), xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà.

- Năm 2023: Tiếp tục thực hiện kế hoạch giải phóng mặt bằng các công trình dự án gồm: Dự án xây dựng khu dân cư mới thôn Quan Khê, xã Việt Hồng; Dự án xây dựng khu dân cư mới xã Cẩm Chế; Dự án xây dựng KDC Ngõ Hà, xã Cẩm Chế; Dự án xây dựng KDC trung tâm xã Tân Việt; Dự án xây dựng chợ thương mại dịch vụ xã Tân Việt; Dự án xây dựng điểm dân cư thôn Mạc Động, xã Liên Mạc; Dự án xây dựng điểm dân cư cầu Sắt, xã Liên Mạc; Dự án xây dựng KDC đường 390, xã Thanh Hải (Giai đoạn 2), huyện Thanh Hà; Dự án xây dựng KDC số 1 (Giai đoạn 2) xã An Phượng; Dự án xây dựng KDC mới thôn Đông Phan, xã Tân An; Dự án xây dựng KDC mới xã Tân An, Thanh Khê, huyện Thanh Hà; Dự án xây dựng KDC phí Tây thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà; Dự án xây dựng KDC khu 5, thị trấn Thanh Hà; Dự án xây dựng KDC phí Đông, thị trấn Thanh Hà; Dự án Xây dựng KDC đồng Bo, xã Thanh Xá; Dự án xây dựng KDC mới Chợ Lại, xã Thanh Thủy; Dự án xây dựng Chợ Lại, xã Thanh Thủy; Dự án xây dựng điểm dân cư số , khu vực xóm 5, xã Thanh Thủy; Dự án xây dựng KDC mới thôn Thúy Lâm, xã Thanh Sơn; Công trình xây dựng đường bê tông xi măng từ ngõ nhà ông Đỗ Văn Đông đến ngõ nhà ông Đỗ Văn Nhuân, thôn Thúy Lâm, xã Thanh Sơn; Xây dựng điểm dân cư thôn Hạ Vĩnh, xã Thanh Quang; Dự án xây dựng KDC Vĩnh Xá, xã Thanh Cường

6. Đăng ký quyền sử dụng đất, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Việc đăng ký quyền sử dụng đất, lập và quản lý hồ sơ địa chính đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Huyện ủy, UBND huyện ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; cùng với các Sở, ngành ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương trong huyện thực hiện theo 2 hình thức: thường xuyên và đồng loạt, cơ bản tuân thủ các quy định của pháp luật; đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức.

- Công tác cấp GCNQSD đất dân cư: Chỉ đạo các xã lập hồ sơ cấp GCNQSD đất ở, trong đó tập trung đôn đốc các xã có tỷ lệ cấp GCNQSD đất dân cư còn thấp như: xã An Phượng, Thanh Xá, Vĩnh Lập, thị trấn Thanh Hà... Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dân cư lần đầu. Tính đến 31/12/2020 đã cấp được 71.061 giấy chứng nhận

QSD đất, với tổng diện tích là 21.766,5ha (đất ở đô thị 2.028 giấy, diện tích 81,1ha, đạt tỷ lệ 87%; đất ở nông thôn 35.894 giấy, diện tích 1.794,7ha, đạt tỷ lệ 90%).

Kết quả công tác cấp GCN QSD đất nông nghiệp: Số GCN đã cấp là 33.139 giấy, diện tích đã cấp GCN 19.890,7 ha, đạt tỷ lệ 98%.

Kết quả công tác cấp GCN QSD đất cho các cơ sở thờ tự, tôn giáo: Số GCN đã cấp là 68 giấy, diện tích đã cấp GCN 116.464,5m², đạt tỷ lệ 82,5%.

- Năm 2021, trình UBND huyện duyệt cấp lần đầu cho 550 GCNQSD đất ở khu dân cư cho hộ gia đình, cá nhân, nâng tỷ lệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở toàn huyện đạt 97,95% so với đo đạc bản đồ năm 2010, tăng 1,25%, giảm 207 giấy chứng nhận so với cùng kỳ năm 2020; công tác cấp giấy chứng nhận đất cho các cơ sở tôn giáo trên địa bàn huyện đạt 85,7% (66/77 cơ sở); Thẩm định và trình ký cho 4.335 hồ sơ chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế quyền sử dụng đất, giảm 79 hồ sơ so với cùng kỳ năm 2020 và 3.641 hồ sơ thế chấp, xóa thế chấp, tăng 1.109 hồ sơ so với cùng kỳ năm 2021 và 920 hồ sơ biến động đất đai, tăng 210 hồ sơ so với cùng kỳ năm 2020 đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định.

- Năm 2022: đã cấp lần đầu 435 GCNQSD đất ở, nâng tỷ lệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở trong toàn huyện đạt 99,12% theo bản đồ đo đạc năm 2010; công tác cấp giấy chứng nhận đất cho các cơ sở tôn giáo trên địa bàn huyện đạt 85,7% (66/77 cơ sở); Thẩm định và trình ký cho 2.607 hồ sơ chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế quyền sử dụng đất, tăng 518 hồ sơ so với cùng kỳ năm 2021 và 1.831 hồ sơ thế chấp, xóa thế chấp, tăng 231 hồ sơ so với cùng kỳ năm 2021 đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định.

- Năm 2023: đã cấp 136 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đạt tỷ lệ 96,95% theo đo đạc năm 2010 và 08 hồ sơ bổ sung tài sản gắn liền với đất.

Thực hiện kiểm kê, thống kê đất đai hàng năm, 5 năm và báo cáo các cấp có thẩm quyền.

7. Quản lý tài chính về đất đai.

Công tác quản lý tài chính về đất đai luôn được UBND huyện quan tâm và theo dõi sát, vì đây vừa là yêu cầu khách quan và cũng là công cụ quản lý quan trọng trong điều hành Nhà nước về phát triển kinh tế- xã hội.

Tỉnh đã thực hiện chuyển 10% kinh phí thu từ đất để cung cấp phục vụ cho công tác đo đạc lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

+ Tình hình tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất:

Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất và quy trình đấu giá được công khai, minh bạch, có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan Tài nguyên và Môi trường, Tài chính và Chi cục thuế.

Số lượng dự án tổ chức đấu giá giai đoạn là 103 dự án.

Nguồn thu từ hoạt động đấu giá QSD đất là 965.263 triệu đồng.

+ Các nguồn thu từ đất (bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất, các loại phí từ đất đai) thu được từ ngày Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành đến nay.

Các khoản thu từ tiền thuê đất là 12.018 triệu đồng, tiền giao đất có thu tiền sử dụng đất là 107.074 triệu đồng. Thu phí và lệ phí cấp GCN lần đầu và chuyển quyền sử dụng đất 712 triệu đồng; lệ phí và phí thẩm định cấp GCN là 1.316 triệu đồng.

8. Quản lý và phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản.

Luật Đất đai năm 2013 được ban hành đã tạo lập được cơ chế để thị trường bất động sản hoạt động và phát triển tương đối nhanh, đồng bộ. Giao dịch về quyền sử dụng đất từng bước đi vào nề nếp. Trong những năm gần đây, việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất trên địa bàn huyện diễn ra ngày càng nhiều, nhu cầu của người dân thực hiện các quyền của người sử dụng đất như chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, thế chấp... ngày càng tăng. Tình trạng mua bán không qua cơ quan nhà nước về cơ bản đã giảm đáng kể, người sử dụng đất ngày càng hiểu và tin tưởng vào các chính sách của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền lợi của người sử dụng đất.

Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất của huyện hoạt động ngày càng đạt hiệu quả cao, giải quyết triệt để các nhu cầu của người sử dụng đất, góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách và trở thành một trong những nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

9. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

Trước đây, công tác quản lý giám sát thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất chưa được quan tâm đúng mức. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến kết quả thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai chưa cao.

Thi hành các quy định về pháp luật đất đai hiện nay, huyện đã quan tâm bảo đảm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất ngày càng đầy đủ và tốt hơn.

10. Giải quyết tranh chấp về đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo các vi phạm trong việc quản lý sử dụng đất đai.

Với chủ trương giải quyết đơn thư đúng thẩm quyền, khắc phục việc đề đơn thư tồn đọng kéo dài và vận động, giải thích, hướng dẫn nhân dân hiểu pháp luật, sống và làm theo pháp luật. Nhìn chung khi phát sinh đơn khiếu nại, tố cáo gửi đến các cấp, các ngành, UBND huyện đã chỉ đạo giải quyết kịp thời đúng quy định pháp luật, không để phát sinh thành điểm nóng. Huyện thường xuyên tổ chức các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm. Kết hợp với các cấp ngành chức năng giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo có liên quan tới đất đai, các vấn đề được xem xét, giải quyết cụ thể góp phần làm ổn định tình hình ở cơ sở.

Triển khai thi hành Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Thực hiện sự chỉ đạo của UBND huyện Thanh Hà, phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Thanh tra huyện triển khai 07 cuộc thanh tra (trong đó 03 cuộc đột xuất và 04 cuộc thanh tra theo kế hoạch).

Tổng số đơn thư khiếu nại, tố cáo, đề nghị đã tiếp nhận là 189 đơn (đơn kiến nghị, phản ánh 167 đơn; 06 đơn tố cáo và 16 đơn khiếu nại). Đơn thuộc thẩm quyền giải quyết là 183 đơn (161 đơn kiến nghị, phản ánh; 06 đơn tố cáo và 16 đơn khiếu nại).

Đã giải quyết được 22 đơn (khiếu nại 16 đơn, tố cáo 06 đơn).

Trên địa bàn huyện có 105 trường hợp xây dựng nhà quá diện tích trên đất chuyển đổi; 57 trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích; 17 trường hợp lấn chiếm đất hành lang an toàn bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi.

11. Quản lý các dịch vụ công về đất đai.

UBND huyện đã thực hiện đề án cải cách thủ tục hành chính theo mô hình khung tiếp nhận và trả hồ sơ chuyển nhượng, chuyển đổi quyền sử dụng đất của nhân dân nhanh gọn hạn chế phiền hà. Huyện đã thành lập văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc phòng Tài Nguyên Môi trường là đơn vị sự nghiệp dịch vụ công về các lĩnh vực đất đai trên toàn địa bàn huyện.

1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân

1.2.1. Những mặt được

Công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Thanh Hà đã có những chuyển biến tích cực, hệ thống quản lý nhà nước về đất đai được kiện toàn ở cả 2 cấp huyện, xã, việc phân cấp quản lý nhà nước về đất đai theo hướng phân cấp nhiều hơn cho các địa phương đã được cụ thể hóa về thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai. Các văn bản của tỉnh đã cơ bản kịp thời giải quyết được các vấn đề còn tồn tại ở các địa phương và một số vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Luật, Nghị quyết, đưa công tác quản lý, sử dụng đất trên địa bàn huyện cơ bản đi vào nề nếp theo quy định của pháp luật, tạo môi trường tốt trong kêu gọi đầu tư, phát triển kinh tế. Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực, tạo hành lang pháp lý thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai theo quy hoạch, đặc biệt là công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện các dự án, công trình. Thực hiện việc công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định phê duyệt đảm bảo theo quy định của pháp luật tại Điều 48 Luật Đất đai.

Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định, tình trạng vi phạm các quy định của pháp luật đã cơ bản được ngăn chặn, xử lý và có chiều hướng thuyên giảm, quyền lợi của người sử dụng đất được đảm bảo. Công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được thực hiện theo quy định. Giải quyết tranh chấp đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai: qua công tác thanh tra, kiểm tra đã góp phần vào công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, còn có vụ việc thanh tra, kiểm tra sau khi đã có kết luận, quyết định xử lý chưa được cơ quan, đối tượng liên quan chấp hành nghiêm túc, triệt để.

Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt đã thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ - thương mại, du lịch, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới... góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Thông qua công tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì nhận thức về vị trí, vai trò và ý thức chấp hành quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

của chính quyền và người sử dụng đất được nâng lên. Sự tham gia của người dân trong công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã từng bước phát huy được tính dân chủ, công khai, minh bạch, hạn chế được những tiêu cực trong công tác quản lý đất đai, góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất góp phần phát triển ổn định thị trường bất động sản, khai thác tốt hơn nguồn lực đất đai, làm cho việc sử dụng đất đai ngày càng tiết kiệm và đạt được hiệu quả cao. Nguồn thu từ đất trở thành nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế và tăng thu ngân sách.

Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện ngày càng chặt chẽ và có hiệu quả. Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về đất từ cấp huyện đến cấp xã.

4.2.2. Những mặt tồn tại:

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đạt chưa cao hoặc chưa thực hiện được cụ thể ở một số loại đất như đất an ninh, đất quốc phòng, đất khu, cụm công nghiệp, đất có di tích lịch sử văn hóa...

- Quy hoạch sử dụng đất dự báo nhu cầu chưa sát với tình hình thực tế, chưa thực sự đồng bộ với quy hoạch các ngành, lĩnh vực; kế hoạch sử dụng đất xác định nhu cầu sử dụng đất còn chưa phù hợp với tiến độ thực hiện các dự án, công trình.

- Việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn thiếu các giải pháp có tính khả thi như không cân đối đủ nguồn vốn cho xây dựng hạ tầng, sự bất cập trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất dẫn đến các công trình, dự án thường kéo dài tiến độ thực hiện hoặc một số dự án sau khi giải phóng mặt bằng còn chậm triển khai thực hiện các hạng mục tiếp theo.

4.2.3. Nguyên nhân của những tồn tại:

- Giai đoạn 2011-2015 là giai đoạn giao thời trong thực hiện Luật đất đai 2003 và 2013. Do vậy nên nhiều dự án đó lập thủ tục theo Luật 2003 nhưng nay không phù hợp với Luật 2013, phải lập lại hồ sơ nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án;

- Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm ở một số chỉ tiêu sử dụng đất còn chưa sát với thực tế, chưa dự báo chính xác nguồn vốn để thực hiện công trình, dự án của chủ đầu tư trong năm kế hoạch.

Về sự thống nhất giữa quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác có sử dụng đất; sự thống nhất giữa quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất: Qua thực tiễn cho thấy một số nội dung của quy hoạch đô thị, quy hoạch ngành, lĩnh vực khác có sử dụng đất, quy hoạch xây dựng nông thôn mới ở các địa phương chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp nhưng chưa được cập nhật, điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật đất đai.

- Trong những năm gần đây, quy trình thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được quan tâm, cải tiến nhiều nhưng vẫn là công việc rất phức tạp, vẫn mất nhiều thời gian để thực hiện nên ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thực hiện của toàn dự án;

- Do công tác dự báo quy hoạch, kế hoạch của một số ngành còn nhiều bất cập dẫn đến việc bố trí, sử dụng đất cho ngành còn chưa thật sự hợp lý nên khó triển khai thực hiện theo đúng chỉ tiêu đề ra.

- Hệ thống chính sách pháp luật về đất đai được quan tâm đổi mới, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng kịp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, thiếu khung quản lý đồng bộ. Đặc biệt là các quy định về lĩnh vực đất đai chưa thực sự đồng bộ với các quy định của các lĩnh vực khác như đầu tư xây dựng cơ bản, giao thông, nông nghiệp.

- Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật đất đai chưa được sâu sát, cụ thể.

- Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong quá trình thực hiện kế hoạch chưa chặt chẽ, đặc biệt là giữa chấp thuận đầu tư và kế hoạch sử dụng đất.

- Chất lượng công tác xây dựng kế hoạch sử dụng đất chưa cao, công tác dự báo nhu cầu chưa sát với thực tế còn có chỉ tiêu quá thấp so với dự báo.

- Hệ thống văn bản liên quan đến việc lập kế hoạch sử dụng đất còn thiếu và chậm hoàn chỉnh dẫn đến việc áp dụng chưa kịp thời, thiếu căn cứ.

- Tiến độ triển khai công tác lập, điều chỉnh quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất còn chậm từ cấp tỉnh, đến cấp huyện dẫn đến thiếu căn cứ để thực hiện việc giao đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất ở những năm đầu của thời kỳ kế hoạch.

- Công tác quản lý hồ sơ địa chính ở các địa phương còn nhiều bất cập dẫn đến việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất chưa thuận lợi, còn gặp nhiều khó khăn.

- Một số dự án đầu tư còn chậm về tiến độ lập dự án, kinh phí đầu tư chưa kịp thời do đó dẫn đến phải lùi tiến độ thực hiện.

1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai.

Từ những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về đất đai trong những năm qua, UBND huyện Thanh Hà rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai; nâng cao vai trò của các cấp, các ngành đặc biệt là cấp cơ sở trong việc thực hiện các nội dung liên quan đến công tác quản lý nhà nước về đất đai ở địa phương.

- Tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất của các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai cho phù hợp với thực tế tại từng địa phương.

- Thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính các cấp theo hướng công khai, minh bạch, đơn giản hóa và thuận lợi trong việc thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai cho người sử dụng đất.

- Tập trung nguồn lực đầu xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính theo hướng hiện đại hóa với độ chính xác cao đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

- Phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các sở, ngành, huyện, xã trong việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là điều kiện tiên quyết đảm bảo cho sự thành công của mỗi kỳ quy hoạch, kế hoạch;

- Kinh tế - xã hội phát triển nhanh do yêu cầu phát triển đô thị hóa, công nghiệp hóa, chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu sử dụng đất nên nhu cầu sử dụng đất tăng cao và rất đa dạng, làm tăng giá trị của đất, từ đó đòi hỏi công tác quản lý đất đai nói chung, quản lý quy hoạch, kế hoạch nói riêng phải hoàn chỉnh về lực lượng

cũng như cơ chế, chính sách mới phù hợp để có thể quản lý tốt theo quy hoạch, kế hoạch và đúng quy định pháp luật.

- Mục tiêu, nhiệm vụ của công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải được gắn chặt với nhiệm vụ chuyên môn của từng đơn vị kết hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Việc quản lý, sử dụng đất phải gắn với cải tạo, bảo vệ đất và gắn với tổ chức sản xuất, bảo vệ nghiêm ngặt đất chuyên trồng lúa nước; giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp đất đai và nâng cao hiệu quả sử dụng đất của các đơn vị sử dụng đất.

II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT

2.1. Hiện trạng sử dụng các loại đất

Theo số liệu thống kê đất đai đến hết ngày 31/12/2020, tổng diện tích hành chính của huyện là 14.071,82 ha, chiếm 13,3% diện tích tự nhiên của tỉnh. Bình quân diện tích tự nhiên trên đầu người là 975 m²/người. Trong số 20 xã, thị trấn thì diện tích tự nhiên lớn nhất là xã Thanh Quang với 1.278,22 ha, chiếm 9,08% diện tích tự nhiên toàn huyện và nhỏ nhất là xã Thanh Khê với 375,89 ha, chiếm 2,67% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Phân theo mục đích sử dụng như sau:

- + Đất nông nghiệp 8.216,70 ha, chiếm 58,39 % diện tích tự nhiên;
- + Đất phi nông nghiệp 5.855,12 ha, chiếm 41,61% diện tích tự nhiên;

Như vậy, 100% diện tích tự nhiên của huyện đã được đưa vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp.

Bảng 1: Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Thanh Hà

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	8.216,70	58,39
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.732,68	12,31
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.732,49</i>	<i>12,31</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	276,00	1,96
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6.060,31	43,07
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	141,32	1,00
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	6,38	0,05

2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.855,12	41,61
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2,64	0,02
2.2	Đất an ninh	CAN	0,41	0,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	20,51	0,15
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	46,34	0,33
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	2,93	0,02
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1.880,04	13,36
	<i>Trong đó:</i>			
-	Đất giao thông	DGT	888,23	6,31
-	Đất thủy lợi	DTL	720,57	5,12
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	11,42	0,08
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,32	0,04
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	51,88	0,37
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	28,44	0,20
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,94	0,01
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,04	0,01
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	47,85	0,34
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	20,49	0,15
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	97,40	0,69
-	Đất chợ	DCH	5,46	0,04
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	6,32	0,04
2.10	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-	-
2.11	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-	-
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.507,65	17,82
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	109,06	0,78
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,32	0,09
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,48	0,02
2.16	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	11,13	0,08
2.17	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.236,23	8,79
2.18	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	14,70	0,10
2.19	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,36	0,01

2.1.1. Đất nông nghiệp

Đất nông nghiệp đến 31/12/2020 có diện tích 8.216,70 ha, chiếm 58,39 % tổng diện tích đất tự nhiên.

- *Đất lúa nước*: Diện tích là 1.732,68 ha chiếm 12,31% diện tích đất hành chính, trong đó chủ yếu là đất trồng lúa nước. Bình quân diện tích đất trồng lúa theo dân số là 119,9 m²/người.

Đất trồng lúa tập trung chủ yếu ở các xã như: xã Thanh Hải, xã Hồng Lạc, xã Việt Hồng, xã Tân Việt, xã Vĩnh Lập... Cá biệt 1 số địa phương không còn hoặc còn rất ít diện tích đất trồng lúa như: Thanh Xuân, Thanh Sơn, Thanh Khê, Thanh Thủy...

- *Đất trồng cây hàng năm khác*: Diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 276,0 ha, chiếm 1,96% diện tích đất hành chính. Đây phần lớn là diện tích đất ngoài bãi sông Thái Bình, sông Gù và nằm chủ yếu ở các xã như: Xã Thanh Lang, Thanh Hải, An Phượng, Thanh Quang...

- *Đất trồng cây lâu năm*: Diện tích đất trồng cây lâu năm là 6.060,31 ha chiếm 43,07 % diện tích đất hành chính. Diện tích đất trồng cây lâu năm chủ yếu là các khu chuyển đổi cơ cấu cây trồng và tập trung nhiều ở các xã khu Hà Nam, Hà Đông và một số xã khu Hà Bắc. Đặc biệt có xã Thanh Sơn, Thanh Xuân đất trồng cây lâu năm chiếm 95% diện tích đất nông nghiệp.

Trong đất cây lâu năm, diện tích hầu hết là trồng vải. Chỉ trong những năm gần đây, do khó khăn đầu ra cho sản phẩm vải thiều nên ở những khu mới chuyển đổi mới thay đổi mô hình là trồng cây ăn quả: ổi, quýt, xoài... xen với cây hàng năm khác.

- *Đất nuôi trồng thủy sản*: Diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 141,32 ha chiếm 1,0 % diện tích đất hành chính. Đây chủ yếu là những ao trong khu dân cư và một số diện tích chuyển đổi nuôi trồng thủy sản ở khu Hà Đông.

- *Đất nông nghiệp khác*: Diện tích đất nông nghiệp khác có 6,38 ha, chiếm 0,05 % diện tích đất hành chính. Đây là diện tích các trang trại đã được cấp giấy chứng nhận.

2.2.1. Đất phi nông nghiệp

Tính đến 31/12/2020 toàn huyện có diện tích 5.855,12 ha, chiếm 41,61% diện tích tự nhiên.

- *Đất quốc phòng*: Hiện trạng có diện tích là 2,64 ha, chiếm 0,02% diện tích đất hành chính, phân bố ở các xã, thị trấn: Thị trấn Thanh Hà, xã Thanh Khê, Tân An, An Phượng, Thanh Quang, Thanh Cường, Vĩnh Lập.

- *Đất an ninh*: Diện tích là 0,41 ha, chiếm 0,01% diện tích đất hành chính, phân bố ở các xã Hồng Lạc, xã Thanh Quang và thị trấn Thanh Hà.

- *Đất thương mại, dịch vụ*: Diện tích có 20,51 ha, chiếm 0,15% diện tích đất hành chính, phân bố ở tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- *Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*: Diện tích có 46,34 ha, chiếm 0,33 % diện tích đất hành chính. Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có hầu hết ở các xã, thị trấn trong huyện, bao gồm các khu tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

- *Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*: Diện tích có 2,93 ha, chiếm 0,02 % diện tích đất hành chính.

- *Đất phát triển hạ tầng*: Diện tích là 1.880,04 ha chiếm 13,36 % diện tích đất hành chính.

+ *Đất giao thông*: Diện tích là 888,23 ha chiếm 6,31% diện tích đất hành chính. Hệ thống giao thông của huyện đã và đang phát triển mạnh, bao gồm các tuyến đường: Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, Tỉnh lộ 390, tỉnh lộ 390B, đường dẫn cầu Quang Thanh và các tuyến đường do huyện quản lý và đường giao thông nông thôn.

+ *Đất thủy lợi*: Diện tích là 720,57 ha chiếm 5,12% diện tích đất hành chính, bao gồm hệ thống đê, kênh, mương nội đồng và mương tiêu thoát nước trong khu dân cư, trạm bơm cùng với việc phát triển mạng lưới giao thông, trong những năm qua Thanh Hà đã trú trọng phát triển mạng lưới thủy lợi, làm tốt công tác kiên cố hoá kênh mương, xây dựng các công trình đầu mối, cầu cống trạm bơm, đồng hành với việc xây dựng nông thôn mới, đất thủy lợi được bổ sung cơ bản đáp ứng nhu cầu tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp.

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hóa*: Diện tích có 11,42 ha, chiếm 0,08% diện tích đất hành chính, bao gồm nhà văn hóa thôn, khu và trung tâm văn hóa xã phân bố trên toàn bộ 20 xã, thị trấn.

+ *Đất cơ sở y tế* 6,32 ha, chiếm 0,04 % diện tích đất hành chính, bao gồm toàn bộ hệ thống mạng lưới y tế như Bệnh viện đa khoa huyện, trung tâm y tế dự phòng và các trạm y tế xã, thị trấn. Nhìn chung diện tích cơ bản đã đảm bảo, vì vậy trong thời gian tới chủ yếu cần đầu tư nâng cấp trang thiết bị nhằm phục vụ tốt cho việc khám chữa bệnh của nhân dân trong huyện.

+ Đất cơ sở giáo dục, đào tạo 51,88 ha, chiếm 0,37 % diện tích đất hành chính, bao gồm trung tâm giáo dục thường xuyên, trường phổ thông trung học, trường trung học cơ sở, trường tiểu học, trường mầm non, diện tích hiện nay cơ bản đáp ứng nhu cầu hiện tại và diện tích được phân bố trên toàn bộ 20 xã, thị trấn.

+ Đất cơ sở thể dục, thể thao 28,44 ha, chiếm 0,20 % diện tích đất hành chính, bao gồm toàn bộ sân vận động, sân thể thao của huyện và các xã, thị trấn trong toàn huyện.

+ Đất công trình năng lượng 0,94 ha chiếm 0,01% diện tích hành chính, chỉ bao gồm các trạm biến thế, móng các cột điện cao thế và trung thế.

+ Đất công trình bưu chính viễn thông 1,04 ha, bao gồm: Đài viễn thông huyện, các bưu điện văn hóa xã.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Diện tích 47,85 ha, chiếm 0,34% diện tích đất hành chính, bao gồm: Nhà máy tái chế rác của tỉnh đóng tại xã Việt Hồng với diện tích 40,42 ha; bãi rác ở các xã, thị trấn có diện tích 7,43 ha.

+ Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích 20,49 ha chiếm 0,15 % diện tích đất hành chính, phân bố ở tất cả các xã, thị trấn trong huyện, bao gồm diện tích các chùa, nhà thờ.

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Diện tích 97,40 ha, chiếm 0,69 % diện tích đất hành chính, phân bố ở tất cả các xã, thị trấn trong huyện.

+ Đất chợ 5,46 ha, chiếm 0,04 % diện tích đất hành chính, hiện nay trên địa bàn huyện có 15/20 xã có diện tích đất chợ, các xã chưa có chợ: xã Thanh An, Thanh Xuân, Thanh Khê, Thanh Xá, Vĩnh Lập. Vậy trong thời gian tới cần quan tâm, giành đất cho loại đất này.

- *Đất danh lam thắng cảnh*: Diện tích là 6,32 ha chiếm 0,04 % diện tích đất hành chính.

- *Đất ở tại nông thôn*: Diện tích là 2.507,65 ha chiếm 17,82% diện tích đất hành chính. Bình quân diện tích đất ở nông thôn trên người dân nông thôn là 184 m².

- *Đất ở tại đô thị*: Diện tích có 109,06 ha chiếm 0,78 % diện tích đất hành chính, bình quân diện tích đất ở tại đô thị/người dân đô thị là 131 m².

- *Đất xây dựng trụ sở cơ quan*: Diện tích 12,32 ha, chiếm 0,09% diện tích đất hành chính, phân bố ở tất cả các xã, thị trấn, nhưng diện tích tập trung chủ yếu ở thị

trấn Thanh Hà bởi thị trấn là trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội của huyện nên trên địa bàn thị trấn có nhiều cơ quan, tổ chức kinh tế, xã hội, đơn vị sự nghiệp.

- *Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*: Diện tích 3,48 ha, chiếm 0,02 % diện tích đất hành chính.

- *Đất cơ sở tín ngưỡng*: Diện tích 11,13 ha chiếm 0,08% diện tích đất hành chính, phân bố ở tất cả các xã, thị trấn trong huyện, bao gồm diện tích các đền, đình, miếu.

- *Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối*: Diện tích 1.236,23 ha, chiếm 8,79 % diện tích đất hành chính.

- *Đất có mặt nước chuyên dùng*: Diện tích 14,70 ha, chiếm 0,10 % diện tích đất hành chính.

- *Đất phi nông nghiệp khác*: Diện tích 1,36 ha, chiếm 0,01 % diện tích đất hành chính.

2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch

2.2.1 Biến động sử dụng đất kỳ 2011-2020

*** *Biến động do việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.***

Thực hiện Nghị quyết số 788/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương, trong đó điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính huyện Thanh Hà, như sau:

- + Chuyển 02 xã Tiên Tiến và Quyết Thắng về thành phố Hải Dương;
- + Thành Lập xã An Phượng trên cơ sở toàn bộ diện tích, dân số của xã An Lương và xã Phượng Hoàng;
- + Thành Lập xã Thanh Quang trên cơ sở toàn bộ diện tích, dân số của xã Hợp Đức, Thanh Bính, Trường Thành.

Như vậy huyện Thanh Hà sau khi điều chỉnh, sắp xếp các đơn vị hành chính hiện nay bao gồm 20 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó gồm 19 xã và 01 thị trấn với tổng diện tích là 14.071,82 ha.

*** *Biến động diện tích giữa các kỳ kiểm kê***

Theo số liệu thống kê đến 31/12/2020 cho thấy tổng diện tích tự nhiên của huyện Thanh Hà là 14.071,82 ha, giảm 1.836,92 ha so với năm 2010 (15.908,74

ha), trong đó giảm 1.979,36 ha do chuyển 2 xã Tiến Tiến và Quyết Thắng về thành phố Hải Dương; giảm 142,44 ha do chênh lệch diện tích giữa các kỳ kiểm kê:

Nguyên nhân biến động diện tích đất tự nhiên:

- Kỳ kiểm kê 2005, 2010 số liệu tổng diện tích trong đơn vị hành chính được kế thừa theo các kỳ thống kê, kiểm kê trước đó. Mặt khác, số liệu thống kê, kiểm kê trước đây được tổng hợp từ những loại tài liệu khác nhau, chưa đồng bộ.

- Kỳ kiểm kê 2014, 2019 và thống kê 2020, toàn bộ số liệu được tổng hợp từ bản đồ khoanh đất theo đơn vị hành chính cấp xã và được tính toán bằng phần mềm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bản đồ khoanh đất được biên tập từ bản đồ địa chính chính quy đã được phê duyệt, đảm bảo độ chính xác. Do vậy, số liệu tổng diện tích đất trong đơn vị hành chính của huyện biến động nhiều so với kỳ kiểm kê 2014 và 2010, đây là số liệu thực tế đúng với hiện trạng sử dụng đất trong tổng diện tích đất theo đơn vị hành chính của toàn huyện.

Bảng 2: Biến động sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020 huyện Thanh Hà

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2020	So với năm 2010		Trong đó	
				Diện tích năm 2010	Tăng (+) giảm (-)	Giảm do chuyển 2 xã về TP	Tăng (+) giảm (-) do CMD và khác
1	Đất nông nghiệp	NNP	8.216,70	9459,99	-1243,29	-1.273,14	29,85
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.732,49</i>	<i>3011,99</i>	<i>-1279,5</i>	<i>-822,41</i>	<i>-457,09</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	276,00	386,47	-110,47	-51,79	-58,68
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6.060,31	5746,09	314,22	-343,60	657,82
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	141,32	238,92	-97,6	-37,02	-60,58
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	6,38	3,51	2,87	-17,97	20,84
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.855,12	6424,85	-569,73	-706,02	136,29
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2,64	0,39	2,25	-0,03	2,28
2.2	Đất an ninh	CAN	0,41	0,54	-0,13	-0,03	-0,10
2.3	Đất công trình sự nghiệp	DSN	98,06	74,65	23,41	-9,74	33,15
2.4	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	69,78	102,36	-32,58	-20,12	-12,46
2.5	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1.664,09	1.775,75	-111,66	-232,43	120,77
2.6	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.507,65	2504,32	3,33	-247,62	250,95

2.7	Đất ở tại đô thị	ODT	109,06	106,72	2,34		2,34
2.8	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	15,80	19,89	-7,57	-1,44	-6,13
2.9	Đất cơ sở tôn giáo	TON	20,49	9,87	10,62	-2,98	13,60
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	11,13	14,21	-3,08	-1,74	-1,34
2.11	Đất làm nghĩa trang	NTD	97,40	125,29	-27,89	-13,72	-14,17
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.236,23	1434,35	-198,12	-169,07	-29,05
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	14,70	246,66	-231,96	-7,11	-224,85
2.14	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,36	4,06	-2,7		-2,70

2.2.1.1. Biến động đất nông nghiệp

1. Đất trồng lúa:

Đất trồng lúa năm 2020 có 1.732,68 ha, giảm 1.352,32 ha so với năm 2010 (3.085 ha), trong giai đoạn 10 năm đất trồng lúa biến động như sau:

- Biến động giảm 1.685,84 ha, trong đó: giảm do việc chuyển mục đích 572,63 ha (chuyển sang đất phi nông nghiệp 173,57 ha, nội bộ nông nghiệp 399,06 ha); giảm khác 290,45 ha, do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê; giảm 822,76 ha do chuyển 2 xã Tiên Tiến và Quyết Thắng về thành phố Hải Dương.

- Biến động tăng 333,52 ha (chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp 125,61 ha, đất phi nông nghiệp 18,34 ha, cải tạo đất chưa sử dụng 3,49 ha); tăng khác 186,1 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê).

2. Đất trồng cây hàng năm khác

Năm 2020 đất trồng cây hàng năm khác có 276,0 ha, giảm 110,47 ha so với năm 2010 (386,47 ha), trong giai đoạn 10 năm đất trồng cây hàng năm khác biến động như sau:

- Biến động giảm 256,01 ha, trong đó giảm do việc chuyển mục đích 49,98 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp; giảm khác 154,24 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê; giảm 51,79 ha do chuyển 2 xã Tiên Tiến và Quyết Thắng về thành phố Hải Dương.

- Biến động tăng 145,54 ha, trong đó tăng do chuyển mục đích 62,69 ha (chuyển nội bộ nông nghiệp 38,86 ha, đất phi nông nghiệp 18,28 ha, cải tạo đất chưa sử dụng 5,99 ha); tăng khác 82,85 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê.

3. Đất trồng cây lâu năm

Năm 2020 đất trồng cây lâu năm có 6.060,31 ha, tăng 314,22 ha so với năm 2010 (5.746,09 ha) trong giai đoạn 10 năm đất trồng cây lâu năm biến động như sau:

- Biến động giảm 840,91 ha, trong đó giảm do việc chuyển mục đích 426,41ha (chuyển nội bộ đất nông nghiệp 178,12 ha, chuyển sang đất phi nông nghiệp 248,29 ha); giảm khác 70,9 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê; 343,6 ha do chuyển 2 xã Tiên Tiến và Quyết Thắng về thành phố Hải Dương.

- Biến động tăng 1.155,12 ha, trong đó tăng do chuyển mục đích 425,42 ha (chuyển từ đất phi nông nghiệp 8,82 ha, nội bộ nông nghiệp 409,91 ha; đất chưa sử dụng 6,69 ha); tăng khác 729,7 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê.

4. Đất nuôi trồng thủy sản

Năm 2020 đất nuôi trồng thủy sản có 141,32 ha, giảm 97,6 ha so với năm 2010 (238,92 ha), trong giai đoạn 10 năm đất nuôi trồng thủy sản biến động như sau:

- Biến động giảm 151,15 ha, trong đó giảm do việc chuyển mục đích 43,72 ha (chuyển sang đất phi nông nghiệp 26,15 ha, nội bộ nông nghiệp 17,57 ha); giảm khác 70,41 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê; giảm 37,02 ha do chuyển 2 xã Tiên Tiến và Quyết Thắng về thành phố Hải Dương.

- Biến động tăng 53,53 ha, trong đó tăng do chuyển mục đích 23,5 ha (chuyển từ đất phi nông nghiệp sang 12,19 ha, nội bộ đất nông nghiệp 11,17 ha; đất chưa sử dụng 0,11 ha); tăng khác 30,03 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê.

5. Đất nông nghiệp khác

Năm 2020 đất nông nghiệp khác có 6,38 ha, tăng 2,87 ha so với năm 2010 (3,51 ha), trong giai đoạn 10 năm đất nông nghiệp khác biến động như sau:

- Biến động giảm 23,21 ha, trong đó giảm do việc chuyển mục đích 1,80 ha (chuyển sang đất phi nông nghiệp 0,20 ha, nội bộ nông nghiệp 1,60 ha); giảm khác 3,44 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê; giảm 17,97 ha do chuyển 2 xã Tiên Tiến và Quyết Thắng về thành phố Hải Dương.

- Biến động tăng 26,10 ha, trong đó tăng do chuyển từ đất phi nông nghiệp sang 0,05 ha, nội bộ đất nông nghiệp 26,05 ha.

2.2.1.2. Biến động đất phi nông nghiệp.

Năm 2020, diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện là 5.855,12 ha, giảm 569,73 ha so với hiện trạng năm 2010 (6.424,85 ha).

1. *Đất quốc phòng*: Năm 2020 diện tích có 2,64 ha, tăng 2,25 ha so với năm 2010 (0,39 ha), trong giai đoạn 10 năm đất quốc phòng biến động như sau:

- Biến động giảm 0,10 ha, trong đó giảm do chuyển mục đích 0,01 ha, giảm khác 0,06 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê; 0,03 ha do chuyển 2 xã Tiền Tiến và Quyết Thắng về thành phố Hải Dương.

- Biến động tăng 2,35 ha, trong đó: tăng do chuyển mục đích 2,25 ha (chuyển từ đất nông nghiệp sang 2,08 ha, chuyển nội bộ đất phi nông nghiệp 0,17 ha); tăng khác 0,06 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê.

2. *Đất an ninh*: Năm 2020 diện tích có 0,41 ha, giảm 0,13 ha so với năm 2010 (0,54 ha), trong đó: giảm khác 0,10 ha; giảm 0,03 ha, do chuyển 2 xã Tiền Tiến và Quyết Thắng về thành phố Hải Dương.

3. *Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp*: Năm 2020 diện tích có 69,78 ha, giảm 32,58 ha so với năm 2010 (102,36 ha), trong giai đoạn 10 đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp biến động như sau:

- Biến động giảm 120,86 ha, trong đó giảm do chuyển mục đích là 43,78 ha, giảm khác 56,96 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê; giảm 20,12 ha do chuyển 2 xã Tiền Tiến và Quyết Thắng về thành phố Hải Dương.

- Biến động tăng 88,28 ha: do chuyển mục đích 83,77 ha (chuyển từ đất nông nghiệp 80,91 ha, nội bộ phi nông nghiệp 2,86 ha); tăng khác 4,53 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê.

5. *Đất phát triển hạ tầng*: Năm 2020 có 1.664,09 ha, giảm 111,66 ha so với năm 2010 (1.775,75 ha), trong 10 năm qua đất phát triển hạ tầng biến động như sau:

- Biến động giảm 372,99 ha, trong đó: giảm do việc chuyển mục đích là 32,3 ha; giảm khác 98,52 do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê; giảm 242,17 ha do chuyển 2 xã Tiền Tiến và Quyết Thắng về thành phố Hải Dương.

- Biến động tăng 261,33 ha, trong đó: tăng do chuyển mục đích 119,01 ha (chuyển từ đất nông nghiệp sang 109,13 ha, nội bộ đất phi nông 9,88 ha); tăng khác 142,32 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê.

6. *Đất ở nông thôn*: Năm 2020 diện tích có 2.507,65 ha, tăng 3,33 ha so với năm 2010 (2.504,32 ha), trong 10 năm qua đất ở tại nông thôn biến động như sau:

- Biến động giảm 294,12 ha, trong đó: giảm do việc chuyển mục đích 7,49 ha (chuyển nội bộ đất phi nông nghiệp 2,67 ha; đất nông nghiệp 4,82 ha); giảm

khác 39,01 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê; giảm 247,62 ha do chuyển 2 xã Tiên Tiến và Quyết Thắng về thành phố Hải Dương.

- Biến động tăng 297,42 ha, trong đó: tăng do chuyển mục đích 186,03 ha (chuyển từ đất nông nghiệp sang 176,28 ha, chuyển trong nội bộ đất phi nông nghiệp 6,91 ha); tăng khác 111,47 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê.

7. *Đất ở tại đô thị*: Năm 2020 là 109,06 ha, tăng 2,34 ha so với năm 2010 (106,72 ha), trong giai đoạn 10 năm đất ở tại đô thị biến động như sau:

- Biến động tăng 5,22 ha do việc chuyển mục đích chuyển từ đất nông nghiệp sang 4,87 ha, nội bộ đất phi nông nghiệp 0,35 ha.

- Biến động giảm 2,88 ha, trong đó giảm do chuyển mục đích 0,01 ha; giảm khác 2,87 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê.

8. *Đất xây dựng trụ sở cơ quan và trụ sở của tổ chức sự nghiệp*: Diện tích năm 2020 có 15,80 ha, giảm 7,57 ha so với năm 2010 (19,89 ha), trong 10 năm loại đất này biến động như sau:

- Biến động giảm 10,51 ha, trong đó: giảm do việc chuyển mục đích 1,39 ha (chuyển trong nội bộ đất phi nông nghiệp); giảm khác 7,68 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê; giảm 1,44 ha do chuyển 2 xã Tiên Tiến và Quyết Thắng về thành phố Hải Dương.

- Biến động tăng 2,94 ha, trong đó tăng do chuyển mục đích là 2,0 ha, tăng khác 0,94 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê.

9. *Đất cơ sở tôn giáo*: Năm 2020 có 20,49 ha, tăng 10,62 ha so với năm 2010 (9,87 ha), trong 10 năm đất cơ sở tôn giáo biến động như sau:

- Biến động giảm 5,64 ha, trong đó: giảm do chuyển mục đích là 1,04 ha; giảm khác 1,62 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê; giảm 2,98 ha do chuyển 2 xã Tiên Tiến và Quyết Thắng về thành phố Hải Dương.

- Biến động tăng 16,26 ha, trong đó: tăng do chuyển mục đích 6,09 ha; tăng khác 10,17 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê.

10. *Đất cơ sở tín ngưỡng*: Năm 2020 có 11,13 ha, giảm 3,08 ha so với năm 2010, trong 10 năm qua loại đất này biến động như sau:

+ Biến động tăng 4,92 ha trong đó do chuyển mục đích 1,23 ha; tăng khác 3,39 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê.

+ Biến động giảm 8,0 ha, trong đó giảm do chuyển mục đích 2,08 ha; giảm khác 4,18 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê; 1,74 ha do chuyển 2 xã Tiên Tiến và Quyết Thắng về thành phố Hải Dương.

11. *Đất nghĩa trang, nghĩa địa*: Diện tích năm 2020 là 97,40 ha, giảm 27,89 ha so với năm 2010 (125,29 ha), trong 10 năm qua đất nghĩa trang, nghĩa địa biến động như sau:

- Biến động giảm 35,48 ha, trong đó: giảm do việc chuyển mục đích 0,40 ha (chuyển nội bộ đất phi nông nghiệp); giảm khác 21,36 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê; giảm 13,72 ha do chuyển 2 xã Tiên Tiến và Quyết Thắng về thành phố Hải Dương.

- Biến động tăng 7,59 ha, trong đó: tăng do chuyển mục đích 6,33 ha (chuyển từ đất nông nghiệp sang 6,15 ha, nội bộ đất phi nông nghiệp 0,18 ha); tăng khác 1,26 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê.

12. *Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối*: Diện tích năm 2020 là 1.236,23 ha, giảm 198,92 ha so với năm 2010 (1.434,35 ha), trong 10 năm qua loại đất này biến động như sau:

- Biến động giảm 392,98 ha, trong đó giảm 1,10 ha do chuyển mục đích, giảm khác 212,8 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê; giảm 167,07 ha do chuyển 2 xã Tiên Tiến và Quyết Thắng về thành phố Hải Dương.

- Biến động tăng 184,83 ha, trong đó: tăng do chuyển mục đích 135,52 ha (chuyển từ đất nông nghiệp sang 81,57 ha, nội bộ đất phi nông nghiệp 53,95 ha); tăng khác 49,31 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê.

13. *Đất có mặt nước chuyên dùng*: Diện tích năm 2020 là 14,70 ha, giảm 231,96 ha so với năm 2010 (246,66 ha), trong 10 năm qua loại đất này biến động như sau:

- Biến động giảm 236,23 ha, trong đó: giảm do việc chuyển mục đích 54,99 ha (chuyển sang đất nông nghiệp 7,72 ha, nội bộ đất phi nông nghiệp 47,27 ha; giảm khác 174,13 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê; giảm 7,11 ha do chuyển 2 xã Tiên Tiến và Quyết Thắng về thành phố Hải Dương.

- Biến động tăng 4,27 ha do sai khác về phương pháp tính toán tổng hợp số liệu giữa các kỳ kiểm kê

14. *Đất phi nông nghiệp khác*: Diện tích năm 2020 có 1,36 ha, giảm 2,7 ha so với năm 2010 (4,06 ha).

2.2.2 Biến động sử dụng đất năm 2021 - 2023

Bảng 3: Biến động sử dụng đất năm 2021-2023 huyện Thanh Hà

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2020	So sánh với năm 2023	
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5-4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	8.216,70	8.166,22	-50,48
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.732,68	1.705,03	-27,65
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.732,49</i>	<i>1.704,84</i>	<i>-27,65</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	276,00	269,43	-6,57
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6.060,31	5.960,44	-99,87
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	141,32	224,94	83,62
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	6,38	6,38	0,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.855,12	5.905,59	50,47
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2,64	4,17	1,53
2.2	Đất an ninh	CAN	0,41	0,41	0,00
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	20,51	31,07	10,56
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	46,34	48,68	2,34
2.5	Đất SX vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	2,93	2,90	-0,03
2.6	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1.880,04	1.906,34	26,30
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>888,23</i>	<i>915,42</i>	<i>27,19</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>720,57</i>	<i>716,28</i>	<i>-4,29</i>
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>11,42</i>	<i>11,68</i>	<i>0,26</i>
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>6,32</i>	<i>6,32</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất cơ sở giáo dục đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>51,88</i>	<i>52,38</i>	<i>0,50</i>
	<i>Đất cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>28,44</i>	<i>28,17</i>	<i>-0,27</i>
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>0,94</i>	<i>1,76</i>	<i>0,82</i>
	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1,04</i>	<i>1,01</i>	<i>-0,03</i>
	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>47,85</i>	<i>47,60</i>	<i>-0,25</i>
	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>20,49</i>	<i>20,49</i>	<i>0,00</i>
	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa</i>	<i>NTD</i>	<i>97,40</i>	<i>97,73</i>	<i>0,33</i>
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>5,46</i>	<i>7,50</i>	<i>2,04</i>
2.7	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	6,32	9,11	2,79
2.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,00	2,40	2,40
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.507,65	2.513,51	5,86
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	109,06	108,97	-0,09
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,32	11,80	-0,52
2.12	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,48	3,76	0,28
2.13	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	11,13	11,12	-0,01
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.236,23	1.235,55	-0,68
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	14,70	14,35	-0,35
2.16	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,36	0,59	-0,77
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-		

2.2.2.1 Biến động đất nông nghiệp

1. *Đất trồng lúa*: Đất trồng lúa năm 2023 có 1.705,03 ha, giảm 27,65 ha so với năm 2020 (1.732,68ha), trong năm 2021-2023 đất trồng lúa biến động giảm do việc chuyển sang đất phi nông nghiệp 26,25 ha, nội bộ nông nghiệp 1,40 ha.

2. *Đất trồng cây hàng năm khác*: Năm 2023 đất trồng cây hàng năm khác có 269,43 ha, giảm 6,57 ha so với năm 2020 (276 ha), trong năm 2021-2023 đất trồng cây hàng năm khác biến động như sau: biến động giảm do việc chuyển sang đất phi nông nghiệp 0,11 ha, nội bộ nông nghiệp 6,46 ha.

3. *Đất trồng cây lâu năm*: Năm 2023 đất trồng cây lâu năm có 5.960,44 ha, giảm 99,87 ha so với năm 2020 (6.060,31 ha) trong năm 2021-2023 đất trồng cây lâu năm biến động do chuyển nội bộ đất nông nghiệp 76,10 ha, chuyển sang đất phi nông nghiệp 23,77 ha.

4. *Đất nuôi trồng thủy sản*: Năm 2023 đất nuôi trồng thủy sản có 224,94 ha, tăng 83,62 ha so với năm 2020 (141,32 ha), trong năm 2021-2023 đất nuôi trồng thủy sản biến động do chuyển sang đất phi nông nghiệp 0,40 ha, nội bộ nông nghiệp 83,22ha.

5. *Đất nông nghiệp khác*: Năm 2023 đất nông nghiệp khác có 6,38 ha, trong năm 2021-2023 loại đất này không có sự biến động.

2.2.2.2. Biến động đất phi nông nghiệp.

Năm 2023, diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện là 5.905,59 ha, tăng 50,47 ha so với hiện trạng năm 2020 (5.855,12 ha).

1. *Đất quốc phòng*: Năm 2023 diện tích có 4,17 ha, tăng 1,53 ha so với năm 2020 (2,64 ha), trong năm 2021-2023 đất quốc phòng biến động tăng do chuyển từ đất trồng lúa 0,90 ha, đất trồng cây lâu năm 0,60 ha, đất hạ tầng 0,03 ha.

2. *Đất an ninh*: Năm 2023 diện tích có 0,41 ha, trong năm 2021-2023 không có sự biến động.

3. *Đất thương mại dịch vụ*: Năm 2023 diện tích có 31,07 ha, tăng 10,56 ha so với năm 2020 (20,51 ha), trong năm 2021-2023 đất dịch vụ thương mại tăng do chuyển từ đất trồng lúa sang 8,09 ha, đất trồng cây lâu năm 1,24 ha, đất giao thông 1,40 ha, đất ở tại nông thôn 0,40 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,10 ha.

4. *Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp*: Năm 2023 diện tích có 48,68 ha, tăng 2,34 ha so với năm 2020 (46,34 ha), trong năm 2021-2023 đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp biến động tăng do chuyển từ đất trồng lúa sang.

5. *Đất phát triển hạ tầng*: Năm 2023 có 1.906,34 ha, giảm 26,30 ha so với năm 2020 (1.880,04 ha), trong năm 2021-2023 đất phát triển hạ tầng biến động

tăng do chuyển từ đất trồng lúa 10,99 ha, đất trồng cây hàng năm khác 0,11 ha, đất trồng cây lâu năm 15,60 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,30 ha, đất sông 0,70 ha.

6. *Đất ở nông thôn*: Năm 2023 diện tích có 2.513,51 ha, tăng 5,86 ha so với năm 2020 (2.507,65 ha), trong năm 2021-2023 đất ở tại nông thôn biến động như sau:

- Biến động giảm 5,37 ha, do chuyển sang các loại đất: đất trồng cây lâu năm 0,10 ha, đất thương mại dịch vụ 0,40 ha, đất hạ tầng 4,87 ha.

- Biến động tăng 11,23 ha, do chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa 4,0 ha, đất trồng cây lâu năm 6,33 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,10 ha, đất giao thông 0,60 ha, đất trụ sở cơ quan 0,10 ha; đất sông ngòi 0,10 ha.

7. *Đất ở tại đô thị*: Năm 2023 là 108,97 ha, giảm 0,09 ha so với năm 2020 (109,06 ha), giảm do chuyển sang đất phát triển hạ tầng.

8. *Đất xây dựng trụ sở cơ quan*: Diện tích năm 2023 có 11,80 ha, giảm 0,52 ha so với năm 2020 (12,32 ha), giảm do chuyển sang đất dịch vụ thương mại 0,10 ha, đất phát triển hạ tầng 0,42 ha.

9. *Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối*: Diện tích năm 2023 là 1.235,55 ha, giảm 0,68 ha so với năm 2020 (1.236,23 ha), trong năm 2021-2023 đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm do chuyển sang đất trồng cây lâu năm 0,10 ha, đất hạ tầng ha, đất ở tại nông thôn 0,10 ha.

10. *Đất có mặt nước chuyên dùng*: Diện tích năm 2023 là 14,35 ha, giảm 0,35 ha so với năm 2020 (14,70 ha), trong năm 2021-2023 đất có mặt nước chuyên dùng giảm do chuyển sang đất phát triển hạ tầng

(Nguồn: Thống kê, kiểm kê do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thanh Hà cung cấp)

2.3 Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất.

2.3.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất;

Hiệu quả kinh tế

- Diện tích đất trồng lúa, trồng cây hàng năm khác, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được duy trì và phát triển. Đáp ứng được mục tiêu an toàn lương thực và tạo thu nhập cho người dân.

- Thực hiện giao đất sản xuất nông nghiệp ổn định cùng với các chính sách đẩy mạnh sản xuất hàng hóa đã làm cho nông dân năng động hơn, bố trí hợp lý cơ cấu cây trồng, vật nuôi...

- Diện tích đất dành cho mở rộng du lịch trên địa bàn huyện Thanh Hà trong

những năm gần đây luôn được quan tâm và phát triển. Đặc biệt là diện tích đất thương mại, dịch vụ như các khu du lịch sinh thái, nhà hàng, khách sạn, điểm bán hàng,... phục vụ cho nhu cầu đang ngày càng phát triển như hiện nay.

- Việc bố trí quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ, chỉnh trang và xây dựng mới cơ sở hạ tầng các khu dân cư đô thị, nông thôn đã tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển với tốc độ tăng khá.

Hiệu quả xã hội

Được xác định thông qua chỉ tiêu về giải quyết nhu cầu lao động; mức độ chấp nhận của người sử dụng đất; mức độ phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; mức độ phù hợp với chiến lược quy hoạch ngành.

Với việc dành quỹ đất cho xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội đang dần được đầu tư xây dựng giúp cho việc giao lưu của người dân thuận tiện hơn và người dân được hưởng thụ những lợi ích từ cơ sở hạ tầng đem lại, tăng thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Hiệu quả môi trường

Được xác định thông qua chỉ tiêu về tăng khả năng che phủ của đất (đối với đất sản xuất nông nghiệp được tính theo diện tích che phủ); duy trì bảo vệ đất; giảm thiểu thoái hóa đất).

Việc xác định hiệu quả môi trường rõ đối với khoanh đất, đơn vị chất lượng đất đánh giá cho mục đích nông nghiệp.

Đối với loại hình sử dụng đất phi nông nghiệp tăng khả năng che phủ được xác định dựa trên mật độ cây xanh hoặc diện tích cây xanh trên diện tích toàn khu vực điều tra. Chỉ tiêu giảm thiểu thoái hóa đất được xác định dựa trên mật độ xây dựng (làm đất nén chặt) và mức độ gây nguy hại môi trường đất thông qua hệ thống xả thải của công trình đó.

- Việc dành quỹ đất cho việc đầu tư xây dựng khu tập kết rác thải tập trung, trồng cây xanh trên các trục đường chính, các trụ sở cơ quan đã góp phần đảm bảo được môi trường trong sạch.

2.3.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất

a. Cơ cấu sử dụng đất;

Đất đai của huyện đã được khai thác đưa vào sử dụng đạt 100% diện tích tự

nhiên. Việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất của 2 nhóm đất chính cũng như các loại đất trong huyện cho thấy những năm gần đây việc sử dụng đất của huyện đã hợp lý hơn.

- Cơ cấu trong nội bộ đất nông nghiệp đang dần được chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ lệ sử dụng đất dành cho các loại hình sử dụng đất có hiệu quả kinh tế cao như trồng lúa, trồng rau màu, trồng cây lâu năm... tuy nhiên tỷ lệ này vẫn còn thấp so với yêu cầu phát triển và so với tổng diện tích đất nông nghiệp. Đất nông nghiệp giảm, đặc biệt là đất trồng lúa bình quân khoảng 45 ha/năm do một phần chuyển sang phi nông nghiệp, một phần do chuyển đổi cơ cấu sản xuất và do giảm khác.

- Cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp tăng lên đáp ứng mục tiêu công nghiệp hóa, đô thị hóa của huyện và sự phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi và các công trình hạ tầng khác.

- Đất chưa sử dụng đã được khai thác và đưa vào sử dụng, đến nay trên địa bàn huyện Thanh Hà không còn đất chưa sử dụng.

Nhìn chung biến động các loại đất trong 10 năm qua đã đáp ứng được các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện. Tuy nhiên đất cơ sở hạ tầng và đất công nghiệp chậm, nhu cầu của các ngành, các lĩnh vực trong giai đoạn tới cần có sự chuyển đổi mạnh hơn nữa để thích ứng với tình hình phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa của huyện.

b. Mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

Quá trình phát triển kinh tế xã hội của huyện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong những năm vừa qua đã kéo theo sự thay đổi cơ cấu sử dụng đất trong việc bố trí sử dụng các loại đất. Diện tích đất nông nghiệp tuy phải chuyển một phần để xây dựng phát triển đô thị, các khu dân cư và xây dựng kết cấu hạ tầng...nhưng năng suất các loại cây trồng, vật nuôi và giá trị sản phẩm trên 1h canh tác đều tăng. Các loại đất phi nông nghiệp tăng đáng kể đã góp phần làm cho diện mạo các khu trung tâm xã, thị trấn ngày càng khang trang hơn, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình phúc lợi công cộng ngày càng được hoàn thiện hơn...nhiều khu tiểu thủ đã và đang hình thành không những đóng góp phần tăng thu ngân sách cho địa phương mà có thu hút một lượng lớn lao động dư thừa ở nông thôn. Đất đai trên địa bàn huyện ngày càng được quản lý, khai thác triệt để và

có hiệu quả hơn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao đời sống của nhân dân địa phương.

- Đến nay trên địa huyện 100% diện tích đã được đưa vào khai thác sử dụng cho các mục đích.

- Đất sản xuất nông nghiệp đã được giao ổn định đến người dân cùng với các chính sách đẩy mạnh sản xuất hàng hóa đã làm cho nông dân năng động hơn, bố trí hợp lý cây trồng, vật nuôi. Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, chế biến nông sản. Mở rộng diện tích sản xuất cây ăn quả theo quy trình VietGap cho cây vải, cây ôi. Tích cực xúc tiến thương mại thu hút các doanh nghiệp tham gia quảng bá, tiêu thụ vải thiều sang thị trường Mỹ và các quốc gia Đông Âu. Phát triển mạnh các loại cây rau màu, củ, quả có giá trị kinh tế cao; khuyến khích phát triển dịch vụ nông nghiệp; thực hiện các chính sách khuyến nông và đầu tư cho nông nghiệp

- Quỹ đất dành cho chỉnh trang và xây dựng mới các khu dân cư nông thôn và đô thị vẫn tiếp tục được mở rộng. Việc bố trí đất ở trong các khu dân cư, trung tâm xã được gắn liền đồng bộ với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch, các công trình dịch vụ và vui chơi giải trí... đã làm cho diện mạo các khu dân cư ngày càng khang trang hiện đại hơn đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người dân địa phương.

- Quỹ đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp ngày một tăng góp phần đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa ở địa phương.

- Quỹ đất dành cho phát triển hạ tầng kỹ thuật tăng đáng kể, nhiều tuyến đường tỉnh lộ, huyện lộ... được nâng cấp, mở rộng, phong trào làm đường giao thông nông thôn phát triển mạnh góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ vận chuyển giao lưu giữa các vùng trong và ngoài tỉnh, là yếu tố thúc đẩy các trục phát triển của địa phương.

- Quỹ đất dành cho phát triển hạ tầng xã hội ở các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao cũng được đầu tư mở rộng đáng kể góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng khám chữa bệnh và đời sống vật chất tinh thần của nhân dân.

c. Tình hình đầu tư về vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất.

Trong sử dụng đất, hầu hết diện tích canh tác nông nghiệp của địa phương đã và đang được đầu tư ngày càng cao cho sản xuất, nâng cao được hiệu quả kinh tế cũng như giữ vững đồng thời cải thiện từng bước độ phì nhiêu của đất.

Nhiều diện tích đất dùng cho các mục đích phi nông nghiệp được đầu tư vốn lớn, xây dựng các khu sản xuất, kinh doanh tập trung đã bước đầu cho thấy có hiệu quả, không những đem lại nguồn thu cho Nhà nước, người đầu tư mà còn có tác dụng thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội của khu vực.

Người dân có tập quán canh tác lúa nước, trồng màu và trồng cây ăn quả lâu đời đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm trong sử dụng đất. Hiệu quả sử dụng đất đã được người dân chú trọng hơn. Người dân đã chú trọng nghiên cứu, ứng dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất như giống mới thâm canh cân đối, phòng trừ sâu bệnh...chính vì vậy năng suất cây trồng ngày càng được nâng cao dù một phần diện tích đất nông nghiệp đã được chuyển cho các mục đích phi nông nghiệp nhưng an ninh lương thực vẫn đảm bảo, có một phần lương thực, thực phẩm hàng hóa lưu thông trên thị trường.

Đất đai của các xã ngày càng được khai thác hiệu quả hơn, hệ số quay vòng đất đai ngày càng lớn. Hiện nay người dân đã trồng 2 vụ, 3 vụ, 4 vụ trong một năm. Như vậy cho ra sản phẩm trên một đơn vị đất đai ngày càng nhiều.

Tuy nhiên trong những năm vừa qua tình trạng sử dụng quá nhiều phân bón, thuốc trừ sâu làm cho đất đai có xu hướng suy thoái làm giảm sức sản xuất. Vấn đề cơ giới trong sử dụng đất cũng gặp nhiều khó khăn vì người dân thiếu vốn.

Hàng năm phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp tốt phòng Tài chính xem xét, cân đối kinh phí, sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm để tham mưu cho UBND huyện, thông qua hội đồng nhân dân phân bổ cho các phòng, ngành và địa phương đảm bảo kịp thời và hiệu quả. Ngoài ra tiếp tục hướng dẫn, theo dõi địa phương sử dụng đúng nội dung, đúng mục đích chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường theo hướng dẫn tại Thông tư Liên tịch số 114/2004/TTLT-BTC-BTNMT, ngày 29/12/2006 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thu hút vốn đầu tư trong nước và ngoài nước phục vụ cho việc phát triển Công nghiệp, dịch vụ - thương mại, xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng.

Triển khai nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi các thành tựu về khoa học môi trường, đặc biệt công nghệ xử lý chất thải, phòng chống khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, xây dựng các đề án, dự án bảo vệ môi trường.

Nghiên cứu ứng dụng rộng rãi các chỉ tiêu, tiêu chuẩn môi trường trong việc lựa chọn công nghệ, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, xây dựng và vận dụng các dự án xử lý chất thải đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

Bên cạnh các hình thức tự nguyện, tăng cường chế tài bắt buộc áp dụng công nghệ sản xuất sạch và đầu tư hệ thống xử lý chất thải, nước thải, đối với các dự án công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất.

Tuy đã đạt được những thành tựu nêu trên, song quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vẫn còn một số tồn tại, bất cập sau:

- Tình hình kinh tế - xã hội những năm qua của tỉnh nói chung và của huyện nói riêng gặp nhiều khó khăn đã tác động lớn đến việc thực hiện quy hoạch và thu hút đầu tư, nguồn vốn để thực hiện các công trình, dự án nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Việc đánh giá, dự báo nhu cầu sử dụng đất của một số công trình, dự án trong kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa sát với thực tiễn trong nền kinh tế của đất nước đang phát triển; việc xác định chỉ tiêu, quy mô diện tích một số công trình, dự án trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn cao so với khả năng thực hiện của địa phương do thiếu những luận cứ mang tính khoa học vì vậy chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn hạn chế, tính khả thi chưa cao.

- Kinh phí lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp nói chung chưa được cấp kịp thời, thủ tục còn phức tạp nên việc triển khai lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn chậm so với yêu cầu. Một số địa phương chưa bố trí đủ kinh phí để đầu tư cho công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính tạo điều kiện triển khai nhanh và có chất lượng trong công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Thiếu các giải pháp có tính khả thi để thực hiện quy hoạch sử dụng đất, đặc biệt là không cân đối đủ nguồn vốn đầu tư do nhu cầu vốn đầu tư các công

trình hạ tầng kỹ thuật là rất lớn trong khi ngân sách của các địa phương có hạn; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất mất nhiều thời gian nên ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thực hiện dự án đã được phê duyệt trong quy hoạch.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa được toàn diện và thực sự nghiêm túc, đặc biệt là việc quản lý, sử dụng đất theo các chỉ tiêu quy hoạch đã được phê duyệt. Công tác giám sát mới chỉ chủ yếu thông qua báo cáo của các cơ quan chuyên môn; nguồn lực, các phương tiện kỹ thuật, công cụ phục vụ cho công tác giám sát còn bất cập, lạc hậu, chưa ứng dụng rộng rãi công nghệ cao trong việc giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm đảm bảo tính khách quan.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC (2011-2020); KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU QUY HOẠCH 2021-2023.

3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ 2011-2020

Thực hiện Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Thanh Hà. Đến nay UBND huyện đã triển khai việc thu hồi đất, giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất trong giai đoạn 10 năm qua đã đạt được những kết quả khả quan, góp phần tích cực thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện, đồng thời giúp cho việc quản lý sử dụng đất trên địa bàn huyện đi vào nề nếp.

Bảng 4: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích đến 31/12/2020	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) *100
1	Đất nông nghiệp	NNP	7.251,20	8.216,70	965,50	88,25
	<i>Trong đó:</i>			<i>0,00</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.325,03	1.732,68	407,65	76,47
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.324,82</i>	<i>1.732,49</i>	<i>407,67</i>	<i>76,47</i>

1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	158,37	276,00	117,63	57,38
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5.484,66	6.060,31	575,65	90,50
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	189,93	141,32	-48,61	74,41
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	93,21	6,38	-86,83	6,84
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.819,44	5.855,12	-964,32	85,86
	<i>Trong đó:</i>			0,00		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	6,14	2,64	-3,50	43,00
2.2	Đất an ninh	CAN	15,71	0,41	-15,30	2,61
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	400,00	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	20,00	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	114,36	20,51	-93,85	17,93
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	152,61	46,34	-106,27	30,36
2.8	Đất SX vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	40,00	2,93	-37,07	7,33
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.001,03	1.880,04	-120,99	93,95
	<i>Trong đó:</i>			0,00		
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.049,27</i>	<i>888,23</i>	<i>-161,04</i>	<i>84,65</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>785,58</i>	<i>720,57</i>	<i>-65,01</i>	<i>91,72</i>
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>11,04</i>	<i>11,42</i>	<i>0,38</i>	<i>103,44</i>
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>7,15</i>	<i>6,32</i>	<i>-0,83</i>	<i>88,39</i>
	<i>Đất cơ sở giáo dục đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>59,76</i>	<i>51,88</i>	<i>-7,88</i>	<i>86,82</i>
	<i>Đất cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>66,58</i>	<i>28,44</i>	<i>-38,14</i>	<i>42,71</i>
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>7,32</i>	<i>0,94</i>	<i>-6,38</i>	<i>12,84</i>
	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1,10</i>	<i>1,04</i>	<i>-0,06</i>	<i>94,55</i>
	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>72,13</i>	<i>47,85</i>	<i>-24,28</i>	<i>66,34</i>
	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>18,54</i>	<i>20,49</i>	<i>1,95</i>	<i>110,53</i>
	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa</i>	<i>NTD</i>	<i>103,27</i>	<i>97,40</i>	<i>-5,87</i>	<i>94,32</i>
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>13,24</i>	<i>5,46</i>	<i>-7,78</i>	<i>41,24</i>
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	10,49	6,32	-4,17	60,25
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	14,53	0,00	-14,53	0,00
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	7,72	0,00	-7,72	0,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.551,97	2.507,65	-44,32	98,26
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	125,58	109,06	-16,52	86,85
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	15,16	12,32	-2,84	81,29
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,66	3,48	-0,18	95,08
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	11,73	11,13	-0,60	94,88
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.125,56	1.236,23	110,67	109,83
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	8,31	14,70	6,39	176,90
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,86	1,36	0,50	158,14
3	Đất chưa sử dụng	CSD				

1. Đất nông nghiệp:

Quy hoạch được duyệt đến năm 2020, diện tích đất nông nghiệp là 7.251,20 ha; kết quả thực hiện đến hết năm 2020 đất nông nghiệp còn diện tích là 8.216,70 ha, cao hơn 965,50 ha so với quy hoạch được duyệt, đạt 88,25% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân đất nông nghiệp còn lớn hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là do các công trình dự án trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 chưa được triển khai có hiệu quả, làm cho diện tích đất nông nghiệp chuyển đổi chậm. Chính vì thế kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp không đạt được như quy hoạch đề ra. Trong đó:

- Đất trồng lúa: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 có diện tích là 1.325,03 ha; kết quả thực hiện đến hết năm 2020, diện tích đất trồng lúa là 1.732,68 ha, cao hơn 407,65 ha so với quy hoạch được duyệt, đạt 76,47% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt, tức vẫn giữ đất trồng lúa ở mức cao chưa chuyển mục đích sang các loại đất khác.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 đất trồng cây hàng năm khác là 158,37 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 276,0 ha, cao hơn quy hoạch được duyệt 117,63 ha, đạt 57,38% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt, tức vẫn giữ đất trồng cây hàng năm khác ở mức cao chưa chuyển mục đích sang các loại đất khác.

- Đất trồng cây lâu năm: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 đất trồng cây lâu năm là 5.484,66 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 6.060,31 ha, cao hơn quy hoạch được duyệt 575,65 ha, đạt 90,50% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt, tức vẫn giữ cây lâu năm ở mức cao chưa chuyển mục đích sang các loại đất khác.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 đất nuôi trồng thủy sản là 189,93 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 141,32 ha, giảm 48,61 ha so với quy hoạch được duyệt, đạt 74,41% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản đạt thấp do một số xã quy hoạch chưa thực hiện như: Xã Hồng Lạc, xã Thanh An, xã Thanh Cường, xã Thanh Hồng, xã Vĩnh Lập...

- Đất nông nghiệp khác: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 đất nông nghiệp khác là 93,21 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 6,38 ha, đạt 6,84% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt (Chỉ tiêu đất nông nghiệp khác đạt thấp do một số

công trình quy hoạch trang trại chăn nuôi chưa thực hiện như: Xã An Phượng, xã Tân Việt, xã Thanh Quang...

2. Đất phi nông nghiệp:

Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 đất phi nông nghiệp có diện tích là 6.819,44 ha; kết quả thực hiện đến hết năm 2020 có diện tích 5.855,12 ha, thấp hơn 964,32 ha so với quy hoạch được duyệt, đạt 85,86% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do nhiều dự án chậm triển khai thực hiện phải chuyển sang giai đoạn sau. Trong đó:

- Đất quốc phòng: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 đất quốc phòng là 6,14 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 đất quốc phòng có diện tích là 2,64 ha, còn 3,50 ha chưa thực hiện, đạt 43% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt, do chưa thực hiện được công trình quốc phòng tại xã Vĩnh Lập và xã An Phượng.

- Đất an ninh: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 đất an ninh là 15,71 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 đất an ninh có diện tích là 0,41 ha, còn 15,30 ha chưa thực hiện, đạt 2,61% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt, do chưa thực hiện được một số công trình và đề nghị chuyển tiếp giai đoạn 2021-2030: Công an huyện Thanh Hà tại thị trấn Thanh Hà và Trại tạm giam Công an tỉnh tại xã An Phượng.

- Đất khu công nghiệp: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 đất khu công nghiệp sẽ tăng là 400 ha, kết quả chưa thực hiện, đề nghị chuyển tiếp quy hoạch giai đoạn 2021-2030.

- Đất cụm công nghiệp: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 đất cụm công nghiệp là 20 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 chưa thực hiện.

- Đất thương mại, dịch vụ: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 114,36 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 20,51 ha, còn 93,85 ha chưa thực hiện, đạt 17,93% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thực hiện đạt tỷ lệ thấp là do phần lớn các dự án đang trong thời gian làm các thủ tục chuyên mục đích như: Dự án khu liên hiệp dịch vụ kỹ thuật ô tô Hải Dương; Cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp Thanh Hà tại xã Tân An; Dịch vụ, TM khu du lịch sinh thái Sông Hương tại xã Thanh Thủy, Thanh Xá; Khu thương mại dịch vụ xã Liên Mạc; Cơ sở SXKD - DVTM tổng hợp xã Cẩm Chế...

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 152,61 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 46,34 ha, còn 106,27 ha chưa thực hiện, đạt 30,36% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thực hiện đạt tỷ lệ thấp là do phần lớn các dự án đang trong thời gian làm các thủ tục chuyển mục đích như: Cơ sở kinh doanh dịch vụ, sửa chữa, bảo dưỡng và trông giữ xe ô tô 27-7 tại xã Tân An, Thanh Hải; Nhà máy SX bao bì Carton của CTCP chế biến nông sản thực phẩm XK Hải Dương tại xã Hồng Lạc; Dự án Nhà máy sản xuất bao bì phục vụ ngành nông nghiệp của Công ty TNHH xuất nhập khẩu IRI FACTORY VINA tại xã Việt Hồng, Cẩm Chế; Bãi đỗ xe xã Hồng Lạc và các DV-KD-TM khác....

- Đất sản xuất nguyên vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Quy hoạch được duyệt là 40,0 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 2,93 ha, còn 37,07 ha chưa thực hiện, đạt 7,33% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa đạt chỉ tiêu đề ra là do nhiều dự án chưa triển khai thực hiện như: Vùng nguyên liệu của nhà máy sản xuất gạch Tuynel tại xã An Phương và Vùng nguyên liệu khu vực ngoài đê sông Thái Bình tại xã Thanh Hải.

2.8. Đất phát triển hạ tầng: Quy hoạch được duyệt là 2.001,03 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 1.880,04 ha, còn 120,99 ha chưa thực hiện, đạt 93,95% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt, trong đó:

+ Đất giao thông: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 1.049,27 ha, kết quả thực hiện được đến hết năm 2020 là 888,23 ha, còn 161,04 ha chưa thực hiện, đạt 84,65% quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa đạt chỉ tiêu đề ra là do nhiều dự án chưa triển khai thực hiện như: Nâng cấp cải tạo đường 390; Mở rộng TL 390 B, Mở rộng TL 390 E, Đường tỉnh 392 kéo dài từ thị trấn Tứ Kỳ giao với đường 391 đến phà Quang Thanh huyện Thanh Hà; Đường 396 kéo dài nối QL 37...

+ Đất thủy lợi: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 là 785,58 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 720,57 ha, cao hơn 65,01 ha so với quy hoạch được duyệt, đạt 91,72% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Quy hoạch được duyệt là 11,04 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 11,42 ha, cao hơn quy hoạch được duyệt là 0,38 ha. Nguyên nhân do số liệu kỳ kiểm kê năm 2014 được thực hiện theo Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 thì đối với nhà văn hóa thôn, khu dân cư được kiểm kê vào đất sinh hoạt công đồng; Tuy nhiên đối với số liệu kỳ kiểm kê

năm 2019 được thực hiện theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 thì đối với nhà văn hóa thôn được kiểm kê vào đất xây dựng cơ sở văn hóa.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Quy hoạch được duyệt là 7,15 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 được 6,32 ha, đạt 88,39% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Quy hoạch được duyệt là 59,76 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 được 51,88 ha, còn 7,88 ha chưa thực hiện, đạt 86,82% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa đạt được chỉ tiêu đề ra do một số công trình quy hoạch, mở rộng trường học các cấp trên địa bàn các xã, thị trấn.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Quy hoạch được duyệt là 66,58 ha, kết quả thực hiện được đến hết năm 2020 là 28,44 ha, còn 38,14 ha chưa thực hiện, đạt 42,71% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa đạt được chỉ tiêu đề ra do một số công trình chưa thực hiện như: Xây dựng khu TT văn hóa, thể thao huyện Thanh Hà; Sân vận động xã An Phượng; Sân vận động trung tâm xã Thanh Sơn; Sân vận động thị trấn Thanh Hà và sân thể thao thôn của một số xã trên địa bàn huyện.

- Đất công trình năng lượng: Quy hoạch được duyệt là 7,32 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 0,94 ha, còn 6,38 ha chưa thực hiện, đạt 12,84% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: Quy hoạch được duyệt là 1,10 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 1,04 ha, còn 0,06 ha chưa thực hiện, đạt 94,55% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Quy hoạch được duyệt 72,13 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 47,85 ha, còn 24,28 ha chưa thực hiện, đạt 66,34% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Công trình chưa thực hiện như: Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp, Mở rộng Nhà máy tái chế rác của tỉnh tại xã Việt Hồng và bãi rác tập trung tại các xã Vĩnh Lập, xã Tân An, xã Thanh Thủy...

+ Đất cơ sở tôn giáo: Quy hoạch sử dụng đất được duyệt là 18,54 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 20,49 ha, cao hơn 1,95 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt, do chênh lệch khi tổng hợp số liệu giữa 2 kỳ kiểm kê.

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa: Quy hoạch được duyệt là 103,27 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 97,40 ha, còn 5,87 ha chưa thực hiện, đạt 94,32% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất chợ: Quy hoạch được duyệt là 13,24 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 5,46 ha, còn 7,78 ha chưa thực hiện, đạt 41,24% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân đạt tỷ lệ thấp do một số công trình chưa thực hiện như: Đất chợ và thương mại dịch vụ xã Tân Việt; Đất chợ và thương mại dịch vụ xã Việt Hồng; Đất chợ và thương mại dịch vụ xã Liên Mạc...

- Đất danh lam thắng cảnh: Quy hoạch được duyệt là 10,49 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 6,32 ha, còn 4,17 ha chưa thực hiện, đạt 60,25% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Quy hoạch được duyệt là 14,53 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 chưa thực hiện.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Quy hoạch được duyệt là 7,72 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 chưa thực hiện.

- Đất ở tại nông thôn: Quy hoạch được duyệt là 2.551,97 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 2.507,65 ha, còn 44,32 ha chưa thực hiện, đạt 98,26% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thực hiện đạt thấp là do trên địa bàn huyện có một số dự án lớn đến nay chưa thực hiện như: Khu dân cư mới xã Tân An - Thanh Hải (34,19 ha); Khu dân cư mới thôn Đông Phan (9,30 ha); Xây dựng khu dân cư tại xã Tân An và xã Thanh Hải (28,70 ha); Khu dân cư mới phía tây thị trấn Thanh Hà (9,80 ha); Xây dựng khu dân cư mới Tân An và Thanh Khê 9,80 ha (Sau Chi cục Thuế)

- Đất ở tại đô thị: Quy hoạch được duyệt là 125,58 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 109,06 ha, còn 16,52 ha chưa thực hiện, đạt 86,85% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân thực hiện đạt thấp là do trên địa bàn huyện có một số dự án đến nay chưa thực hiện như: Khu dân cư phía Đông thị trấn Thanh Hà (sau phòng công chứng) 10,30 ha; Dân cư khu 1 thị trấn Thanh Hà 4,98 ha; Khu dân cư mới thị trấn Thanh Hà 9,98 ha; Khu đô thị sinh thái Thanh Bình....

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Quy hoạch được duyệt là 15,16 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 12,32 ha, còn 2,84 ha chưa thực hiện, đạt 81,29% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Quy hoạch được duyệt là 3,66 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 3,48 ha, còn 0,18 ha chưa thực hiện, đạt 95,08% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Quy hoạch được duyệt là 11,73 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 11,13 ha, còn 0,60 ha chưa thực hiện, đạt 94,88% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Quy hoạch được duyệt là 1.125,56 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 1.236,23 ha, còn 110,67 ha chưa thực hiện, đạt 91,05% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Quy hoạch được duyệt là 8,31 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 14,70 ha, còn 6,39 ha chưa thực hiện, đạt 56,53% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất phi nông nghiệp khác: Quy hoạch được duyệt là 0,86 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 1,36 ha, còn 0,50 ha chưa thực hiện, đạt 63,24% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

** Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 trên địa bàn huyện Thanh Hà một số chỉ tiêu thực hiện đạt tỷ lệ tương đối cao so với chỉ tiêu được duyệt. Tuy nhiên vẫn còn một số chỉ tiêu thực hiện đạt tỷ lệ thấp so với quy hoạch được duyệt, nguyên nhân do có một số công trình dự án lớn cấp trên phân bổ nằm trên địa bàn huyện chưa thực hiện được như: Khu công nghiệp Thanh Hà 400 ha; Cụm công nghiệp Hồng Lạc, và một số khu dân cư và dịch vụ thương mại mới phía như: Xây dựng khu dân cư tại xã Tân An và xã Thanh Hải 28,70 ha; Khu dân cư mới xã Tân An - Thanh Hải 34,19 ha; Khu đô thị sinh thái Thanh Bình 44,57 ha..., cho lên ảnh hưởng đến kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch chung của toàn huyện.*

3.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất 2021 đến tháng 6/2024

Thực hiện Quyết định số 4055/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thanh Hà. Đến nay UBND huyện đã triển khai việc thu hồi đất, giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt. Kết quả thực hiện chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất trong giai đoạn 2021 đến tháng 6/2024 đã đạt được những kết quả khả quan, góp phần tích cực thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện, đồng thời giúp cho việc quản lý sử dụng đất trên địa bàn huyện đi vào nề nếp.

Bảng 5: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến hết tháng 6/2024

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch được duyệt (QĐ số 4055)	Kết quả thực hiện đến Tháng 6/2024		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(6)	(8)=(7)/(5)*100	(8)=(7)/(5)*100
1	Đất nông nghiệp	NNP	5.838,79	8.166,22	2.327,43	71,50
	<i>Trong đó:</i>		<i>0,00</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	864,36	1.705,03	840,67	50,69
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>864,17</i>	<i>1.704,84</i>	<i>840,67</i>	<i>50,69</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	212,13	269,43	57,30	78,73
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.391,91	5.960,44	1.568,53	73,68
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	163,86	224,94	61,08	72,85
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	206,52	6,38	-200,14	3.236,99
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	8.233,03	5.905,59	-2.327,44	71,73
	<i>Trong đó:</i>		0,00		0,00	
2.1	Đất quốc phòng	CQP	12,76	4,17	-8,59	32,67
2.2	Đất an ninh	CAN	14,21	0,41	-13,80	2,89
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	125,00		-125,00	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	260,00		-260,00	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	272,65	31,07	-241,58	11,40
2.6	Đất cơ sở SX phi nông nghiệp	SKC	150,72	48,68	-102,04	32,30
2.7	Đất SXVL xây dựng, làm đồ gốm	SKX	31,08	2,90	-28,18	9,33
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	3.005,80	1.906,34	-1.099,46	63,42
	<i>Trong đó:</i>		0,00		0,00	
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.651,21</i>	<i>915,42</i>	<i>-735,79</i>	<i>55,44</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>762,36</i>	<i>716,28</i>	<i>-46,08</i>	<i>93,96</i>
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>62,27</i>	<i>11,68</i>	<i>-50,59</i>	<i>18,76</i>
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>7,04</i>	<i>6,32</i>	<i>-0,72</i>	<i>89,77</i>
	<i>Đất cơ sở giáo dục đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>81,82</i>	<i>52,38</i>	<i>-29,44</i>	<i>64,02</i>
	<i>Đất cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>164,54</i>	<i>28,17</i>	<i>-136,37</i>	<i>17,12</i>
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>21,63</i>	<i>1,76</i>	<i>-19,87</i>	<i>8,14</i>
	<i>Đất ct bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>1,04</i>	<i>1,01</i>	<i>-0,03</i>	<i>97,12</i>
	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>73,43</i>	<i>47,60</i>	<i>-25,83</i>	<i>64,82</i>
	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>30,56</i>	<i>20,49</i>	<i>-10,07</i>	<i>67,05</i>
	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa</i>	<i>NTD</i>	<i>114,92</i>	<i>97,73</i>	<i>-17,19</i>	<i>85,04</i>
	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>34,98</i>	<i>7,50</i>	<i>-27,48</i>	<i>21,44</i>
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	39,27	9,11	-30,16	23,20
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	107,86	2,40	-105,46	2,23
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.793,02	2.513,51	-279,51	89,99
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	136,96	108,97	-27,99	79,57
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,30	11,80	-5,50	68,22
2.14	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	11,32	11,12	-0,20	98,23
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.235,93	1.235,55	-0,38	100,03

2.16	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	14,32	14,35	0,03	99,79
2.17	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,36	0,59	-0,77	230,51
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-			

1. Đất nông nghiệp:

Quy hoạch được duyệt đến năm 2030, diện tích đất nông nghiệp là 5.838,79 ha; kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 đất nông nghiệp còn diện tích là 8.166,22 ha, cao hơn 2.327,43 ha so với quy hoạch được duyệt, đạt 71,50% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Trong đó:

- Đất trồng lúa: Quy hoạch được duyệt đến năm 2030 có diện tích là 864,36 ha; kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 1.705,03 ha, cao hơn 840,67 ha so với quy hoạch được duyệt, đạt 50,69% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Quy hoạch được duyệt đến năm 2030 đất trồng cây hàng năm khác là 212.13 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 269,43 ha, cao hơn quy hoạch được duyệt 57,30 ha, đạt 78,73% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây lâu năm: Quy hoạch được duyệt đến năm 2030 đất trồng cây lâu năm là 4.391,91 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 5.960,44 ha, cao hơn quy hoạch được duyệt 1.568,53 ha, đạt 73.68% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Quy hoạch được duyệt đến năm 2030 đất nuôi trồng thủy sản là 163,86 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 224,94 ha, tăng 61,08 ha so với quy hoạch được duyệt, đạt 72,85% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt

- Đất nông nghiệp khác: Quy hoạch được duyệt đến năm 2030 đất nông nghiệp khác là 206,52 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 6,38 ha, đạt 3,09% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

2. Đất phi nông nghiệp:

Quy hoạch được duyệt đến năm 2030 đất phi nông nghiệp có diện tích là 8.233,03 ha; kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 có diện tích 5.905,59 ha, thấp hơn 2.327,44 ha so với quy hoạch được duyệt, đạt 71,73% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Trong đó:

- Đất quốc phòng: Quy hoạch được duyệt đến năm 2030 đất quốc phòng là 12,76 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 đất quốc phòng có diện tích là 4,17 ha, còn 8,59 ha chưa thực hiện, đạt 32,67% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất an ninh: Quy hoạch được duyệt đến năm 2030 đất an ninh là 12,21 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 đất an ninh có diện tích là 0,41 ha, còn 13,80 ha chưa thực hiện, đạt 2,89% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất khu công nghiệp: Quy hoạch được duyệt đến năm 2020 đất khu công nghiệp sẽ tăng là 125 ha, kết quả chưa thực hiện, đề nghị chuyển tiếp quy hoạch giai đoạn 2026-2030.

- Đất thương mại, dịch vụ: Quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 272,65 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 31,07 ha, còn 241,58 ha chưa thực hiện, đạt 11,4% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 150,72 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 48,68 ha, còn 102,04 ha chưa thực hiện, đạt 32,3% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất sản xuất nguyên vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Quy hoạch được duyệt là 31,08 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 2,90 ha, còn 28,18 ha chưa thực hiện, đạt 9,33% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

2.8. Đất phát triển hạ tầng:

+ Đất giao thông: Quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 1.651,21 ha, kết quả thực hiện được đến hết tháng 6 năm 2024 là 915,42 ha, còn 735,79 ha chưa thực hiện, đạt 55,44% quy hoạch được duyệt.

+ Đất thủy lợi: Quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 762,36 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 716,28 ha, cao hơn 46,08 ha so với quy hoạch được duyệt, đạt 93,96% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Quy hoạch được duyệt là 62,27 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 11,68 ha, cao hơn quy hoạch được duyệt là 50,59 ha, đạt 18,76% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Quy hoạch được duyệt là 7,04 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 được 6,32 ha, đạt 89,77% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Quy hoạch được duyệt là 81,82 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 được 52,38 ha, còn 29,44 ha chưa thực hiện, đạt 64,02% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Quy hoạch được duyệt là 64,54 ha, kết quả thực hiện được đến hết tháng 6 năm 2024 là 28,17 ha, còn 136,37 ha chưa thực hiện, đạt 17,12% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất công trình năng lượng: Quy hoạch được duyệt là 21,63 ha, kết quả thực hiện đến hết năm 2020 là 1,76 ha, còn 19,87 ha chưa thực hiện, đạt 8,14% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: Quy hoạch được duyệt là 1,04 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 1,01 ha, còn 0,03 ha chưa thực hiện, đạt 97,12% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Quy hoạch được duyệt 73,43 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 47,60 ha, còn 25,83 ha chưa thực hiện, đạt 64,82% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất cơ sở tôn giáo: Quy hoạch sử dụng đất được duyệt là 30,56 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 20,49 ha, cao hơn 10,07 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt, đạt 67,05% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa: Quy hoạch được duyệt là 114,92 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 97,73 ha, còn 17,19 ha chưa thực hiện, đạt 85,04% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

+ Đất chợ: Quy hoạch được duyệt là 34,98 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 7,50 ha, còn 27,48 ha chưa thực hiện, đạt 21,44% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất danh lam thắng cảnh: Quy hoạch được duyệt là 39,27 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 9,11 ha, còn 30,16 ha chưa thực hiện, đạt 23,20% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Quy hoạch được duyệt là 107,86 ha, kết quả thực hiện đến tháng 6 năm 2024 là 2,40 ha, còn 105,46 ha chưa thực hiện, đạt 2,23% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất ở tại nông thôn: Quy hoạch được duyệt là 2.793,02 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 2.513,51 ha, còn 279,51 ha chưa thực hiện, đạt 89,99% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất ở tại đô thị: Quy hoạch được duyệt là 136,96 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 108,97 ha, còn 27,99 ha chưa thực hiện, đạt 79,57% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Quy hoạch được duyệt là 17,30 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 11,80 ha, còn 5,50 ha chưa thực hiện, đạt 68,22% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Quy hoạch được duyệt là 3,48 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 3,76 ha, còn 0,28 ha chưa thực hiện.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Quy hoạch được duyệt là 1.235,93 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 1.235,55 ha, còn 0,38 ha chưa thực hiện.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Quy hoạch được duyệt là 14,32 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 14,35 ha, còn 0,03 ha chưa thực hiện, đạt 99,79% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt.

- Đất phi nông nghiệp khác: Quy hoạch được duyệt là 1,36 ha, kết quả thực hiện đến hết tháng 6 năm 2024 là 0,59 ha, còn 0,77 ha chưa thực hiện.

3.3. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước.

Việc thực hiện qui hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 trên địa bàn huyện đã đạt được kết quả khả quan. Nhìn chung việc chuyển mục đích sử dụng đất đều bám sát vào chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

Thông qua qui hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện ngày càng chặt chẽ và có hiệu quả thể hiện ở các mặt sau:

- Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về đất đai từ cấp huyện đến cấp xã.

- Làm cơ sở pháp lý quan trọng cho việc giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất.

- Chủ động giành quỹ đất để phát triển các ngành, các lĩnh vực đáp ứng nhu cầu sử dụng đất đai cho xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng khu, cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh và khu dân cư góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh quốc phòng.

- Đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

*** Tồn tại:**

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đạt chưa cao, cụ thể ở một số loại đất như đất an ninh, đất khu, cụm công nghiệp, đất di tích danh thắng, đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp.

- Quy hoạch sử dụng đất dự báo nhu cầu chưa sát với tình hình thực tế, chưa thực sự đồng bộ với quy hoạch các ngành, lĩnh vực; kế hoạch sử dụng đất xác định nhu cầu sử dụng đất còn chưa phù hợp với tiến độ thực hiện các dự án, công trình.

- Việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn thiếu các giải pháp có tính khả thi như không cân đối đủ nguồn vốn cho xây dựng hạ tầng, sự bất cập trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất dẫn đến các công trình, dự án thường kéo dài tiến độ thực hiện hoặc một số dự án sau khi giải phóng mặt bằng còn chậm triển khai thực hiện các hạng mục tiếp theo.

*** Nguyên nhân của những tồn tại.**

Hệ thống chính sách pháp luật về đất đai được quan tâm đổi mới, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng kịp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, thiếu khung quản lý đồng bộ. Đặc biệt là các quy định về lĩnh vực đất đai chưa thực sự đồng bộ với các quy định của các lĩnh vực khác như đầu tư xây dựng cơ bản, giao thông, nông nghiệp.

- Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật đất đai chưa được sâu sát, cụ thể.

- Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong quá trình thực hiện kế hoạch chưa chặt chẽ, đặc biệt là giữa chấp thuận đầu tư và kế hoạch sử dụng đất.

- Chất lượng công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa cao, công tác dự báo nhu cầu chưa sát với thực tế còn có chỉ tiêu quá thấp so với dự báo.

- Hệ thống văn bản liên quan đến việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn thiếu và chậm hoàn chỉnh dẫn đến việc áp dụng chưa kịp thời, thiếu căn cứ.

- Tiến độ triển khai công tác lập, điều chỉnh quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất còn chậm từ cấp tỉnh, đến cấp huyện dẫn đến thiếu căn cứ để thực hiện việc giao đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất ở những năm đầu của thời kỳ kế hoạch.

- Công tác quản lý hồ sơ địa chính ở các địa phương còn nhiều bất cập dẫn đến việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất chưa thuận lợi, còn gặp nhiều khó khăn.

- Giai đoạn 2011 - 2015 là giai đoạn giao thời trong thực hiện Luật đất đai 2003 và 2013. Do vậy nên nhiều dự án đã lập thủ tục theo Luật 2003 nhưng nay không phù hợp với Luật 2013, phải lập lại hồ sơ nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án;

- Trong những năm gần đây, quy trình thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được quan tâm, cải tiến nhiều nhưng vẫn là công việc rất phức tạp, vẫn mất nhiều thời gian để thực hiện nên ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thực hiện của toàn dự án;

- Do công tác dự báo quy hoạch, kế hoạch của một số ngành còn nhiều bất cập dẫn đến việc bố trí, sử dụng đất cho ngành còn chưa thật sự hợp lý nên khó triển khai thực hiện theo đúng chỉ tiêu đề ra.

- Một số dự án đầu tư còn chậm về tiến độ lập dự án, kinh phí đầu tư chưa kịp thời do đó dẫn đến phải lùi tiến độ thực hiện.

3.4. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ tới.

Để góp phần nâng cao chất lượng Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên địa bàn huyện Thanh Hà thực hiện đạt chất lượng cao theo Luật Quy hoạch và Luật Đất đai, huyện Thanh Hà rút ra những bài học kinh nghiệm sau:

- Trên cơ sở nguồn lực ngân sách và ngoài ngân sách Nhà nước đề rà soát,

đề xuất lập quy hoạch theo lĩnh vực ngành được giao quản lý xây dựng quy hoạch đất đai, đồng bộ với quy hoạch tỉnh, vùng, các quy hoạch ngành, lĩnh vực.

- Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật; xác định ranh giới trên bản đồ, công khai diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn quy hoạch cần được nghiên cứu kỹ lưỡng về tính khả thi của các dự án và nên xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá thứ tự ưu tiên của từng hạng mục công trình dự án (ví dụ như: ưu tiên đăng ký hàng đầu đối với các công trình dự án đang triển khai trước thời điểm lập quy hoạch hoặc kế hoạch sử dụng đất, tiếp đó là những công trình đã có ghi nhận vốn đầu tư, đã có điều tra khảo sát địa điểm...).

- Cần linh hoạt và mềm dẻo đối với việc đăng ký vị trí các dự án theo số tờ thửa của bản đồ địa chính bởi vì những vị trí địa phương dự kiến thực hiện dự án đôi khi không thỏa mãn được nhu cầu về sử dụng của các nhà đầu tư.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, địa phương thực hiện tốt việc chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất. Tăng cường công tác quản lý về khai thác tài nguyên đất đai, khoáng sản, nước đi đôi với công tác bảo vệ môi trường. Không quy hoạch và triển khai các dự án xây dựng khu dân cư, khu đô thị, khai thác quỹ đất trên đất chuyên trồng lúa chủ yếu nằm dọc tỉnh lộ, huyện lộ và không có trong quy hoạch chung, quy hoạch phân khu được duyệt.

- Không điều chỉnh giảm không gian, phạm vi, quy mô đất công cộng, công viên, cây xanh, mặt nước, mốc chỉ giới xây dựng, cây xanh của các dự án (kể cả trên các trục đường chính, quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ) đã phê duyệt sang mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ, đất ở.

- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật đất đai để người dân nắm vững các quy định của pháp luật, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững...

- Kinh tế, xã hội phát triển rất nhanh do yêu cầu đẩy mạnh đô thị hóa, công nghiệp hóa, chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu sử dụng đất nên nhu cầu sử dụng đất tăng cao và rất đa dạng, làm tăng giá trị của đất đòi hỏi công tác quản lý đất đai nói

chung, quy hoạch nói riêng phải hoàn chỉnh về lực lượng cũng như cơ chế, chính sách mới phù hợp để có thể quản lý tốt theo quy hoạch và pháp luật.

- Qua thực tế quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, có thể thấy pháp luật đất đai hiện đã ràng buộc các ngành, lĩnh vực và chính quyền địa phương tuân thủ quy hoạch sử dụng đất nhưng quá trình thực hiện chưa nghiêm còn hiện tượng điều chỉnh quy hoạch theo yêu cầu của nhà đầu tư. Do đó, cần có hướng dẫn cụ thể, chi tiết về phương pháp luận để nâng cao luận chứng của tài liệu quy hoạch sử dụng đất, nâng cao tầm quan trọng của tài liệu quy hoạch trong công tác quản lý điều hành của chính quyền các cấp, đồng thời bổ sung quy định về chấp hành quy hoạch sử dụng đất.

- Phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cần xác định cụ thể các giải pháp để đảm bảo tính khả thi của việc thực hiện theo quy hoạch.

IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI

4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp.

Phần lớn diện tích đang được sử dụng cho các mục đích phát triển kinh tế - xã hội của huyện được sử dụng đúng mục đích, tuy nhiên vẫn có những diện tích đất có hiệu quả sử dụng chưa cao. Vì vậy trong quy hoạch cần tập trung khai thác tiềm năng các loại đất đang sử dụng theo hướng nâng cao trị thu nhập trên 1 ha đất.

Sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa; năng suất, chất lượng, hiệu quả được nâng lên. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch gắn với thị trường và thế mạnh từng vùng. Tiềm năng đất đai cho phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện đối với các loại đất như sau:

- Đất trồng lúa: Diện tích 1.732,68 ha, chiếm 58,39% diện tích đất hành chính của huyện, phân bố trên nhóm đất phù sa sông Thái Bình ngập nước. Loại đất này thường có địa hình vùn hoặc vùn thấp, thành phần cơ giới chủ yếu là thịt nặng, đất chua, hàm lượng dinh dưỡng ở mức trung bình, thích hợp cho trồng 2 vụ lúa hoặc 2 vụ lúa 1 vụ màu.

- Đất trồng cây hàng năm khác và cây công nghiệp ngắn ngày: Diện tích 276ha, chiếm 1,96% diện tích đất hành chính. Loại đất này thường được bồi đắp hàng năm, thành phần cơ giới nhẹ, cát pha tầng đất dày và phân lớp. Đất ít chua hoặc tính trung tính, dinh dưỡng của đất ở mức khá và giàu. Sự phân bố loại đất

phần lớn ở các xã có vùng bãi ngoài đê như xã Thanh Quang, xã Thanh Hải, xã An Phượng...

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích 6.060,31 ha, chiếm 43,07% diện tích đất hành chính. Vùng vải sớm (khu Hà Đông), vải Thiều (khu Hà Nam), ổi (Liên Mạc, Thanh Xuân, Thanh Lang), quýt (Thanh Sơn, Cẩm Chế)...

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích 141,32 ha, chiếm 1% diện tích đất hành chính. Tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản ở các ao, hồ, đồng thời sử dụng một phần diện tích đất trồng lúa vùng trũng sang kết hợp nuôi trồng thủy sản. Khả năng phát triển mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản tập trung chủ yếu tại các xã Hồng Lạc, xã Tân Việt, xã Thanh An, xã Thanh Xuân...

4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp

4.2.1. Khu vực kinh tế công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm thuận lợi cho việc thu hút đầu tư các dự án công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Đẩy mạnh phát triển các ngành nghề huyện có lợi thế: chế biến nông sản, dệt may, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng... Củng cố và phát triển các làng nghề hiện có.

Triển khai, xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông, hệ thống lưới điện; đê, kè, cống và các công trình thủy lợi. Kêu gọi đầu tư và đề nghị xây dựng hệ thống đường giao thông kết nối với các xã, thị trấn trong huyện, với các huyện trong tỉnh, với tỉnh ngoài.

Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng tăng bình quân 15%/năm.

4.2.2. Khu vực kinh tế dịch vụ thương mại:

Phát triển đa dạng các ngành dịch vụ; đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá tiềm năng, lợi thế phát triển du lịch, dịch vụ của huyện. Tăng cường quản lý khai thác tốt các nguồn thu, tiếp tục phấn đấu tăng thu ngân sách từ 10% /năm trở lên so với chỉ tiêu tỉnh giao.

4.2.3. Khu vực đô thị:

Phát triển đô thị đảm bảo đồng bộ về hạ tầng, dịch vụ đô thị, cây xanh đô thị. Phân bố hợp lý các đô thị phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo các vùng, phát huy vai trò hạt nhân lan tỏa thúc đẩy công nghiệp, dịch vụ của các đô thị đồng thời tạo điều kiện phát triển bền vững các đô thị, tránh tình trạng quá tải do gia tăng dân số nhanh, đặc biệt là trung tâm của huyện. Đến năm 2030, xây dựng và phát triển các đô thị trong huyện đảm bảo hầu hết các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật theo phân loại đô thị bao gồm cả các công trình hạ tầng môi trường, từng bước kết nối hình thành chuỗi đô thị - dịch vụ hiện đại.

4.2.4. Khu dân cư nông thôn

Khu vực nông thôn của huyện gồm có 19 xã, đến hết năm 2020, toàn huyện có 19/19 xã đạt chuẩn NTM (đạt 100%), trong đó xã Thanh Sơn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; huyện Thanh Hà đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2020. Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và Nghị Quyết Đảng bộ huyện lần thứ XXV, phấn đấu tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểm mẫu năm 2025: Có từ 6 - 8 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; từ 2 - 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Đến năm 2030: Có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; trong đó có 50% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có từ 2 - 3 xã trở thành thị trấn; huyện Thanh Hà cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV. Sản xuất, thu nhập, hộ nghèo; giáo dục, y tế, văn hóa; môi trường; an ninh, trật tự và hành chính công. Về tổ chức sản xuất, xã phải có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực, bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng biến đổi khí hậu.

Để triển khai các dự án xây dựng nông thôn mới, tập trung huy động đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và sinh hoạt ở các xã như đường giao thông, cấp điện, thông tin liên lạc, công trình môi trường, thủy lợi. Cơ bản duy trì hình thái phân bố và quần cư của các điểm dân cư nông thôn (thôn, xóm) với khoảng điểm trong toàn huyện nhưng sắp xếp, tổ chức hợp lý các khu chức năng của xã (khu dân cư, khu đồng ruộng, khu sản xuất làng nghề TTCN, khu văn hóa - thể thao, khu trung tâm xã...) gắn với quy hoạch sử dụng đất và chỉnh trang các khu, điểm dân cư nông thôn theo hướng văn minh, giữ gìn môi trường và bảo tồn bản sắc văn hóa. Phát huy tham gia, đóng góp của nhân dân, đầu tư của doanh nghiệp đẩy mạnh quá trình đô thị hoá nông thôn, hình thành các khu dân cư đô thị nông thôn, xây dựng các thị tứ trung tâm xã, phát triển các cụm dân cư nông thôn dưới hình thức phố làng, xây dựng các mô hình tổ chức không gian làng nghề nông thôn mới giữ gìn môi trường.

Triển khai chương trình phát triển làng nghề (làng nghề truyền thống và làng nghề mới), phát triển các nghề phi nông nghiệp (tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ) đối với các xã nông thôn. Khuyến khích, ưu đãi thu hút dự án đầu tư ở các địa bàn xã thuần nông, xã còn nhiều hộ nghèo để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông nghiệp, qua đó cải thiện và nâng lên đời sống các hộ gia đình nông nghiệp, nông thôn.

Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sinh hoạt và sản xuất, duy trì hình thái phân bố và quần cư của các điểm dân cư nông thôn trong toàn huyện nhưng có sự sắp xếp, chỉnh trang theo hướng văn minh, giữ gìn môi trường và bảo tồn bản sắc văn hóa.

Bố trí phát triển hợp lý các khu chức năng của xã như: khu dân cư, khu đồng ruộng, khu sản xuất làng nghề tiểu thủ công nghiệp, khu văn hóa - thể thao, khu trung tâm hành chính xã,... phù hợp với quá trình chuyển dần mô hình xã nông thôn sản xuất thuần nông, sản xuất hàng hóa nhỏ lẻ, phân tán sang mô hình xã nông thôn mới sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung có quy mô kết hợp với sản xuất đa ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phát triển làng nghề.

PHẦN III

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp sạch, gắn với công nghệ cao; phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch; kết hợp phát triển du lịch sinh thái gắn với phát triển nông nghiệp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư và khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển. Tăng cường bảo vệ tài nguyên, môi trường. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân và các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao. Tập trung giải quyết lao động, việc làm, thu nhập, an sinh xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tăng cường và củng cố quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội. Phấn đấu đến năm 2030, huyện Thanh Hà cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV.

a. Lĩnh vực kinh tế:

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới. Tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo quy mô trang trại. Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh sản xuất cây ăn quả theo quy trình VietGAP, GlobalGAP, phát triển mạnh các loại cây rau màu, củ, quả có giá trị kinh tế cao. Đẩy mạnh Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới theo hướng xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

Phát triển công nghiệp, xây dựng, thu hút kêu gọi các doanh nghiệp, công ty đầu tư vào địa bàn huyện, đặc biệt đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp chế biến sau thu hoạch nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, thu nhập, tạo việc làm cho người dân. Lập quy hoạch và kêu gọi đầu tư hạ tầng 01 khu công nghiệp và các khu dân cư tập trung, đô thị. Tiếp tục xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông để kết nối với các địa phương trong và ngoài huyện.

Phát triển đa dạng các ngành dịch vụ. Khai thác có hiệu quả các dự án trên địa bàn, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch; phối hợp, tạo

điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư triển khai dự án đô thị sinh thái sông Hương gắn với phát triển các điểm, các loại hình du lịch khác trên địa bàn huyện.

b. Lĩnh vực văn hoá - xã hội

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Xây dựng và hoàn thiện mạng lưới trường lớp, cơ sở vật chất theo hướng hiện đại hóa. Đảm bảo 100% các trường học đủ diện tích tối thiểu theo quy định. Triển khai, thực hiện thành công Chương trình Giáo dục phổ thông mới.

Nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân, chính sách dân số và phát triển. Nâng cao chất lượng các tiêu chí xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; chủ động ngăn ngừa, khống chế không để bệnh dịch lớn xảy ra.

Phát triển đồng bộ văn hoá, thể thao, xây dựng và phát triển con người Thanh Hà hiếu học, năng động, sáng tạo, có lối sống tốt đẹp đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phần đầu xây dựng hoàn thành khu trung tâm văn hóa thể thao của huyện.

Tập trung thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững, chế độ chính sách cho người có công và bảo đảm an sinh xã hội. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lao động. Chú trọng đào tạo lao động có tay nghề, đảm bảo tạo việc làm mới. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả chính sách giảm nghèo bền vững. Phát triển các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện.

1.2. Quan điểm sử dụng đất

Tiếp tục khai thác, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả quỹ đất. Cần có những công trình nghiên cứu sâu về tài nguyên đất, đánh giá thích hợp đất đai để bố trí sử dụng hợp lý, khoa học, nhằm mang lại hiệu quả cao trong sản xuất nông nghiệp và cải thiện môi trường.

Chuyển đổi mục đích sử dụng đất phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong cơ cấu sử dụng đất cần dành một tỷ lệ thích hợp cho các mục đích sử dụng phi nông nghiệp căn cứ vào điều kiện thực tế, đáp ứng các yêu cầu phát triển lâu dài, tạo cơ sở vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn huyện.

Đối với đất sản xuất nông nghiệp cần bảo vệ diện tích đất trồng lúa, tiến hành các biện pháp thâm canh cao, tăng năng suất, tăng chất lượng nông sản, đảm bảo nhu cầu an toàn lương thực, song song với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng diện tích cây ăn quả, phát triển mạnh các mô hình kinh tế trang trại và chăn nuôi tập trung. Lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi dựa trên lợi thế và tiềm năng của từng vùng trong huyện.

Sử dụng hợp lý các loại đất chuyên dùng, đất ở trong khu dân cư đô thị và nông thôn theo tiến trình đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng cùng với việc bố trí hợp lý đất ở, đất sản xuất cho các khu vực nông thôn để ổn định đời sống dân cư.

Ưu tiên bố trí đủ quỹ đất để xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, tập trung phát triển các hạ tầng then chốt, có sức lan tỏa lớn; đáp ứng quỹ đất cho phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng nông thôn mới.

Khai thác đất đai một cách khoa học, hợp lý, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả quỹ đất thông qua việc cải tạo, chuyển mục đích sử dụng đất và có thể điều chỉnh một số bất hợp lý trong sử dụng đất hiện hành, tận dụng tối đa các công trình kiến trúc hiện có. Xác định đủ nhu cầu cho các mục đích phi nông nghiệp với các vị trí thích hợp, nhằm phát huy cao nhất tính năng của các công trình đáp ứng mục tiêu CNH- HĐH, phát triển đô thị phù hợp và xây dựng nông thôn mới.

Chuyển mục đích sử dụng đất trong đất nông nghiệp với xu thế phát triển mạnh nông sản hàng hóa, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Xây dựng nông thôn theo hướng sinh thái, bền vững. Xác định các vùng sản xuất tập trung, kết hợp với việc củng cố cơ sở hạ tầng nông thôn, hướng dẫn nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo qui hoạch nhằm phát triển tối đa tiềm năng sản xuất của đất, cải tạo và bảo vệ độ phì nhiêu đất để sử dụng lâu bền.

Song song với việc khai thác sử dụng đất, nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội phải quan tâm đúng mức đến cải tạo, bảo vệ môi trường sống trong khu đô thị, khu dân cư nông thôn, khu công nghiệp, khu du lịch. Qui hoạch hợp lý các khu vực chôn lấp chất thải, rác thải, phát triển nông nghiệp hữu cơ, hạn chế việc lạm dụng các chất hóa học, các chất kích thích sinh trưởng, bảo vệ thực vật, chế phẩm độc

hại trong sản xuất nông nghiệp, cải tạo môi trường đất, nước, không khí, chống sỏi mòn, thoái hóa và ô nhiễm đất.

Việc xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất của huyện Thanh Hà trên cơ sở đảm bảo phù hợp với các chỉ tiêu phân bổ cấp trên. Việc tính toán, phân bổ nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực, các đơn vị hành chính thuộc huyện được định hướng từ trên xuống dưới.

Ưu tiên bố trí đủ quỹ đất để xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, tập trung phát triển các lĩnh vực hạ tầng then chốt; ưu tiên bố trí quỹ đất cho các dự án quan trọng tạo ra đột phá phát triển và có tác động lan tỏa rộng lớn đảm bảo cho mục tiêu Thanh Hà trở thành vùng kinh tế động lực của tỉnh Hải Dương.

Rà soát, cân đối quỹ đất cho phát triển công nghiệp - đô thị đảm bảo quỹ đất được sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và tránh lãng phí đất.

Đất phát triển sản xuất nông nghiệp trên cơ sở có sự kết nối chặt chẽ với quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng gia tăng giá trị và bền vững, đồng thời phải đảm bảo an ninh lương thực và tạo động lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn và quá trình xây dựng nông thôn mới.

1.3. Định hướng sử dụng đất đến năm 2030

1.3.1. Định hướng khu sản xuất nông nghiệp

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch với các sản phẩm chủ lực là quả vải thiều, gắn với du lịch sinh thái, trải nghiệm. Tập trung cải thiện năng suất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản kết hợp giữa kỹ thuật canh tác tiên tiến và đầu tư vào nông nghiệp chất lượng cao. Phát triển chăn nuôi để góp phần vào việc tăng GDP nông nghiệp; phát triển cây trồng có giá trị cao.

- Vùng trồng lúa: do đặc điểm hiện trạng huyện Thanh Hà có diện tích lúa phân bố rải rác, nằm xen kẽ với các vùng trồng cây ăn quả. Do vậy quy hoạch vùng trồng lúa tại 14 khu vực với tổng diện tích 800 ha tại các xã: Thanh Hải, Tân Việt, Tân An, Hồng Lạc, Việt Hồng, Thanh An, Thanh Xá, An Phượng và Thanh Hồng. Trong đó có 03 vùng lúa kết hợp khai thác rươi, cáy tại xã Thanh Xuân, Vĩnh Lập, Thanh Sơn và Thanh Quang với diện tích khoảng 140 ha.

- Vùng trồng cây ăn quả: Tổng diện tích đất trồng cây ăn quả khoảng 4.175 ha (ngoài ra có thêm khoảng 754 ha diện tích trồng cây ăn quả nằm trong đất vườn các hộ gia đình → Tổng diện tích trồng cây ăn quả khoảng 4.929ha). Quy hoạch thành 03 vùng chính, cụ thể như sau:

+ Vùng trồng vải thiều chính vụ quy hoạch tại các xã: Thanh Sơn, Thanh Thủy, Thanh Hải, thị trấn Thanh Hà, Thanh Khê và Tân An trên 13 khu vực, với tổng diện tích 1.624 ha.

+ Vùng trồng vải sớm quy hoạch tại các xã khu vực Hà Đông: Thanh Quang, Thanh Cường, Thanh Hồng, Vĩnh Lập trên 02 khu vực, với tổng diện tích 445,6 ha

+ Vùng trồng ổi, quýt, đu đủ, sắn dây,...các loại trái cây có giá trị kinh tế cao quy hoạch tại các xã: Liên Mạc, Thanh An, Thanh Lang, Thanh Xuân, Cẩm Chế và Tân Việt trên 15 khu vực, với tổng diện tích 2.081,6 ha

- Vùng sinh thái thủy sản tập trung tại các xã Hồng Lạc, Thanh Lang, Thanh Hải, An Phượng và Thanh Quang. Tổng diện tích vùng nuôi trồng thủy sản quy hoạch đến năm 2030 với diện tích 543,2ha (trong đó 378,3ha tận dụng mặt nước sông). Quy hoạch vùng nuôi cá lồng một cách hợp lý trên sông Thái Bình tại các xã Thanh Hải, An Phượng, Thanh Sơn; trên sông Rạng tại xã: Thanh Xuân, Thanh Quang.

- Vùng trồng cây hàng năm khác (rau màu): Quy hoạch diện tích trồng cây hàng năm tại khu vực bãi ngoài đê tại các xã: An Phượng, Thanh Quang, Thanh Xuân, Vĩnh Lập, Thanh Hồng, Thanh Cường, Thanh Lang, Việt Hồng và Hồng Lạc. Tổng diện tích quy hoạch cây hàng năm là: 329,5ha (11 khu vực).

1.3.2. Định hướng phát triển công nghiệp

Phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Tiếp tục thực hiện các biện pháp thu hút dự án phát triển sản xuất công nghiệp đầu tư vào huyện. Đầu tư công nghiệp công nghệ cao, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các doanh nghiệp, thuê đất đầu tư sản xuất trong khu công nghiệp.

1.3.3. Định hướng phát triển hệ thống đô thị

Đến năm 2030, hệ thống đô thị của huyện Thanh Hà phân bố hợp lý, trong đó thị trấn Thanh Hà là hạt nhân với mục tiêu: Là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hoá khoa học kỹ thuật của huyện, có sức mạnh ảnh hưởng đến các đô thị khác trong huyện và các vùng lân cận.

Giai đoạn đến năm 2030: Định hướng mở rộng không gian đô thị thị trấn Thanh Hà (đô thị loại V) bao gồm toàn bộ ranh giới thị trấn Thanh Hà và xã Thanh Khê, trên cơ sở nhập xã Thanh Khê với thị trấn Thanh Hà (việc sáp nhập, thành lập thị trấn Thanh Hà được thực hiện theo phương án, lộ trình sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

Định hướng quy hoạch, phân loại đô thị theo tiêu chí đô thị loại V cho 01 đơn vị hành chính cấp xã gồm: Tân An - Thanh Hải; Điều chỉnh không định hướng quy hoạch 03 đơn vị hành chính theo tiêu chí đô thị loại V so với quy hoạch đã phê duyệt, gồm: Hồng Lạc, Cẩm Chế, Tân Việt. Tổng số đô thị toàn huyện Thanh Hà đến năm 2030 là 02 đô thị.

Việc xác định số lượng đô thị mới, thị trấn, quy mô ranh giới quy hoạch, phương án quy hoạch của các thị trấn, đô thị mới có thể điều chỉnh khi phương án Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng phê duyệt nếu có sự điều chỉnh về quy mô ranh giới, tính chất của đô thị đó, đảm bảo sự phù hợp giữa các quy hoạch có liên quan).

Tầm nhìn 2031- 2050: Sẽ được xác định theo định hướng phát triển hệ thống đô thị của huyện Thanh Hà phù hợp với điều kiện phát triển, định hướng quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn trong quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.3.4. Định hướng khu thương mại - dịch vụ

- Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến - thương mại; đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá tiềm năng, lợi thế phát triển du lịch, dịch vụ của huyện. Khai thác có hiệu quả các dự án trên địa bàn, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch; phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư triển khai dự án du lịch sinh thái sông Hương gắn với phát triển các điểm, các loại hình du lịch khác trên địa bàn huyện. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chống hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng.

- Phát triển các loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng, xuất nhập khẩu,... phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phát triển thương mại rộng khắp theo hướng mở rộng quan hệ, gắn với thị trường trong và ngoài nước. Phát triển xuất

khẩu, chú trọng đầu tư gia tăng sản phẩm chế biến, chế tạo, sản phẩm có công nghệ và hàm lượng chất xám cao.

- Phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch theo hướng đa dạng các loại hình.
- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của các ngành du lịch, dịch vụ và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển ngành dịch vụ.
- Phát triển gắn liền với đảm bảo hiệu quả xã hội, tạo việc làm cho người lao động, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự xã hội.

1.3.5. Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn

Việc bố trí đất ở nông thôn trong các năm tới cũng phải qui hoạch theo khu mang dáng dấp đô thị vừa tiết kiệm đất vừa có kế hoạch qui hoạch theo qui định của tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Định hướng đến năm 2030 đất ở nông thôn có khoảng trên 500 ha.

Đến năm 2030, khu dân cư nông thôn của huyện sẽ phát triển theo các hướng sau:

- Các khu dân cư nông thôn trong vùng đô thị hóa của huyện được phát triển theo từng bước phát triển các ngành nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, văn hóa, giáo dục, hiện đại hóa hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.
- Các điểm dân cư ven trục giao thông, tập trung phát triển theo tiêu chuẩn đô thị.
- Hình thành các khu dân cư trung tâm vùng (dạng thị tứ). Các trung tâm này có chức năng là trung tâm phục vụ sản xuất và dịch vụ xã hội.
- Bố trí quỹ đất hợp lý phát triển các làng nghề theo hướng thân thiện với môi trường, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống gắn với du lịch. Bố trí quỹ đất cho xây dựng các cụm công nghiệp gắn với phát triển các sản phẩm làng nghề để phát triển nghề đồng thời khắc phục tình trạng thiếu mặt bằng sản xuất và ô nhiễm tại các làng nghề.

Bố trí đất ở, khu sản xuất kinh doanh phải phù hợp với quy hoạch các ngành để đảm bảo đồng bộ về hạ tầng và tạo cảnh quan khu vực nông thôn.

1.4. Tầm nhìn đến năm 2050

Trên cơ sở điều kiện tự nhiên, hiện trạng, tổ chức tổng thể không gian vùng huyện theo mô hình 01 đô thị trung tâm và chuỗi các đô thị vệ tinh cùng với hệ thống các trục vành đai phát triển. Trong đó lấy thị trấn Thanh Hà làm hạt nhân

phát triển không gian phía Bắc xuống phía Nam huyện; các đô thị vệ tinh phát triển lan tỏa ra xung quanh thông qua các trục đường chính (TL390, TL390B).

* **Định hướng Phát triển phân theo vùng chức năng:** Gồm 04 không gian phát triển lớn với các chức năng chính như sau:

+ Vùng trung tâm huyện (vùng 1): Khu vực thị trấn Thanh Hà mở rộng gồm thị trấn Thanh Hà và xã Thanh Khê. Là trung tâm chính trị, hành chính, văn hóa - thể thao, dịch vụ thương mại, hệ thống công trình công cộng đô thị;

+ Vùng phát triển dân cư mới, đô thị mới phát triển dọc trục Tỉnh lộ 390, Tỉnh lộ 390B (vùng 2): Gồm một phần xã Hồng Lạc, Cẩm Chế, Tân An, Tân Việt và Thanh Hải. Phát triển dịch vụ, thương mại và đô thị mới.

+ Vùng du lịch sinh thái kết hợp với bảo tồn và nông nghiệp hữu cơ (vùng 3): tại xã Thanh Xuân, một phần xã Liên Mạc và Thanh Xá. Phát triển du lịch sinh thái, bảo tồn nông nghiệp và nông nghiệp hữu cơ.

+ Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung dịch vụ thương mại và công nghiệp công nghệ cao (vùng 4): tại xã Thanh Lang, Thanh An, Việt Hồng, Thanh Sơn, Thanh Thủy, An Phượng, Thanh Quang, Thanh Hồng, Thanh Cường, Vĩnh Lập và một phần xã Tân Việt, Thanh Hải.

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

2.1.1 Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế;

2.1.1.1. Mục tiêu phát triển

Khai thác và sử dụng tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo hướng hiệu quả và bền vững, từng bước tăng cường và củng cố nội lực tiến tới gia tăng tốc độ đảm bảo phát triển kinh tế cao hơn mức bình quân chung của tỉnh. Thu hẹp dần khoảng cách về thu nhập bình quân đầu người của tỉnh, góp phần thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, tranh thủ nguồn vốn trong và ngoài huyện vào phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Xây dựng huyện trở thành một trong những huyện giàu về kinh tế, mạnh về an ninh - quốc phòng, tiến bộ về văn hoá, xanh, sạch, đẹp về cảnh quan và môi trường.

2.1.1.2. Các chỉ tiêu phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

* Về phát triển kinh tế:

- Giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản tăng bình quân 4%/năm.
- Giá trị sản xuất công nghiệp-xây dựng tăng bình quân 12,6% - 12,8%/năm.
- Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng bình quân 14,3% - 15,5%/năm.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 85 triệu đồng, đến năm 2030 đạt 140 triệu đồng.
- Phần đầu thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 10%/năm.
- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đến năm 2025 đạt 210 triệu đồng/ha, năm 2030 đạt 270 triệu đồng/ha.
- Triển khai xây dựng 1 khu công nghiệp; 2 - 3 cụm công nghiệp.

*** Về các vấn đề xã hội:**

- Đến năm 2025: Có từ 6 - 8 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; từ 2 - 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Đến năm 2030: Có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; trong đó có 50% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có từ 2 - 3 xã trở thành thị trấn; huyện Thanh Hà cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV.
- Tỷ lệ kiên cố hóa đường giao thông nông thôn, đường nội đồng, đường ra đồng đến năm 2025 đạt 92%, năm 2030 đạt 100%.
- Phần đầu giảm 4/5 số hộ nghèo trong 5 năm theo tiêu chuẩn mới.
- Đến năm 2025, cơ cấu lao động (nông nghiệp - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ) đạt: 28,7% - 44,8% - 26,5%. Đến năm 2030, cơ cấu lao động đạt (tương ứng): 24,1% - 46,3% - 29,6%.
- Giải quyết việc làm mới hàng năm 1.500 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ đến năm 2025 đạt 35%; năm 2030 đạt 43%.
- Số giường bệnh đạt 26,4 giường/vạn dân.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm 1%; tỷ số giới tính khi sinh duy trì dưới 110 bé trai/100 bé gái.
- Hằng năm duy trì tỷ lệ làng, khu dân cư văn hóa, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa đạt trên 95%.
- Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt 100%.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đến năm 2025 đạt 92%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia BHXH đến năm 2025 đạt 40%, đến năm 2030 đạt 50%.
- Đến năm 2025, tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom xử lý trên 90%; đến năm 2030, đạt 100%.

- Hằng năm, có trên 80% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có trên 90% tổ chức cơ sở của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đạt vững mạnh, xuất sắc.

- Trong giai đoạn 2021-2030: Định hướng mở rộng không gian đô thị thị trấn Thanh Hà (đô thị loại V) bao gồm toàn bộ ranh giới thị trấn Thanh Hà và xã Thanh Khê, trên cơ sở nhập xã Thanh Khê với thị trấn Thanh Hà (việc sáp nhập, thành lập thị trấn Thanh Hà được thực hiện theo phương án, lộ trình sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

- Dân số toàn huyện dự báo đến năm 2030 là: 170.000 người, trong đó: Dân số trong vùng đô thị dự kiến: 80.000 người, chiếm tỷ lệ 47,62%; Dân số trong vùng nông thôn khoảng: 90.000 người; Tỷ lệ đô thị hóa (tính trên dân số): 47,62%;

- Dân số toàn huyện dự báo (tăng tự nhiên và tăng cơ học) đến năm 2050 là: 200.300 người

2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế

2.1.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp

Tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo quy mô trang trại. Phát triển các vùng sản xuất tập trung theo hướng an toàn (Vải sớm khu Hà Đông; vải chính vụ khu Hà Nam; ổi Khu Hà Bắc, Thanh Xuân, An Phượng; quýt trái vụ An Phượng, Thanh Sơn, Cẩm Chế; Bưởi Thanh Hồng; rau màu Hồng Lạc, Thanh Hải; chuyên canh lúa xã Thanh Hải và Khu Hà Bắc; Rươi - Cây Vĩnh Lập, Thanh Xuân,...).

- Vùng trồng lúa: Ngoài diện tích giữ nguyên như Quy hoạch đã được phê duyệt đối với vùng trồng lúa, điều chỉnh Quy hoạch bổ sung 150 ha vùng trồng lúa tại các xã Hồng Lạc, Thanh Hải, Tân An, thị trấn Thanh Hà. Tổng diện tích đất lúa sau điều chỉnh là khoảng 1.208 ha.

- Vùng trồng cây ăn quả: Ngoài diện tích đất trồng cây ăn quả giữ nguyên như quy hoạch đã duyệt là 4.539,7 ha, điều chỉnh quy hoạch bổ sung 523 ha đất trồng cây ăn quả tại các xã: Cẩm Chế, Thanh Hải, Thanh Quang, Thanh Cường, Vĩnh Lập, Thanh Lang và Thanh Xá.

Sau khi điều chỉnh tổng diện tích trồng cây ăn quả khoảng 5.076 ha (bao gồm cả diện tích vườn trong các hộ gia đình); trong đó diện tích trồng Vải: 3.000ha; vùng gò: 1.900ha; chuối: 200ha; bưởi: 100ha; quýt: 200ha...).

- Vùng chuyên canh rau màu: Giữ nguyên như Quy hoạch đã được phê duyệt Quy hoạch tại khu vực bãi ngoài đê tại các xã: An Phượng, Thanh Quang, Thanh Xuân, Vĩnh Lập, Thanh Hồng, Thanh Cường, Thanh Lang, Việt Hồng và Hồng Lạc. Tổng diện tích quy hoạch vùng chuyên rau 242ha.

- Vùng nuôi trồng thủy sản: Giữ nguyên như quy hoạch đã duyệt, tập trung tại các xã Hồng Lạc, Thanh Lang, Thanh Hải, An Phượng và Thanh Quang. Tổng diện tích vùng nuôi trồng thủy sản quy hoạch đến năm 2030 là 167 ha. Tiếp tục quy hoạch nuôi cá lồng trên mặt nước sông một cách hợp lý.

- Vùng chăn nuôi tập trung: Điều chỉnh vùng chăn nuôi tập trung với tổng
2.1.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Duy trì, mở rộng quy mô sản xuất công nghiệp. Khuyến khích, kêu gọi các nhà đầu tư, doanh nghiệp, công ty đầu tư vào địa bàn huyện, đặc biệt đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp chế biến sau thu hoạch nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, thu nhập, tạo việc làm cho người dân. Lập quy hoạch và kêu gọi đầu tư hạ tầng 01 khu công nghiệp tại khu vực xã Thanh Cường và Thanh Hồng, diện tích sau khi điều chỉnh khoảng 150 ha (theo Công văn số 157/TTg-CN ngày 04/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ V/v Đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương).

Định hướng giai đoạn sau năm 2030 quy hoạch đất công nghiệp tập trung tại khu vực xã Hồng Lạc (diện tích khoảng 210ha) và khu vực xã Thanh Hải (diện tích khoảng 75ha).

Duy trì một số quỹ đất công nghiệp nhỏ lẻ (đã được chấp thuận đầu tư, có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt).

Tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng, nhất là tại khu vực đô thị. Quy hoạch và thực hiện việc xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại các khu đô thị để từng bước hoàn thành mục tiêu xây dựng từ 2 đến 3 thị trấn và xây dựng huyện Thanh Hà cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2030. Tiếp tục xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông để kết nối với các xã, các tuyến đường ven đê sông Thái Bình, sông Rạng với cầu Hợp Thanh, cầu chữ Y - Thành phố Hải Dương, cầu Quang Thanh,...

2.1.2.3. Khu đô thị - dịch vụ - thương mại

- Toàn đô thị Thanh Hà phát triển theo mô hình đô thị tổng hợp tập trung, lấy trung tâm toàn đô thị là thị trấn Thanh Hà, từ đó phát triển và mở rộng ra các xã vùng ven theo các tuyến giao thông thành các đô thị vệ tinh của thị trấn Thanh Hà; Hệ thống đô thị này liên kết với nhau bằng các khu chức năng của đô thị như: Công nghiệp, dịch vụ, dân cư đô thị mới, khu du lịch văn hóa làng nghề...; các khu này liên hệ với nhau bằng hệ thống giao thông, cơ sở hạ tầng đồng bộ tạo sự ổn định và phát triển bền vững cho toàn đô thị.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng các dịch vụ thương mại, vận tải, thông tin liên lạc, ngân hàng. Chú trọng phát triển dịch vụ du lịch, gắn với các di tích lịch sử văn hoá và phát triển các khu vui chơi giải trí tại trung tâm huyện lỵ, trung tâm các xã. Phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ của huyện trong việc xây dựng chợ đầu mối đồng bằng Sông Hồng. Quy hoạch phát triển chợ trung tâm huyện, củng cố, quy hoạch lại chợ ở các xã hiện có, hình thành mới một số chợ tại trung tâm xã, tạo thành mạng lưới buôn bán, kinh doanh rộng khắp, chú trọng gắn phát triển các loại hình dịch vụ với phát triển các khu, cụm công nghiệp.

- Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động bưu chính viễn thông, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân, phát huy hiệu quả của các điểm bưu điện văn hoá xã.

2.1.2.4. Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn

Đảm bảo quỹ đất ở khu vực nông thôn, bao gồm cả quy hoạch Khu dân cư tập trung và chuyển đổi các khu đất xen kẽ trong khu dân cư thành đất ở. Quy hoạch các Khu dân cư đảm bảo hạ tầng đồng bộ. Quy hoạch các điểm sản xuất kinh doanh khu vực nông thôn để khuyến khích các hộ tham gia đầu tư sản xuất kinh doanh.

Bố trí quỹ đất hợp lý phát triển các làng nghề theo hướng thân thiện với môi trường. Bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống gắn với du lịch. Bố trí quỹ đất cho xây dựng các cụm công nghiệp gắn với phát triển các sản phẩm làng nghề để phát triển nghề đồng thời khắc phục tình trạng thiếu mặt bằng sản xuất và ô nhiễm tại các làng nghề.

Bố trí đất ở, khu sản xuất kinh doanh phải phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới để đảm bảo đồng bộ về hạ tầng và tạo cảnh quan khu vực nông thôn.

2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng.

2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Căn cứ phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, mục tiêu đảm bảo quốc phòng, an ninh đến năm 2030; hiện trạng sử dụng đất, tiềm năng đất đai, kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch; quy hoạch, chiến lược phát triển của các ngành, lĩnh vực; nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương có tính cấp thiết và có tính khả thi cần phát triển kinh tế xã hội.

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về phê duyệt điều chỉnh một số nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên một số loại đất tại Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh; Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 13/7/2024 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu phân bổ một số loại đất cấp tỉnh để điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 và phân kỳ thực hiện giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định 109/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh; Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 10/7/2024 của UBND tỉnh về Phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu phân bổ của một số loại đất, danh mục một số dự án, công trình trên địa bàn huyện Gia Lộc, huyện Thanh Hà, thị xã Kinh Môn và thành phố Hải Dương tại Quyết định 1427/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh. Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thanh Hà được phân bổ như sau:

Bảng 6: Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thanh Hà

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020	Diện tích phân bổ (theo QĐ 1427 ngày 13/6/2024 của UBND tỉnh)	Diện tích cấp huyện xác định, xác định bổ sung	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030	
						Diện tích	Tăng, giảm so với hiện trạng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(7-4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	8.216,70	6.943	0	6.943,06	-1.273,64
	<i>Trong đó:</i>			<i>0</i>			<i>-</i>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.732,68	1.208	0	1.208,14	-524,54
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.732,49</i>	<i>1.208</i>	<i>0</i>	<i>1.207,95</i>	<i>-524,54</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	276,00	237	242,10	242,10	-33,90
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6.060,31	5.074	5.080,97	5.080,97	-979,34
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	141,32	148	167,03	167,03	25,71

1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	6,38	246	244,81	244,81	238,43
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.855,12	7.129	0	7.128,76	1.273,64
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2,64	11	0	10,60	7,96
2.2	Đất an ninh	CAN	0,41	41	0	40,78	40,37
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	150	0	150,00	150,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	20,51	142	137,21	137,21	116,70
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	46,34	120	117,22	117,22	70,88
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		13	12,98	12,98	12,98
2.8	Đất sản xuất vật liệu XD, làm đồ gốm	SKX	2,93	3	2,93	2,93	0,00
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1.880,04	2.401	0	2.401,50	521,46
	Trong đó:			0		0,00	-
-	Đất giao thông	DGT	888,23	1.335	0	1.335,18	446,95
-	Đất thủy lợi	DTL	720,57	743	724,78	724,78	4,21
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	11,42	36	0	35,90	24,48
-	Đất cơ sở y tế	DYT	6,32	8	0	7,66	1,34
-	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	51,88	83	0	83,14	31,26
-	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT	28,44	46	0	46,43	17,99
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,94	18	-	17,51	16,57
-	Đất ct bưu chính viễn thông	DBV	1,04	1	-	1,04	-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	47,85	71	70,54	70,54	22,69
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	20,49	27	26,56	26,56	6,07
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	97,40	119	113,88	113,88	16,48
-	Đất chợ	DCH	5,46	31	31,37	31,37	25,91
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	6,32	26	26,32	26,32	20,00
2.11	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		85	51,78	51,78	51,78
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.507,65	2.678	0	2.677,56	169,91
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	109,06	128	0	127,80	18,74
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,32	16	15,42	15,42	3,10
2.15	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,48	3	3,48	3,48	-
2.16	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	11,13	11	11,32	11,32	0
2.17	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.236,23	1.235	1.233,77	1.233,77	-2,46
2.18	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	14,70	12	14,24	14,24	-0,46
2.19	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,36	1	1,36	1,36	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-	-	-

(Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ chi tiết đến từng đơn vị cấp xã tại biểu 03/CH)

2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

2.2.2.1 Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp

Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030, đất nông nghiệp huyện Thanh Hà giảm 1.273,64 ha do chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp. Đến năm 2030, huyện còn 6.943,06 ha đất nông nghiệp, giảm 1.273,64 ha so với hiện trạng năm 2020. Trong đó:

- Nhu cầu sử dụng đất trồng lúa: Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 đất trồng lúa trên địa bàn huyện sẽ giảm 524,54 ha do chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp và chu chuyển nội bộ đất nông nghiệp. Đến năm 2030, huyện còn 1.208,14 ha đất lúa, giảm 524,54 ha so với hiện trạng năm 2020.

- Nhu cầu sử dụng đất trồng cây hàng năm khác: Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, đất trồng cây hàng năm khác giảm 33,90 ha do chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp. Đến năm 2030, huyện còn 242,10 ha đất trồng cây hàng năm khác, giảm 33,90 ha so với hiện trạng năm 2020.

- Nhu cầu sử dụng đất cây lâu năm: Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, đất trồng cây lâu năm giảm 979,34 ha do chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp và chu chuyển nội bộ đất nông nghiệp. Đến năm 2030, sau khi chuyển sang các mục đích khác quỹ đất trồng cây lâu năm còn 5.086,97 ha.

- Nhu cầu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản: Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, diện tích đất nuôi trồng thủy sản tăng 25,71 ha. Đến năm 2030, quỹ đất nuôi trồng thủy sản là 167,03 ha.

- Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp khác: Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, diện tích đất nông nghiệp khác tăng 238,43 ha do chuyển nội bộ đất nông nghiệp. Đến năm 2030 có 244,81 ha đất nông nghiệp khác.

2.2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp

Trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, nhu cầu đất phi nông nghiệp cần thêm 1.273,64 ha. Đến năm 2030, huyện có 7.128,76 ha đất phi nông nghiệp, tăng 1.273,54 ha so với hiện trạng năm 2020.

Trong đó:

- Đất quốc phòng: Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng trong giai đoạn 2021-2030 diện tích cần tăng thêm là 7,96 ha, do quy hoạch một số công trình quốc phòng trên địa bàn huyện.

- Đất an ninh: Nhu cầu sử dụng đất an ninh trong giai đoạn 2021-2030 diện tích cần tăng thêm là 40,37 ha, do quy hoạch trụ sở công an huyện Thanh Hà, Trại tạm giam Công an tỉnh, Phân trại giam Công an tỉnh, Xây dựng trụ sở công an của các xã, thị trấn và Đội PCCC&CNCH - Công an huyện Thanh Hà, Đội PCCC&CNCH khu vực Thanh Hà thuộc phòng CSPCCC&CNCH.

- Đất khu công nghiệp: Căn cứ quy hoạch phát triển khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, quy hoạch đến năm 2030 diện tích là 150 ha để quy hoạch 01 khu công nghiệp Thanh Hà.

- Đất thương mại - Dịch vụ: Nhu cầu đến năm 2030 tăng là 116,70 ha, trong đó: Trung tâm dịch vụ thương mại logistics (nam đường cao tốc) 20 ha; quỹ đất huyện xác định là 81,66 ha; còn lại là diện tích thương mại, dịch vụ trong các khu dân cư quy hoạch.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Nhu cầu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trong giai đoạn 2021-2030 diện tích cần tăng thêm khoảng 70,88 ha, trong đó có khoảng 32 ha diện tích các công trình, dự án có trong kế hoạch sử dụng đất 2021-2024 cập nhật vào điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Nhu cầu sử dụng đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản trong giai đoạn 2021-2030 diện tích cần tăng thêm là 12,98 ha (do điều chuyển từ đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm sang).

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Nhu cầu sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm trong giai đoạn 2021-2030 diện tích cần không tăng thêm, giữ nguyên diện tích hiện trạng là 2,93 ha.

- Nhu cầu sử dụng đất phát triển hạ tầng:

+ Đất giao thông: Nhu cầu sử dụng đất giao thông trong giai đoạn 2021-2030 diện tích cần tăng thêm là khoảng 446,95 ha, bao gồm: Nâng cấp đường tỉnh 390B (Km0+909 - Km6+200, qua xã Hồng Lạc, Việt Hồng) và Xây dựng mới tuyến tránh trung tâm Thị trấn Thanh Hà; Dự án đầu tư xây dựng đường 396 kéo dài (đoạn nối đường tỉnh 391 đến đường tỉnh 390); Đường tỉnh 392 kéo dài; Dự án cải tạo, nâng cấp đường 390 (đoạn từ cầu Hợp Thanh đi đến cầu Quang Thanh)...;

quy hoạch, nâng cấp mở rộng đường tỉnh lộ, huyện lộ và nâng cấp mở rộng giao thông nông thôn và hạ tầng (đất giao thông) trong các vị trí dân cư quy hoạch.

+ Đất thủy lợi: Nhu cầu sử dụng đất thủy lợi trong giai đoạn 2021-2030 diện tích cần tăng thêm khoảng 43 ha, bao gồm: Xây dựng, mở rộng, cải tạo trạm bơm, cống và các hạng mục tu bổ trên tuyến đê và hạ tầng (đất thủy lợi) trong các vị trí dân cư quy hoạch; đồng thời đẩy thủy lợi giảm do chuyển sang các mục đích khác.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Nhu cầu sử dụng đất cơ sở văn hóa trong giai đoạn 2021-2030 diện tích cần tăng thêm là 24,48 ha, bao gồm trung tâm văn hóa xã, nhà văn hóa thôn, khu dân cư tại các xã, thị trấn và hạ tầng cơ sở văn hóa (cây xanh) trong các khu dân cư mới.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Nhu cầu sử dụng đất cần tăng thêm là 1,34ha. Như vậy, nhu cầu đất cơ sở y tế tăng không nhiều, cơ bản đảm bảo chuẩn của ngành, vì vậy trong những năm tới chỉ cần đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho việc khám chữa bệnh cho nhân dân.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Nhu cầu sử dụng đến năm 2030 diện tích cần tăng thêm là 31,26 ha, do quy hoạch, mở rộng trường học các cấp 16,74 ha và còn lại là hạ tầng (cơ sở giáo dục và đào tạo) trong các khu dân cư mới.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Nhu cầu sử dụng đến năm 2030 diện tích cần tăng thêm là 17,99 ha, bao gồm: Xây dựng khu TT văn hóa, thể thao của xã, huyện.

+ Đất công trình năng lượng: Nhu cầu sử dụng đến năm 2030 diện tích cần tăng thêm là 16,57 ha.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 diện tích cần tăng thêm là 22,69 ha, trong đó: Mở rộng Nhà máy tái chế rác và Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp của tỉnh là 17,10 ha, còn lại quỹ đất giành cho quy hoạch, mở rộng đất bãi thải, xử lý chất thải của các xã, thị trấn.

+ Đất cơ sở tôn giáo: Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 diện tích cần tăng thêm là 6,07 ha (thực hiện Kết luận số 01-KL/BCĐ ngày 27/9/2019 của BCĐ công tác Tôn giáo tỉnh Hải Dương về kết quả kiểm tra công tác xây dựng, sửa chữa, trùng tu, tôn tạo cơ sở tôn giáo trên địa bàn tỉnh).

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa: Nhu cầu sử dụng đến năm 2030 diện tích cần tăng thêm là 16,48 ha.

+ Đất chợ: Nhu cầu sử dụng đến năm 2030 diện tích cần tăng thêm là 25,91 ha.
 - Đất danh lam thắng cảnh: Nhu cầu sử dụng đến năm 2030 diện tích cần tăng thêm là 20 ha (Du lịch sinh thái Sông Hương).

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Nhu cầu sử dụng đất đến 2030 diện tích cần tăng thêm là 51,78 ha (hạ tầng trong các khu dân cư mới cơ cấu khoảng 5-6% diện tích quy hoạch đất ở).

- Nhu cầu sử dụng đất ở tại nông thôn: Căn cứ dự báo dân số, lao động, tỷ lệ đô thị hóa và nhu cầu đất ở của người dân, trong giai đoạn 2021-2030 tổng diện tích quy hoạch khoảng trên 504 ha, trong đó: đất ở tại nông thôn khoảng 170 ha.

- Nhu cầu sử dụng đất ở tại đô thị: Trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 tổng diện tích quy hoạch khoảng 58 ha, trong đó đất ở tại đô thị khoảng 19 ha.

(Về cơ cấu, tỷ lệ % diện tích các loại đất trong khu dân cư nông thôn và khu dân cư đô quy hoạch thì được tính dựa theo Thông tư số 01/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ xây dựng Ban hành QCCN01: 2021).

- Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp: Trong giai đoạn 2021-2030 diện tích cần tăng thêm là 3,10 ha.

2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

2.2.3.1. Tổng hợp các chỉ tiêu sử dụng đất giữa các ngành, lĩnh vực

(Thể hiện chi tiết bảng 7)

2.2.3.2. Cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất giữa các ngành, lĩnh vực

Bảng 8: Cân đối các chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2030

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tổng số		Biến động tăng, giảm trong kỳ
				Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(7)	(6)	(7)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	14.071,82	100	14.071,82	100	
1	Đất nông nghiệp	8.216,70	58,39	6.943,06	49,34	-1.273,64
1.1	Đất trồng lúa	1.732,68	12,31	1.208,14	8,59	-524,54
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>1.732,49</i>	<i>12,31</i>	<i>1.207,95</i>	<i>8,58</i>	<i>-524,54</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	276,00	1,96	242,10	1,72	-33,90
1.3	Đất trồng cây lâu năm	6.060,31	43,07	5.080,97	36,11	-979,34
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	141,32	1,00	167,03	1,19	25,71
1.5	Đất nông nghiệp khác	6,38	0,05	244,81	1,74	238,43
2	Đất phi nông nghiệp	5.855,12	41,61	7.128,76	50,66	1.273,64
2.1	Đất quốc phòng	2,64	0,02	10,60	0,08	7,96
2.2	Đất an ninh	0,41	0,00	40,78	0,29	40,37

2.3	Đất khu công nghiệp	-	-	150	1,07	150,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	20,5	0,15	137,21	0,98	116,70
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	46,34	0,33	117,22	0,83	70,88
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	-	-	12,98	0,09	12,98
2.7	Đất sản xuất vật liệu XD, làm đồ gốm	2,93	0,02	2,93	0,02	0,00
2.8	Đất phát triển hạ tầng	1.880,04	13,36	2.401	17,07	521,46
-	Đất giao thông	888,23	6,31	1.335,18	9,49	446,95
-	Đất thủy lợi	720,57	5,12	724,78	5,15	4,21
-	Đất cơ sở văn hóa	11,42	0,08	35,90	0,26	24,48
-	Đất cơ sở y tế	6,32	0,04	7,66	0,05	1,34
-	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	51,88	0,37	83,14	0,59	31,26
-	Đất cơ sở thể dục thể thao	28,44	0,20	46,43	0,33	17,99
-	Đất công trình năng lượng	0,94	0,01	17,51	0,12	16,57
-	Đất ct bưu chính viễn thông	1,0	0,01	1,04	0,01	0,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	47,85	0,34	70,54	0,50	22,69
-	Đất cơ sở tôn giáo	20,49	0,15	26,56	0,19	6,07
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	97,40	0,69	113,88	0,81	16,48
-	Đất chợ	5,46	0,04	31,37	0,22	25,91
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	6,32	0,04	26,32	0,19	20,00
2.11	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	-	-	51,78	0,37	51,78
2.12	Đất ở tại nông thôn	2.507,65	17,82	2.678	19,03	169,91
2.13	Đất ở tại đô thị	109,06	0,78	128	0,91	18,74
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	12,32	0,09	15,42	0,11	3,10
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	3,48	0,02	3,48	0,02	0,00
2.16	Đất cơ sở tín ngưỡng	11,13	0,08	11,32	0,08	0,19
2.17	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.236,23	8,79	1.233,77	8,77	-2,46
2.18	Đất có mặt nước chuyên dùng	14,70	0,10	14,24	0,10	-0,46
2.19	Đất phi nông nghiệp khác	1,36	0,01	1,36	0,01	0,00
3	Đất chưa sử dụng	-	-	-	-	-

2.2.2.2.1. Đất nông nghiệp

Hiện trạng năm 2020, đất nông nghiệp có diện tích là 8.216,70 ha, chiếm 58,39% diện tích đất hành chính.

Diện tích đất nông nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 6.669,18 ha, chiếm 81,17% so với hiện trạng. Trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 đất nông nghiệp giảm 1.273,64 ha so với hiện trạng do chuyển sang đất phi nông nghiệp. Như vậy, đến năm 2030 tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện còn 6.943,06 ha, chiếm 49,34% diện tích đất hành chính.

Bảng 8: Chỉ tiêu đất nông nghiệp phân theo đơn vị hành chính cấp xã

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	301,64	214,16	-87,48
2	Xã Hồng Lạc	535,57	450,24	-85,33
3	Xã Việt Hồng	338,61	300,86	-37,74
4	Xã Tân Việt	476,17	419,32	-56,85
5	Xã Cẩm Chế	356,26	203,03	-153,23
6	Xã Thanh An	310,77	293,83	-16,94
7	Xã Thanh Lang	492,20	470,03	-22,17
8	Xã Liên Mạc	488,91	446,29	-42,62
9	Xã Thanh Xuân	440,65	421,43	-19,22
10	Xã Tân An	401,08	304,14	-96,94
11	Xã Thanh Hải	533,00	459,50	-73,50
12	Xã Thanh Khê	173,98	126,80	-47,19
13	Xã Thanh Xá	313,12	214,69	-98,43
14	Xã Thanh Thủy	344,04	297,02	-47,02
15	Xã An Phượng	654,75	588,68	-66,07
16	Xã Thanh Sơn	383,42	363,07	-20,35
17	Xã Thanh Quang	672,20	625,34	-46,86
18	Xã Thanh Cường	238,94	165,74	-73,20
19	Xã Thanh Hồng	425,08	284,69	-140,39
20	Xã Vĩnh Lập	336,33	294,22	-42,11
	Tổng	8216,70	6943,06	-1273,64

1. Đất trồng lúa:

Hiện trạng năm 2020, đất trồng lúa có diện tích là 1.732,68 ha, chiếm 12,31% diện tích đất hành chính.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 1.208,14 ha, chiếm 69,73% so với hiện trạng. Trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 đất trồng lúa giảm 524,54 ha so với hiện trạng năm 2020, giảm do chuyển sang các loại đất sau:

+ Đất nuôi trồng thủy sản	:	3,70 ha
+ Đất nông nghiệp khác	:	45,52 ha
+ Đất an ninh	:	0,25 ha
+ Đất khu công nghiệp	:	58,39 ha
+ Đất thương mại, dịch vụ	:	55,56 ha
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	:	58,45 ha
+ Đất giao thông	:	145,42 ha
+ Đất thủy lợi	:	11,31 ha
+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa	:	7,64 ha

+ Đất xây dựng cơ sở y tế	:	0,05 ha
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	:	14,08 ha
+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	:	2,01 ha
+ Đất công trình năng lượng	:	4,80 ha
+ Đất bãi thải, xử lý chất thải	:	20,50 ha
+ Đất cơ sở tôn giáo	:	1,00 ha
+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	:	10,01 ha
+ Đất chợ	:	7,91 ha
+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	:	16,88 ha
+ Đất ở tại nông thôn	:	48,57 ha
+ Đất ở tại đô thị	:	12,30 ha
+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	:	0,10 ha

Như vậy, đến năm 2030 tổng diện tích đất trồng lúa là 1.208,21 ha, chiếm 8,59% diện tích đất hành chính.

Bảng 9: Chỉ tiêu đất lúa phân theo đơn vị hành chính cấp xã

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	91,28	38,76	-52,52
2	Xã Hồng Lạc	274,82	227,15	-47,67
3	Xã Việt Hồng	108,92	81,93	-26,99
4	Xã Tân Việt	214,66	168,14	-46,52
5	Xã Cẩm Chế	52,42	11,12	-41,30
6	Xã Thanh An	80,68	70,72	-9,96
7	Xã Thanh Lang	19,53	8,91	-10,62
8	Xã Liên Mạc	3,04	0,06	-2,98
9	Xã Thanh Xuân	-	-	-
10	Xã Tân An	95,53	31,91	-63,62
11	Xã Thanh Hải	277,07	220,29	-56,78
12	Xã Thanh Khê	1,48	1,48	0,00
13	Xã Thanh Xá	40,89	39,43	-1,46
14	Xã Thanh Thủy	1,43	0,43	-1,00
15	Xã An Phượng	94,96	77,14	-17,82
16	Xã Thanh Sơn	-	-	-
17	Xã Thanh Quang	42,33	31,27	-11,06
18	Xã Thanh Cường	73,15	51,99	-21,16
19	Xã Thanh Hồng	106,09	41,65	-64,44
20	Xã Vĩnh Lập	154,39	105,75	-48,64
	Tổng	1732,68	1208,14	-524,54

2. Đất trồng cây hàng năm khác

Hiện trạng năm 2020, đất trồng cây hàng năm khác có diện tích là 276 ha, chiếm 1,96% diện tích đất hành chính.

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 242,10 ha, chiếm 87,72% so với hiện trạng, phần lớn là diện tích đất bãi ngoài đê. Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 diện tích đất trồng cây hàng năm khác giảm 33,90 ha so với hiện trạng năm 2020, do chuyển sang các loại đất:

+ Đất nuôi trồng thủy sản	4,00	ha
+ Đất nông nghiệp khác	0,60	ha
+ Đất thương mại, dịch vụ	: 0,35	ha
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	: 0,22	ha
+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	: 12,98	ha
+ Đất giao thông	: 3,64	ha
+ Đất thủy lợi	: 10,91	ha
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	: 0,20	ha
+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	: 0,12	ha
+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	: 0,30	ha
+ Đất chợ	: 0,20	ha
+ Đất ở tại nông thôn	: 0,08	ha
+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	: 0,30	ha

Như vậy, đến năm 2030 tổng diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 242,10 ha, chiếm 1,72% diện tích đất hành chính.

Bảng 10: Chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm khác phân theo đơn vị hành chính cấp xã:

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	4,96	4,33	-0,63
2	Xã Hồng Lạc	11,83	10,09	-1,74
3	Xã Việt Hồng	20,18	20,12	-0,06
4	Xã Tân Việt	0,56	0,56	0,00
5	Xã Cẩm Chế	0,10	0,10	0,00
6	Xã Thanh An	6,65	5,65	-1,00
7	Xã Thanh Lang	21,14	16,42	-4,72
8	Xã Liên Mạc	3,18	2,77	-0,41
9	Xã Thanh Xuân	3,57	2,27	-1,30
10	Xã Tân An	0,66	0,66	0,00

11	Xã Thanh Hải	18,32	17,02	-1,30
12	Xã Thanh Khê	2,73	2,73	0,00
13	Xã Thanh Xá	0,07	0,07	0,00
14	Xã Thanh Thủy	2,98	1,77	-1,21
15	Xã An Phượng	74,19	58,86	-15,33
16	Xã Thanh Sơn	0,00	0,00	0,00
17	Xã Thanh Quang	83,15	79,90	-3,25
18	Xã Thanh Cường	6,04	5,04	-1,00
19	Xã Thanh Hồng	13,41	12,56	-0,85
20	Xã Vĩnh Lập	2,30	1,20	-1,10
	Tổng	276,00	242,10	-33,90

3. Đất trồng cây lâu năm

Hiện trạng năm 2020, đất trồng cây lâu năm có diện tích là 6.060,31ha, chiếm 43,07% diện tích đất hành chính.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 5.080,97 ha, chiếm 83,77% diện tích đất hiện trạng. Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 đất trồng cây lâu năm giảm 979,34 ha so với hiện trạng năm 2020, do chuyển sang các loại đất:

+ Đất nuôi trồng thủy sản	27,55	ha
+ Đất nông nghiệp khác	192,21	ha
+ Đất quốc phòng	: 8,23	ha
+ Đất an ninh	: 37,59	ha
+ Đất khu công nghiệp	: 90,11	ha
+ Đất thương mại, dịch vụ	: 58,12	ha
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	: 9,88	ha
+ Đất giao thông	: 261,40	ha
+ Đất thủy lợi	: 17,52	ha
+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa	: 16,59	ha
+ Đất xây dựng cơ sở y tế	: 1,25	ha
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	: 18,13	ha
+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	: 15,92	ha
+ Đất công trình năng lượng	: 11,77	ha
+ Đất bãi thải, xử lý chất thải	: 2,09	ha
+ Đất cơ sở tôn giáo	: 5,07	ha
+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	: 6,71	ha
+ Đất chợ	: 15,71	ha
+ Đất danh lam thắng cảnh	: 18,66	ha
+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	: 33,41	ha
+ Đất ở tại nông thôn	: 119,56	ha

+ Đất ở tại đô thị	:	6,38 ha
+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	:	5,36 ha
+ Đất cơ sở tín ngưỡng	:	0,12 ha

Như vậy, đến năm 2030 tổng diện tích đất trồng cây lâu năm là 5.080,97ha, chiếm 36,11% diện tích đất hành chính.

Bảng 11: Chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm phân theo đơn vị hành chính:

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	Số sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	202,90	166,57	-36,33
2	Xã Hồng Lạc	234,32	195,86	-38,46
3	Xã Việt Hồng	199,71	182,59	-17,11
4	Xã Tân Việt	238,99	222,86	-16,13
5	Xã Cẩm Chế	301,28	189,43	-111,85
6	Xã Thanh An	204,91	193,31	-11,60
7	Xã Thanh Lang	448,91	423,91	-25,00
8	Xã Liên Mạc	476,70	431,08	-45,61
9	Xã Thanh Xuân	418,17	311,80	-106,37
10	Xã Tân An	297,80	248,44	-49,36
11	Xã Thanh Hải	230,61	215,85	-14,76
12	Xã Thanh Khê	168,48	121,29	-47,19
13	Xã Thanh Xá	268,54	171,62	-96,92
14	Xã Thanh Thủy	338,47	294,00	-44,46
15	Xã An Phượng	475,89	408,75	-67,14
16	Xã Thanh Sơn	381,94	345,59	-36,35
17	Xã Thanh Quang	542,38	483,09	-59,29
18	Xã Thanh Cường	154,63	100,17	-54,46
19	Xã Thanh Hồng	304,50	226,65	-77,85
20	Xã Vĩnh Lập	171,20	148,10	-23,10
	Tổng	6060,31	5080,97	-979,34

4. Đất nuôi trồng thủy sản

Hiện trạng năm 2020, đất nuôi trồng thủy sản có diện tích là 141,32 ha, chiếm 1% diện tích đất hành chính.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 131,78 ha, chiếm 93,25% so với hiện trạng. Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 diện tích đất nuôi trồng thủy sản biến động như sau:

- Biến động giảm do chuyển sang các loại đất:	:	9,54 ha
---	---	---------

+ Đất khu công nghiệp	:	1,50	ha
+ Đất thương mại, dịch vụ	:	0,13	ha
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	:	1,21	ha
+ Đất giao thông	:	4,64	ha
+ Đất thủy lợi	:	0,91	ha
+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa	:	0,09	ha
+ Đất xây dựng cơ sở y tế	:	0,05	ha
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	:	0,04	ha
+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	:	0,27	ha
+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	:	0,14	ha
+ Đất ở tại nông thôn	:	0,46	ha
- Biến động tăng do lấy từ các loại đất:	:	35,25	ha
+ Đất trồng lúa	:	3,70	ha
+ Đất trồng cây hàng năm khác	:	4,00	ha
+ Đất trồng cây lâu năm	:	27,55	ha

Như vậy, đến năm 2030 tổng diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 167,03 ha, chiếm 1,19% diện tích đất hành chính.

Bảng 12: Chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản phân theo đơn vị hành chính:

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	Số sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	1,68	1,68	0,00
2	Xã Hồng Lạc	14,61	15,15	0,54
3	Xã Việt Hồng	9,80	12,97	3,17
4	Xã Tân Việt	21,96	20,76	-1,20
5	Xã Cẩm Chế	2,45	2,37	-0,08
6	Xã Thanh An	17,13	20,25	3,12
7	Xã Thanh Lang	2,62	2,62	0,00
8	Xã Liên Mạc	5,99	5,85	-0,14
9	Xã Thanh Xuân	18,91	18,86	-0,05
10	Xã Tân An	7,09	7,02	-0,07
11	Xã Thanh Hải	6,84	6,18	-0,66
12	Xã Thanh Khê	1,09	1,09	0,00
13	Xã Thanh Xá	3,62	3,57	-0,05
14	Xã Thanh Thủy	1,16	0,81	-0,35
15	Xã An Phượng	5,90	7,34	1,44
16	Xã Thanh Sơn	1,47	1,47	0,00
17	Xã Thanh Quang	4,34	16,58	12,24
18	Xã Thanh Cường	5,12	8,54	3,42
19	Xã Thanh Hồng	1,08	3,83	2,75

20	Xã Vĩnh Lập	8,44	10,17	1,73
	Tổng	141,32	167,13	25,81

5. Đất nông nghiệp khác

Hiện trạng năm 2020, đất nông nghiệp khác có diện tích là 6,38 ha, chiếm 0,05% diện tích đất hành chính.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 6,38 ha, chiếm 100% diện tích so với hiện trạng. Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 diện tích đất nông nghiệp khác biến động tăng 238,43 ha do sử dụng từ các loại đất:

+ Đất trồng lúa	:	45,52 ha
+ Đất trồng cây hàng năm khác	:	0,60 ha
+ Đất trồng cây lâu năm	:	192,21 ha
+ Đất nuôi trồng thủy sản	:	0,10 ha

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất nông nghiệp khác là 244,81 ha, chiếm 1,74% diện tích đất hành chính.

Bảng 13: Chỉ tiêu đất nông nghiệp khác phân theo đơn vị hành chính cấp xã

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	Số sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	0,83	2,83	-2,00
2	Xã Hồng Lạc	-	2,00	-2,00
3	Xã Việt Hồng	-	3,25	-3,25
4	Xã Tân Việt	-	7,00	-7,00
5	Xã Thanh An	1,40	3,90	-2,50
6	Xã Thanh Lang	-	18,17	-18,17
7	Xã Liên Mạc	-	6,52	-6,52
8	Xã Thanh Xuân	-	88,50	-88,50
10	Xã Tân An	-	16,11	-16,11
11	Xã Thanh Hải	0,15	0,15	0,00
12	Xã Thanh Khê	0,20	0,20	-
15	Xã An Phượng	3,80	36,58	-32,78
16	Xã Thanh Sơn	-	16,00	-16,00
17	Xã Thanh Quang	-	14,50	-14,50
20	Xã Vĩnh Lập	-	29,00	-29,00
	Tổng	6,38	244,71	-238,33

2.2.2.2.2. Đất phi nông nghiệp

Hiện trạng năm 2020 đất phi nông nghiệp có 5.855,12 ha, chiếm 41,61% diện tích đất hành chính.

Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 đất phi nông nghiệp tăng 1.273,64 ha so với hiện trạng năm 2020 do sử dụng từ các loại đất:

+ Đất trồng lúa	:	475,32 ha
+ Đất trồng cây hàng năm khác	:	29,30 ha
+ Đất trồng cây lâu năm	:	759,58 ha
+ Đất nuôi trồng thủy sản	:	9,44 ha

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất phi nông nghiệp là 7.128,76 ha, chiếm 50,66% diện tích đất hành chính.

Bảng 14: Chi tiêu đất phi nông nghiệp phân theo đơn vị hành chính cấp xã

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	225,55	313,03	87,48
2	Xã Hồng Lạc	319,23	404,56	85,33
3	Xã Việt Hồng	240,53	278,27	37,74
4	Xã Tân Việt	244,32	301,17	56,85
5	Xã Cẩm Chế	268,63	421,86	153,23
6	Xã Thanh An	191,81	208,75	16,94
7	Xã Thanh Lang	325,65	347,82	22,17
8	Xã Liên Mạc	237,87	280,49	42,62
9	Xã Thanh Xuân	274,60	293,82	19,22
10	Xã Tân An	226,24	323,17	96,94
11	Xã Thanh Hải	381,15	454,64	73,50
12	Xã Thanh Khê	201,90	249,09	47,19
13	Xã Thanh Xá	177,77	276,20	98,43
14	Xã Thanh Thủy	191,42	238,44	47,02
15	Xã An Phượng	428,70	494,77	66,07
16	Xã Thanh Sơn	277,31	297,66	20,35
17	Xã Thanh Quang	606,02	652,89	46,86
18	Xã Thanh Cường	332,64	405,84	73,20
19	Xã Thanh Hồng	391,36	531,75	140,39
20	Xã Vĩnh Lập	312,43	354,54	42,11
	Tổng	5.855,12	7.128,76	1.273,64

1. Đất quốc phòng

Hiện trạng đất quốc phòng có 2,64 ha, chiếm 0,02% diện tích đất hành chính. Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 diện tích đất quốc phòng tăng 7,96 ha, được sử dụng từ đất trồng cây lâu năm. Đồng thời đất quốc phòng giảm 0,27 ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ (Ban chỉ huy quân sự huyện sau khi chuyển sang vị trí mới sẽ chuyển sang quy hoạch đất thương mại dịch vụ).

Như vậy, đến năm 2030 đất quốc phòng là 10,60 ha, chiếm 0,08% diện tích đất hành chính.

Bảng 15: Chỉ tiêu đất quốc phòng phân theo đơn vị hành chính:

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	Số sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	1,49	1,49	-
2	Xã Hồng Lạc	-	2,50	2,50
3	Xã Tân An	0,03	0,03	-
4	Xã Thanh Khê	0,27	0,00	-0,27
5	Xã An Phượng	0,77	4,47	3,70
6	Xã Thanh Quang	0,04	0,04	-
7	Xã Thanh Cường	0,02	0,02	-
8	Xã Vĩnh Lập	0,02	2,05	2,03
	Tổng	2,64	10,60	7,96

2. Đất an ninh

Hiện trạng năm 2020 đất an ninh có 0,41 ha, điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 diện tích đất an ninh tăng 40,37 ha được sử dụng từ các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa	:	0,32 ha
+ Đất trồng cây lâu năm	:	37,59 ha
+ Đất thủy lợi	:	0,02 ha
+ Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	:	1,97 ha
+ Đất chợ	:	0,11 ha
+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	:	0,36 ha

Như vậy, đến năm 2030 đất an ninh là 40,78 ha, chiếm 0,29% diện tích đất hành chính.

Bảng 16: Chỉ tiêu đất an ninh phân theo đơn vị hành chính cấp xã:

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	0,26	0,63	0,37
2	Xã Hồng Lạc	0,04	0,15	0,11
3	Xã Tân Việt	-	0,22	0,22
4	Xã Cẩm Chê	-	4,66	4,66
5	Xã Thanh Lang	-	0,10	0,10
6	Xã Liên Mạc	-	0,10	0,10
7	Xã Thanh Hải	-	0,15	0,15
8	Xã Thanh Thủy	-	0,20	0,20
9	Xã An Phượng	-	30,52	30,52
10	Xã Thanh Sơn	-	0,10	0,10
11	Xã Thanh Quang	0,11	1,75	1,64
12	Xã Thanh Cường	-	2,00	2,00
13	Xã Thanh Hồng	-	0,10	0,10
14	Xã Vĩnh Lập	-	0,10	0,10
	Tổng	0,41	40,78	40,37

3. Đất khu công nghiệp

Đến năm 2030 trên địa bàn Thanh Hà quy hoạch 01 khu công nghiệp Thanh Hà với diện tích 150 ha được sử dụng từ các loại đất:

+ Đất trồng lúa	:	58,39 ha
+ Đất trồng cây lâu năm	:	90,11 ha
+ Đất nuôi trồng thủy sản	:	1,50 ha

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất khu công nghiệp là 150 ha, chiếm 1,07% diện tích đất hành chính.

4. Đất thương mại, dịch vụ

Hiện trạng năm 2020, đất thương mại, dịch vụ có diện tích là 20,51 ha, chiếm 0,15% diện tích đất hành chính.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 19,92 ha, chiếm 94,14% diện tích so với hiện trạng, trong giai đoạn 2021-2030 diện tích đất thương mại, dịch vụ biến động như sau:

- Biến động tăng do lấy từ các loại đất:	:	117,28 ha
+ Đất trồng lúa	:	55,56 ha
+ Đất trồng cây hàng năm khác	:	0,35 ha
+ Đất trồng cây lâu năm	:	58,12 ha
+ Đất nuôi trồng thủy sản	:	0,13 ha
+ Đất quốc phòng	:	0,27 ha
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	:	0,39 ha

+ Đất giao thông	:	0,68 ha
+ Đất thủy lợi	:	0,23 ha
+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	:	0,01 ha
+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	:	0,53 ha
+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	:	1,01 ha
- Biến động giảm do chuyển sang các loại đất:	:	0,59 ha
+ Đất ở tại đô thị	:	0,13 ha
+ Đất giao thông	:	0,36 ha
+ Đất thủy lợi	:	0,03 ha
+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa	:	0,03 ha
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	:	0,01 ha
+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	:	0,03 ha

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất thương mại, dịch vụ là 137,21 ha, chiếm 0,98% diện tích đất hành chính, thực tăng 116,70 ha so với hiện trạng năm 2020.

Bảng 17: Chi tiêu đất thương mại, dịch vụ phân theo đơn vị hành chính cấp xã.

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	2,00	4,05	2,05
2	Xã Hồng Lạc	4,68	10,01	5,33
3	Xã Việt Hồng	2,77	3,19	0,42
4	Xã Tân Việt	0,26	7,50	7,24
5	Xã Cẩm Chế	0,56	5,75	5,19
6	Xã Thanh An	0,49	0,53	0,04
7	Xã Thanh Lang	0,53	2,67	2,14
8	Xã Liên Mạc	0,15	1,52	1,37
9	Xã Thanh Xuân	0,59	0,72	0,12
10	Xã Tân An	0,04	18,06	18,02
11	Xã Thanh Hải	1,48	10,39	8,91
12	Xã Thanh Khê	0,33	1,88	1,55
13	Xã Thanh Xá	0,01	20,26	20,25
14	Xã Thanh Thủy	2,46	6,00	3,54
15	Xã An Phượng	0,19	0,62	0,43
16	Xã Thanh Sơn	0,81	0,98	0,17
17	Xã Thanh Quang	1,18	6,57	5,39
18	Xã Thanh Cường	0,01	19,77	19,76
19	Xã Thanh Hồng	0,72	0,83	0,12
20	Xã Vĩnh Lập	1,25	15,93	14,68
	Tổng	20,51	137,21	116,70

6. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Hiện trạng năm 2020, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có diện tích là 46,34 ha, chiếm 0,33% diện tích đất hành chính.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 45,74ha, chiếm 98,71% so với hiện trạng, trong giai đoạn 2021-2030 đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp biến động như sau:

- Biến động tăng do lấy từ các loại đất:	:	71,48	ha
+ Đất trồng lúa	:	58,45	ha
+ Đất trồng cây hàng năm khác	:	0,22	ha
+ Đất trồng cây lâu năm	:	9,88	ha
+ Đất nuôi trồng thủy sản	:	1,21	ha
+ Đất giao thông	:	1,10	ha
+ Đất thủy lợi	:	0,62	ha
- Biến động giảm do chuyển sang các loại đất:	:	0,60	ha
+ Đất thương mại, dịch vụ	:	0,39	ha
+ Đất giao thông	:	0,14	ha
+ Đất danh lam thắng cảnh	:	0,07	ha

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 117,22 ha, chiếm 0,83% diện tích đất hành chính, thực tăng 70,88 ha so với hiện trạng năm 2020.

Bảng 18: Chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp phân theo đơn vị hành chính cấp xã.

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	0,04	0,04	0,00
2	Xã Hồng Lạc	2,35	18,22	15,87
3	Xã Việt Hồng	1,66	4,69	3,03
4	Xã Tân Việt	0,30	8,60	8,30
5	Xã Cẩm Chế	1,09	15,76	14,67
6	Xã Thanh An	3,51	3,67	0,16
7	Xã Thanh Lang	0,52	0,52	0,00
8	Xã Liên Mạc	0,00	2,37	2,37
9	Xã Thanh Xuân	0,00	0,00	0,00
10	Xã Tân An	3,00	11,00	8,00
11	Xã Thanh Hải	13,84	24,65	10,81
12	Xã Thanh Khê	0,00	0,00	0,00

13	Xã Thanh Xá	1,52	1,52	0,00
14	Xã Thanh Thủy	0,20	1,46	1,26
15	Xã An Phượng	14,10	14,10	0,00
16	Xã Thanh Sơn	0,09	0,09	0,00
17	Xã Thanh Quang	1,39	7,94	6,55
18	Xã Thanh Cường	2,72	2,42	-0,30
19	Xã Thanh Hồng	0,00	0,16	0,16
20	Xã Vĩnh Lập	0,00	0,00	0,00
	Tổng	46,34	117,22	70,88

7. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Hiện trạng đất cho hoạt động khoáng sản không có, quy hoạch đến năm 2030 đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản tăng 12,98 ha, được sử dụng từ đất trồng cây hàng năm khác.

8. Đất sản xuất nguyên vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Hiện trạng năm 2020, đất sản xuất nguyên vật liệu xây dựng, làm đồ gốm có diện tích là 2,93 ha. Trong kỳ quy hoạch loại đất này không thay đổi, giữ nguyên diện tích theo hiện trạng.

9. Đất phát triển hạ tầng

***. Đất giao thông:**

Hiện trạng năm 2020, đất giao thông có diện tích là 888,23 ha, chiếm 6,31% diện tích đất hành chính.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 881,85 ha, chiếm 99,49% so với hiện trạng. Trong giai đoạn 2021-2030 đất giao thông biến động như sau:

- Biến động tăng do lấy từ các loại đất:	:	453,34 ha
+ Đất trồng lúa	:	145,42 ha
+ Đất trồng cây hàng năm khác	:	3,64 ha
+ Đất trồng cây lâu năm	:	261,40 ha
+ Đất nuôi trồng thủy sản	:	4,64 ha
+ Đất thương mại, dịch vụ	:	0,36 ha
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	:	0,14 ha
+ Đất thủy lợi	:	35,27 ha
+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa	:	0,05 ha
+ Đất xây dựng cơ sở y tế	:	0,01 ha
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	:	0,02 ha
+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	:	0,18 ha
+ Đất chợ	:	0,02 ha
+ Đất nghĩa trang	:	0,01 ha

+ Đất ở tại nông thôn	:	0,70 ha
+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	:	1,19 ha
+ Đất có mặt nước chuyên dùng	:	0,30 ha
- Biến động giảm do chuyển sang các loại đất:	:	6,38 ha
+ Đất thương mại, dịch vụ	:	0,68 ha
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	:	1,10 ha
+ Đất thủy lợi	:	1,59 ha
+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa	:	0,06 ha
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	:	0,06 ha
+ Đất chợ	:	2,06 ha
+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	:	0,19 ha
+ Đất ở tại nông thôn	:	0,61 ha
+ Đất ở tại đô thị	:	0,03 ha

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất giao thông là 1.335,18 ha, chiếm 9,49% diện tích đất hành chính, thực tăng 446,95 ha so với hiện trạng.

Bảng 19: Chỉ tiêu đất giao thông phân theo đơn vị hành chính cấp xã

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	38,87	81,56	42,70
2	Xã Hồng Lạc	59,67	88,26	28,59
3	Xã Việt Hồng	48,63	59,97	11,34
4	Xã Tân Việt	43,11	63,05	19,94
5	Xã Cẩm Chế	42,54	109,73	67,19
6	Xã Thanh An	31,71	40,95	9,23
7	Xã Thanh Lang	36,63	47,61	10,98
8	Xã Liên Mạc	50,11	71,19	21,08
9	Xã Thanh Xuân	34,87	49,61	14,75
10	Xã Tân An	36,40	76,08	39,68
11	Xã Thanh Hải	53,66	77,77	24,10
12	Xã Thanh Khê	20,78	42,53	21,75
13	Xã Thanh Xá	25,38	62,52	37,14
14	Xã Thanh Thủy	30,62	51,41	20,79
15	Xã An Phượng	59,27	69,88	10,60
16	Xã Thanh Sơn	30,07	38,32	8,25
17	Xã Thanh Quang	58,50	72,07	13,58
18	Xã Thanh Cường	43,95	63,63	19,68
19	Xã Thanh Hồng	81,24	89,68	8,44
20	Xã Vĩnh Lập	62,22	79,35	17,13
	Tổng	888,23	1335,18	446,95

***. Đất thủy lợi**

Hiện trạng năm 2020, đất thủy lợi có diện tích là 720,57 ha, chiếm 5,12% diện tích đất hành chính.

Diện tích đất thủy lợi không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 682,50 ha, chiếm 94,72% so với hiện trạng. Trong giai đoạn 2021-2030 đất thủy lợi biến động như sau:

- Biến động tăng do lấy từ các loại đất:	:	42,29	ha
+ Đất trồng lúa	:	11,31	ha
+ Đất trồng cây hàng năm khác	:	10,91	ha
+ Đất trồng cây lâu năm	:	17,52	ha
+ Đất nuôi trồng thủy sản	:	0,91	ha
+ Đất an ninh	:	0,02	ha
+ Đất thương mại, dịch vụ	:	0,03	ha
+ Đất giao thông	:	1,59	ha
- Biến động giảm do chuyển sang các loại đất:	:	38,07	ha
+ Đất an ninh	:	0,02	ha
+ Đất thương mại, dịch vụ	:	0,23	ha
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	:	0,62	ha
+ Đất giao thông	:	35,27	ha
+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa	:	0,08	ha
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	:	0,18	ha
+ Đất bãi thải, xử lý chất thải	:	0,10	ha
+ Đất chợ	:	0,20	ha
+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	:	0,31	ha
+ Đất ở tại nông thôn	:	1,05	ha
+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	:	0,01	ha

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất thủy lợi là 724,78 ha, chiếm 5,15% diện tích đất hành chính, thực tăng 4,16 ha so với hiện trạng.

Bảng 20: Chỉ tiêu đất thủy lợi phân theo đơn vị hành chính cấp xã

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	11,62	12,35	0,72
2	Xã Hồng Lạc	60,05	62,43	2,38
3	Xã Việt Hồng	43,96	41,82	-2,14
4	Xã Tân Việt	20,28	19,41	-0,87
5	Xã Cẩm Chế	28,38	27,97	-0,40

6	Xã Thanh An	25,89	25,98	0,09
7	Xã Thanh Lang	86,18	88,43	2,25
8	Xã Liên Mạc	39,99	37,86	-2,13
9	Xã Thanh Xuân	35,42	33,61	-1,81
10	Xã Tân An	21,54	20,72	-0,82
11	Xã Thanh Hải	37,53	40,04	2,51
12	Xã Thanh Khê	3,48	4,04	0,56
13	Xã Thanh Xá	26,76	27,04	0,29
14	Xã Thanh Thủy	28,64	29,18	0,54
15	Xã An Phượng	47,67	45,29	-2,37
16	Xã Thanh Sơn	26,06	26,84	0,79
17	Xã Thanh Quang	63,95	68,05	4,10
18	Xã Thanh Cường	28,62	28,01	-0,61
19	Xã Thanh Hồng	46,32	46,91	0,58
20	Xã Vĩnh Lập	38,25	38,79	0,55
	Tổng	720,57	724,78	4,21

***. Đất xây dựng cơ sở văn hoá**

Hiện trạng năm 2020, đất xây dựng cơ sở văn hoá có diện tích là 11,42 ha, chiếm 0,08 % diện tích đất hành chính.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 11,27 ha, chiếm 98,69% so với hiện trạng. Trong giai đoạn 2021-2030 đất cơ sở văn hóa biến động như sau:

- Biến động tăng do lấy từ các loại đất:	:	24,63 ha
+ Đất trồng lúa	:	7,64 ha
+ Đất trồng cây lâu năm	:	16,59 ha
+ Đất nuôi trồng thủy sản	:	0,09 ha
+ Đất thương mại, dịch vụ	:	0,03 ha
+ Đất giao thông	:	0,06 ha
+ Đất thủy lợi	:	0,08 ha
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	:	0,13 ha
+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	:	0,01 ha
- Biến động giảm do chuyển sang các loại đất:	:	0,15 ha
+ Đất giao thông	:	0,05 ha
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	:	0,06 ha
+ Đất ở tại nông thôn	:	0,04 ha

Như vậy, đến năm 2020 diện tích đất cơ sở văn hóa là 35,90 ha, chiếm 0,26 % diện tích đất hành chính, thực tăng 24,48 ha so với hiện trạng.

Bảng 21: Chỉ tiêu đất cơ sở văn hóa phân theo đơn vị hành chính cấp xã

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	2,74	6,67	3,92
2	Xã Hồng Lạc	0,67	1,82	1,15
3	Xã Việt Hồng	1,13	1,21	0,08
4	Xã Tân Việt	0,35	1,80	1,45
5	Xã Cẩm Chế	0,71	2,73	2,02
6	Xã Thanh An	0,36	0,66	0,30
7	Xã Thanh Lang	0,42	0,95	0,53
8	Xã Liên Mạc	0,35	0,47	0,12
9	Xã Thanh Xuân	0,35	0,53	0,17
10	Xã Tân An	0,32	2,16	1,84
11	Xã Thanh Hải	0,08	1,28	1,20
12	Xã Thanh Khê	0,33	1,34	1,02
13	Xã Thanh Xá	0,53	7,00	6,47
14	Xã Thanh Thủy	0,21	0,91	0,70
15	Xã An Phượng	0,41	0,61	0,20
16	Xã Thanh Sơn	0,37	1,26	0,89
17	Xã Thanh Quang	1,21	2,30	1,09
18	Xã Thanh Cường	0,36	0,86	0,50
19	Xã Thanh Hồng	0,04	0,56	0,52
20	Xã Vĩnh Lập	0,47	0,76	0,30
	Tổng	11,42	35,90	24,48

***. Đất xây dựng cơ sở y tế**

Hiện trạng năm 2020, đất xây dựng cơ sở y tế có diện tích là 6,32 ha, chiếm 0,04% diện tích đất hành chính.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 6,31 ha, chiếm 100% so với hiện trạng. Trong giai đoạn 2021-2030 đất cơ sở y tế tăng 1,34 ha được sử dụng từ các loại đất: đất trồng lúa 0,05ha, đất trồng cây lâu năm 1,25 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,05 ha.

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất cơ sở y tế là 7,66 ha, chiếm 0,05% diện tích đất hành chính.

Bảng 22: Chỉ tiêu đất cơ sở y tế phân theo đơn vị hành chính cấp xã

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	1,98	2,40	0,42

2	Xã Hồng Lạc	0,13	0,12	-0,01
3	Xã Việt Hồng	0,21	0,21	-
4	Xã Tân Việt	0,27	0,27	-
5	Xã Cẩm Chế	0,09	0,09	-
6	Xã Thanh An	0,14	0,14	-
7	Xã Thanh Lang	0,22	0,22	-
8	Xã Liên Mạc	0,18	0,18	-
9	Xã Thanh Xuân	0,29	0,29	-
10	Xã Tân An	0,43	0,43	-
11	Xã Thanh Hải	0,23	0,23	-
12	Xã Thanh Khê	0,08	0,08	-
13	Xã Thanh Xá	0,11	0,54	0,43
14	Xã Thanh Thủy	0,15	0,15	-
15	Xã An Phượng	0,18	0,18	-
16	Xã Thanh Sơn	0,15	0,15	-
17	Xã Thanh Quang	0,42	0,92	0,50
18	Xã Thanh Cường	0,53	0,53	-
19	Xã Thanh Hồng	0,32	0,32	-
20	Xã Vĩnh Lập	0,19	0,19	-
	Tổng	6,32	7,66	1,34

***. Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo**

Hiện trạng năm 2020, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo có diện tích là 51,88 ha, chiếm 0,37% diện tích đất hành chính.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 49,45 ha, chiếm 95,32% so với hiện trạng. Trong giai đoạn 2021-2030 đất cơ sở giáo dục đào tạo biến động như sau:

- Biến động tăng do lấy từ các loại đất:	:	33,69	ha
+ Đất trồng lúa	:	14,08	ha
+ Đất trồng cây hàng năm khác	:	0,20	ha
+ Đất trồng cây lâu năm	:	18,13	ha
+ Đất nuôi trồng thủy sản	:	0,04	ha
+ Đất thương mại, dịch vụ	:	0,01	ha
+ Đất giao thông	:	0,06	ha
+ Đất thủy lợi	:	0,18	ha
+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa	:	0,06	ha
+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	:	0,01	ha
+ Đất ở tại đô thị	:	0,10	ha
+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	:	0,80	ha
- Biến động giảm do chuyển sang các loại đất:	:	2,43	ha
+ Đất an ninh	:	1,97	ha

+ Đất giao thông	:	0,02 ha
+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa	:	0,13 ha
+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	:	0,05 ha
+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	:	0,03 ha
+ Đất ở tại nông thôn	:	0,09 ha
+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	:	0,07 ha
+ Đất cơ sở tín ngưỡng	:	0,07 ha

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo là 83,14 ha, chiếm 0,59% diện tích đất hành chính, thực tăng 31,26 ha so với hiện trạng.

Bảng 23: Chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo phân theo đơn vị hành chính cấp xã

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	6,34	8,96	2,62
2	Xã Hồng Lạc	2,34	5,98	3,64
3	Xã Việt Hồng	1,59	1,73	0,13
4	Xã Tân Việt	2,01	3,17	1,16
5	Xã Cẩm Chế	4,95	5,22	0,27
6	Xã Thanh An	1,67	2,31	0,64
7	Xã Thanh Lang	2,59	3,12	0,54
8	Xã Liên Mạc	1,55	2,18	0,63
9	Xã Thanh Xuân	1,94	2,08	0,14
10	Xã Tân An	1,87	3,70	1,83
11	Xã Thanh Hải	3,12	9,47	6,35
12	Xã Thanh Khê	1,40	3,31	1,91
13	Xã Thanh Xá	1,66	6,82	5,16
14	Xã Thanh Thủy	1,90	2,23	0,33
15	Xã An Phượng	3,50	4,23	0,73
16	Xã Thanh Sơn	2,18	3,67	1,49
17	Xã Thanh Quang	4,30	4,77	0,47
18	Xã Thanh Cường	2,97	4,15	1,18
19	Xã Thanh Hồng	2,86	3,20	0,35
20	Xã Vĩnh Lập	1,15	2,83	1,68
	Tổng	51,88	83,14	31,26

***. Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao**

Hiện trạng năm 2020, đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao có diện tích là 28,44 ha, chiếm 0,20% diện tích đất hành chính.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 28,06 ha, chiếm 98,66% so với hiện trạng. Trong giai đoạn 2021-2030 đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao biến động như sau:

- Biến động tăng do lấy từ các loại đất:	:	18,37	ha
+ Đất trồng lúa	:	2,01	ha
+ Đất trồng cây hàng năm khác	:	0,12	ha
+ Đất trồng cây lâu năm	:	15,92	ha
+ Đất nuôi trồng thủy sản	:	0,27	ha
- Biến động giảm do chuyển sang các loại đất:	:	0,38	ha
+ Đất thương mại, dịch vụ	:	0,01	ha
+ Đất giao thông	:	0,18	ha
+ Đất thủy lợi	:	0,02	ha
+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa	:	0,01	ha
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	:	0,01	ha
+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	:	0,04	ha
+ Đất ở tại nông thôn	:	0,12	ha

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao là 46,43 ha, chiếm 0,33 diện tích đất hành chính, thực tăng 17,99 ha so với hiện trạng.

Bảng 24: Chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao phân theo đơn vị hành chính cấp xã

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	0,54	3,11	2,57
2	Xã Hồng Lạc	1,61	1,61	0,00
3	Xã Việt Hồng	0,72	0,72	0,00
4	Xã Tân Việt	1,96	1,96	0,00
5	Xã Cẩm Chế	3,81	11,07	7,26
6	Xã Thanh An	2,01	2,01	0,00
7	Xã Thanh Lang	2,17	2,17	0,00
8	Xã Liên Mạc	1,77	2,03	0,26
9	Xã Thanh Xuân	1,25	1,75	0,50
10	Xã Tân An	1,35	1,75	0,40
11	Xã Thanh Hải	1,77	2,22	0,45
12	Xã Thanh Khê	0,98	1,18	0,20
13	Xã Thanh Xá	0,93	1,93	1,00
14	Xã Thanh Thủy	0,53	0,53	0,00
15	Xã An Phượng	0,89	2,09	1,20
16	Xã Thanh Sơn	0,21	1,90	1,69

17	Xã Thanh Quang	2,49	3,54	1,05
18	Xã Thanh Cường	1,87	2,68	0,81
19	Xã Thanh Hồng	0,86	0,86	0,00
20	Xã Vĩnh Lập	0,72	1,32	0,60
	Tổng	28,44	46,43	17,99

***. Đất công trình năng lượng**

Hiện trạng năm 2020, đất công trình năng lượng có diện tích là 0,94 ha, chiếm 0,01% diện tích đất hành chính.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 0,94 ha, chiếm 100% so với hiện trạng. Trong giai đoạn 2021-2030 đất công trình năng lượng biến động tăng 16,57 được sử dụng từ các loại đất:

- + Đất trồng lúa : 4,80 ha
- + Đất trồng cây lâu năm : 11,77 ha

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất công trình năng lượng là 17,51 ha, chiếm 0,12% diện tích đất hành chính.

***. Đất công trình bưu chính viễn thông**

Trong kỳ quy hoạch diện tích đất công trình bưu chính viễn thông không thay đổi, giữ nguyên diện tích là 1,04 ha, chiếm 0,01% diện tích đất hành chính.

***. Đất bãi thải, xử lý chất thải**

Hiện trạng năm 2020, đất bãi thải, xử lý chất thải có diện tích là 47,85 ha, chiếm 0,34% diện tích đất hành chính.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch 47,85 ha, chiếm 100% so với hiện trạng. Trong giai đoạn 2021-2030 đất bãi thải, xử lý chất thải tăng 22,69 ha, sử dụng từ các loại đất:

- + Đất trồng lúa : 20,50 ha
- + Đất trồng cây lâu năm : 2,09 ha
- + Đất thủy lợi : 0,10 ha

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải là 70,54 ha, chiếm 0,50% diện tích đất hành chính

Bảng 25: Chỉ tiêu đất bãi thải, xử lý chất thải phân theo đơn vị hành chính cấp xã

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	0,33	0,63	0,30
2	Xã Hồng Lạc	0,53	0,92	0,39

3	Xã Việt Hồng	40,42	57,52	17,10
4	Xã Tân Việt	0,98	1,28	0,30
5	Xã Cẩm Chế	0,18	0,48	0,30
6	Xã Thanh An	-	0,30	0,30
7	Xã Thanh Lang	0,40	0,70	0,30
8	Xã Liên Mạc	0,37	0,67	0,30
9	Xã Thanh Xuân	0,13	0,33	0,20
10	Xã Tân An	0,40	0,72	0,32
11	Xã Thanh Hải	0,51	1,11	0,60
12	Xã Thanh Khê			
13	Xã Thanh Xá	0,15	0,45	0,30
14	Xã Thanh Thủy	0,30	0,30	0,00
15	Xã An Phượng	0,60	1,38	0,78
16	Xã Thanh Sơn	0,32	0,62	0,30
17	Xã Thanh Quang	1,22	1,22	0,00
18	Xã Thanh Cường	0,24	0,54	0,30
19	Xã Thanh Hồng	0,36	0,66	0,30
20	Xã Vĩnh Lập	0,37	0,67	0,30
	Tổng	47,85	70,54	22,69

***. Đất cơ sở tôn giáo**

Hiện trạng năm 2020, đất cơ sở tôn giáo có diện tích là 20,49 ha, chiếm 0,15% diện tích đất hành chính.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 20,49 ha, chiếm 100% so với hiện trạng. Trong giai đoạn 2021-2030 đất cơ sở tôn giáo tăng 6,07 ha, sử dụng từ các loại đất:

- + Đất trồng lúa : 1,00 ha
- + Đất trồng cây lâu năm : 5,07 ha

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất cơ sở tôn giáo là 26,56 ha, chiếm 0,19% diện tích đất hành chính.

Bảng 26: Chỉ tiêu đất cơ sở tôn giáo phân theo đơn vị hành chính cấp xã

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	1,24	1,24	-
2	Xã Hồng Lạc	2,34	4,00	1,66
3	Xã Việt Hồng	0,64	0,74	0,10
4	Xã Tân Việt	1,41	1,47	0,06
5	Xã Cẩm Chế	1,14	1,34	0,20
6	Xã Thanh An	0,96	1,15	0,19

7	Xã Thanh Lang	1,09	1,14	0,05
8	Xã Liên Mạc	1,84	2,49	0,65
9	Xã Thanh Xuân	0,29	0,31	0,02
10	Xã Tân An	1,07	1,09	0,03
11	Xã Thanh Hải	0,94	1,65	0,71
12	Xã Thanh Khê	1,02	1,51	0,49
13	Xã Thanh Xá	1,53	1,70	0,17
14	Xã Thanh Thủy	0,86	1,22	0,36
15	Xã An Phượng	0,44	0,44	-
16	Xã Thanh Sơn	0,59	0,61	0,02
17	Xã Thanh Quang	2,16	2,54	0,38
18	Xã Thanh Cường	0,00	0,21	0,21
19	Xã Thanh Hồng	0,12	0,46	0,34
20	Xã Vĩnh Lập	0,82	1,25	0,43
	Tổng	20,49	26,56	6,07

***. Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng**

Hiện trạng năm 2020, đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng có diện tích là 97,40 ha, chiếm 0,69% diện tích đất hành chính.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 96,86 ha, chiếm 99,45% so với hiện trạng. Trong giai đoạn 2021-2030 đất nghĩa trang nghĩa địa biến động như sau:

- Biến động tăng do lấy từ các loại đất:	:	17,02 ha
+ Đất trồng lúa	:	10,01 ha
+ Đất trồng cây hàng năm khác	:	0,30 ha
+ Đất trồng cây lâu năm	:	6,71 ha
- Biến động giảm do chuyển sang các loại đất:	:	0,54 ha
+ Đất thương mại, dịch vụ	:	0,53 ha
+ Đất giao thông	:	0,01 ha

Như vậy, đến năm 2030 đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 113,88 ha, chiếm 0,81% diện tích đất hành chính, thực tăng 16,48 ha so với hiện trạng năm 2020.

Bảng 27: Chỉ tiêu đất nghĩa trang, nghĩa địa phân theo đơn vị hành chính cấp xã

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	4,40	7,38	2,98
2	Xã Hồng Lạc	3,71	5,48	1,77
3	Xã Việt Hồng	3,98	4,48	0,50

4	Xã Tân Việt	4,29	4,59	0,30
5	Xã Cẩm Chế	4,35	4,65	0,30
6	Xã Thanh An	3,80	4,30	0,50
7	Xã Thanh Lang	3,24	4,94	1,70
8	Xã Liên Mạc	5,12	5,41	0,29
9	Xã Thanh Xuân	2,89	3,19	0,30
10	Xã Tân An	4,38	5,37	0,99
11	Xã Thanh Hải	5,17	6,17	1,00
12	Xã Thanh Khê	3,92	4,22	0,30
13	Xã Thanh Xá	4,78	5,28	0,50
14	Xã Thanh Thủy	4,17	6,07	1,90
15	Xã An Phượng	5,65	7,42	1,77
16	Xã Thanh Sơn	3,36	3,86	0,50
17	Xã Thanh Quang	12,82	13,52	0,70
18	Xã Thanh Cường	5,13	5,54	0,41
19	Xã Thanh Hồng	7,70	8,00	0,30
20	Xã Vĩnh Lập	4,55	4,02	-0,53
	Tổng	97,40	113,88	16,48

***. Đất chợ**

Hiện trạng năm 2020, đất chợ có diện tích là 5,46 ha, chiếm 0,04% diện tích đất hành chính.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 5,13 ha, chiếm 93,96% so với hiện trạng. Trong giai đoạn 2021-2030 đất chợ tăng 25,91 ha, được sử dụng từ các loại đất như sau:

- Biến động tăng do lấy từ các loại đất:	:	26,24 ha
+ Đất trồng lúa	:	7,91 ha
+ Đất trồng cây hàng năm khác	:	0,20 ha
+ Đất trồng cây lâu năm	:	15,71 ha
+ Đất giao thông	:	2,06 ha
+ Đất thủy lợi	:	0,20 ha
+ Đất có mặt nước chuyên dùng	:	0,16 ha
- Biến động giảm do chuyển sang các loại đất:	:	0,33 ha
+ Đất an ninh	:	0,11 ha
+ Đất giao thông	:	0,02 ha
+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	:	0,18 ha
+ Đất ở tại nông thôn	:	0,02 ha

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất chợ là 31,37 ha, chiếm 0,22% diện tích đất hành chính.

Bảng 28: Chỉ tiêu đất chợ phân theo đơn vị hành chính cấp xã

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	0,27	2,72	2,45
2	Xã Hồng Lạc	0,24	1,95	1,71
3	Xã Việt Hồng	0,17	3,29	3,12
4	Xã Tân Việt	0,17	2,67	2,50
5	Xã Cẩm Chế	0,57	7,96	7,39
6	Xã Thanh Lang	0,28	0,28	-
7	Xã Liên Mạc	0,26	2,55	2,29
8	Xã Thanh Xuân	0,00	0,30	0,30
9	Xã Tân An	0,78	1,96	1,18
10	Xã Thanh Hải	0,15	3,26	3,11
11	Xã Thanh Thủy	0,99	1,98	0,99
12	Xã An Phượng	0,23	0,23	0,00
13	Xã Thanh Sơn	0,10	0,10	-
14	Xã Thanh Quang	0,71	0,76	0,05
15	Xã Thanh Cường	0,20	0,20	-
16	Xã Thanh Hồng	0,33	0,65	0,32
17	Xã Vĩnh Lập	-	0,50	0,50
	Tổng	5,46	31,37	25,91

10. Đất danh lam thắng cảnh

Hiện trạng năm 2020, đất danh lam thắng cảnh có diện tích là 6,32 ha, chiếm 0,04% diện tích đất hành chính.

Trong kỳ quy hoạch đất danh lam thắng cảnh tăng 20,0 ha, được sử dụng từ các loại đất:

+ Đất trồng cây lâu năm	:	18,66 ha
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	:	0,07 ha
+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	:	1,27 ha

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất danh lam thắng cảnh là 26,32 ha, chiếm 0,19% diện tích đất hành chính.

Bảng 29: Chỉ tiêu đất danh lam thắng cảnh phân theo đơn vị hành chính cấp xã

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	Xã Cẩm Chế	6,32	13,21	6,89
2	Xã Thanh Hải		0,00	0,00
3	Xã Thanh Khê		1,34	1,34

4	Xã Thanh Xá		1,27	1,27
5	Xã Thanh Thủy		8,50	8,50
6	Xã Thanh Sơn		1,00	1,00
7	Xã Thanh Quang		1,00	1,00
	Tổng	6,32	26,32	20,00

11. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

Trong giai đoạn 2021-2030 đất khu vui chơi, giải trí công cộng tăng 51,78 ha sử dụng từ các loại đất:

+ Đất trồng lúa	:	16,88 ha
+ Đất trồng cây lâu năm	:	33,41 ha
+ Đất nuôi trồng thủy sản	:	0,14 ha
+ Đất thương mại, dịch vụ	:	0,03 ha
+ Đất giao thông	:	0,19 ha
+ Đất thủy lợi	:	0,31 ha
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	:	0,03 ha
+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	:	0,04 ha
+ Đất chợ	:	0,18 ha
+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	:	0,57 ha

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng là 51,78 ha, chiếm 0,37% diện tích đất hành chính.

Bảng 30: Chỉ tiêu đất khu vui chơi, giải trí công cộng phân theo đơn vị hành chính:

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	Số sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà		4,34	4,34
2	Xã Hồng Lạc		4,41	4,41
3	Xã Việt Hồng		0,44	0,44
4	Xã Tân Việt		3,11	3,11
5	Xã Cẩm Chế		10,49	10,49
6	Xã Thanh An		0,73	0,73
7	Xã Thanh Lang		0,28	0,28
8	Xã Liên Mạc		7,66	7,66
9	Xã Thanh Xuân		0,45	0,45
10	Xã Tân An		5,23	5,23
11	Xã Thanh Hải		2,56	2,56
12	Xã Thanh Khê		3,70	3,70
13	Xã Thanh Xá		2,97	2,97
14	Xã Thanh Thủy		1,28	1,28

15	Xã An Phượng		0,74	0,74
16	Xã Thanh Sơn		0,63	0,63
17	Xã Thanh Quang		1,44	1,44
18	Xã Thanh Cường		0,36	0,36
19	Xã Thanh Hồng		0,43	0,43
20	Xã Vĩnh Lập		0,50	0,50
	Tổng	0,00	51,78	51,78

11. Đất ở tại nông thôn

Hiện trạng năm 2020, đất ở tại nông thôn có diện tích là 2.507,65 ha, chiếm 17,82% diện tích đất hành chính.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 2.506,96 ha, chiếm 99,97% so với hiện trạng. Trong giai đoạn 2021-2030 diện tích đất ở tại nông thôn biến động như sau:

- Biến động tăng do lấy từ các loại đất:
 - + Đất trồng lúa : 170,60 ha
 - + Đất trồng cây hàng năm khác : 48,57 ha
 - + Đất trồng cây lâu năm : 0,08 ha
 - + Đất nuôi trồng thủy sản : 119,56 ha
 - + Đất nuôi trồng thủy sản : 0,46 ha
 - + Đất giao thông : 0,61 ha
 - + Đất thủy lợi : 1,05 ha
 - + Đất xây dựng cơ sở văn hóa : 0,04 ha
 - + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 0,09 ha
 - + Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao : 0,12 ha
 - + Đất chợ : 0,02 ha
- Biến động giảm do chuyển sang đất giao thông: : 0,70 ha

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất ở tại nông thôn là 2.677,56 ha, chiếm 19,03% diện tích đất hành chính, thực tăng 169,91 ha so với hiện trạng.

Bảng 31: Chỉ tiêu đất ở tại nông thôn phân theo đơn vị hành chính cấp xã

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	Xã Hồng Lạc	115,61	130,62	15,01
2	Xã Việt Hồng	53,93	56,77	2,83
3	Xã Tân Việt	113,18	125,49	12,31
4	Xã Cẩm Chế	142,64	169,39	26,76
5	Xã Thanh An	91,91	95,84	3,93
6	Xã Thanh Lang	142,12	144,53	2,40
7	Xã Liên Mạc	113,56	120,67	7,11
8	Xã Thanh Xuân	121,21	124,17	2,96

9	Xã Tân An	104,42	123,84	19,43
10	Xã Thanh Hải	121,27	131,77	10,51
11	Xã Thanh Khê	128,08	142,93	14,85
12	Xã Thanh Xá	82,44	105,37	22,93
13	Xã Thanh Thủy	94,09	99,88	5,80
14	Xã An Phượng	172,92	176,84	3,92
15	Xã Thanh Sơn	157,32	161,02	3,70
16	Xã Thanh Quang	276,89	283,37	6,48
17	Xã Thanh Cường	182,25	185,23	2,98
18	Xã Thanh Hồng	195,60	198,48	2,88
19	Xã Vĩnh Lập	98,23	101,35	3,12
	Tổng	2507,65	2677,56	169,91

12. Đất ở tại đô thị

Hiện trạng năm 2020, đất ở tại đô thị có diện tích là 109,06 ha, chiếm 0,78% diện tích đất hành chính.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch 108,96 ha, chiếm 99,91% so với hiện trạng. Trong kỳ quy hoạch 2021-2030 đất ở tại đô thị biến động như sau:

- Biến động tăng do lấy từ các loại đất:	:	18,84 ha
+ Đất trồng lúa	:	12,30 ha
+ Đất trồng cây lâu năm	:	6,38 ha
+ Đất thương mại, dịch vụ	:	0,13 ha
+ Đất giao thông	:	0,03 ha
- Biến động giảm do chuyển sang đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:	:	0,10 ha

Như vậy, đến năm 2030 đất ở tại đô thị có diện tích là 127,80 ha, chiếm 0,91% diện tích đất hành chính.

13. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Hiện trạng năm 2020, đất xây dựng trụ sở cơ quan có diện tích là 12,32 ha, chiếm 0,09% diện tích đất hành chính;

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch 9,58 ha, chiếm 77,76% so với hiện trạng. Trong giai đoạn 2021-2030 đất xây dựng trụ sở cơ quan biến động như sau:

- Biến động tăng do lấy từ các loại đất:	:	5,84 ha
+ Đất trồng lúa	:	0,10 ha
+ Đất trồng cây hàng năm khác	:	0,30 ha
+ Đất trồng cây lâu năm	:	5,36 ha
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	:	0,07 ha

+ Đất thủy lợi	:	0,01 ha
- Biến động giảm do chuyển sang các loại đất:	:	2,74 ha
+ Đất an ninh	:	0,36 ha
+ Đất thương mại, dịch vụ	:	1,01 ha
+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	:	0,80 ha
+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	:	0,57 ha

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 15,42 ha, chiếm 0,11% diện tích đất hành chính, thực tăng 3,10 ha so với hiện trạng.

Bảng 32: Chỉ tiêu đất xây dựng trụ sở cơ quan phân theo đơn vị hành chính cấp xã

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	1,81	4,35	2,54
2	Xã Hồng Lạc	0,51	0,51	-
3	Xã Việt Hồng	0,66	0,66	-
4	Xã Tân Việt	0,64	0,64	-
5	Xã Cẩm Chế	0,18	0,02	-0,16
6	Xã Thanh An	0,28	0,28	-
7	Xã Thanh Lang	0,25	0,33	0,08
8	Xã Liên Mạc	0,49	0,49	-
9	Xã Thanh Xuân	0,17	0,47	0,30
10	Xã Tân An	0,49	0,49	-
11	Xã Thanh Hải	0,70	0,70	-
12	Xã Thanh Khê	1,57	0,54	-1,03
13	Xã Thanh Xá	0,26	0,26	-
14	Xã Thanh Thủy	0,38	0,38	-
15	Xã An Phượng	0,91	0,88	-0,03
16	Xã Thanh Sơn	0,49	0,49	-
17	Xã Thanh Quang	1,41	2,91	1,50
18	Xã Thanh Cường	0,29	0,39	0,10
19	Xã Thanh Hồng	0,54	0,44	-0,10
20	Xã Vĩnh Lập	0,31	0,21	-0,10
	Tổng	12,32	15,42	3,10

14. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Hiện trạng năm 2020, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp có diện tích là 3,48 ha, chiếm 0,02% diện tích đất hành chính. Trong kỳ quy hoạch đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp không có sự biến động, giữ nguyên diện tích hiện trạng.

15. Đất cơ sở tín ngưỡng

Hiện trạng năm 2020, đất cơ sở tín ngưỡng có diện tích là 11,13 ha, chiếm 0,08% diện tích đất hành chính. Trong kỳ quy hoạch đất cơ sở tín ngưỡng tăng 0,19 ha, được sử dụng từ đất trồng cây lâu năm 0,12 ha, đất cơ sở giáo dục và đào tạo 0,07 ha.

Như vậy, đến năm 2030 đất cơ sở tín ngưỡng có diện tích là 11,32 ha, chiếm 0,08% diện tích đất hành chính.

Bảng 33: Chỉ tiêu đất cơ sở tín ngưỡng phân theo đơn vị hành chính cấp xã

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Quy hoạch đến 2030 (ha)	So sánh tăng (+); giảm (-) so với hiện trạng năm 2020 (ha)
1	TT Thanh Hà	0,39	0,39	-
2	Xã Hồng Lạc	0,18	0,18	-
3	Xã Việt Hồng	0,09	0,09	-
4	Xã Tân Việt	0,46	0,46	-
5	Xã Cẩm Ché	0,58	0,58	-
6	Xã Thanh An	0,90	0,90	-
7	Xã Thanh Lang	1,00	1,00	-
8	Xã Liên Mạc	0,64	0,64	-
9	Xã Thanh Xuân	0,47	0,47	-
10	Xã Tân An	0,62	0,62	-
11	Xã Thanh Hải	0,35	0,35	-
12	Xã Thanh Khê	0,61	0,61	-
13	Xã Thanh Xá	0,64	0,64	-
14	Xã Thanh Thủy	0,52	0,52	-
15	Xã An Phượng	0,53	0,60	0,07
16	Xã Thanh Sơn	0,34	0,34	-
17	Xã Thanh Quang	0,85	0,97	0,12
18	Xã Thanh Cường	0,49	0,49	-
19	Xã Thanh Hồng	1,05	1,05	-
20	Xã Vĩnh Lập	0,40	0,40	-
	Tổng	11,13	11,32	0,19

16. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Hiện trạng năm 2020, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối diện tích là 1.236,23 ha, chiếm 8,79% diện tích đất hành chính;

Trong kỳ quy hoạch diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 2,46 ha, do chuyển sang các loại đất:

+ Đất giao thông : 1,19 ha

+ Đất danh lam thắng cảnh : 1,27 ha

Như vậy, đến năm 2030 đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối còn diện tích là 1.233,77 ha, chiếm 8,77% diện tích đất hành chính.

17. Đất có mặt nước chuyên dùng

Hiện trạng năm 2020, đất có mặt nước chuyên dùng diện tích là 14,70 ha;

Trong kỳ quy hoạch diện tích đất có mặt nước chuyên dùng giảm 0,46 ha do chuyển sang các loại đất: Đất giao thông 0,30 ha, đất chợ 0,16 ha.

Như vậy, đến năm 2030 diện tích đất có mặt nước chuyên dùng là 14,24 ha, chiếm 0,10% diện tích đất hành chính.

18. Đất phi nông nghiệp khác: giữ nguyên hiện trạng là 1,36 ha, chiếm 0,01% diện tích đất hành chính.

2.2.3. Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	1.273,64
	<i>Trong đó:</i>		-
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	475,32
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>475,32</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	29,30
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	759,58
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	9,44
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		273,58
	<i>Trong đó:</i>		-
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	3,70
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	LUA/NKH	45,52
2.3	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	4,00
2.4	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác	HNK/NKH	0,60
2.5	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	CLN/NTS	27,55
2.6	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	CLN/NKH	192,21
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	2,09

2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng

2.3.1. Khu vực chuyên trồng lúa nước

Trên cơ sở điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng từng vùng hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp chuyên canh, đặc biệt phát huy hiệu quả của các loại cây trồng thế mạnh, chủ lực của huyện, xây dựng thương hiệu, đẩy mạnh khoảng cách nông thôn và đô thị, trong đó:

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập

trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ. Phát triển nền nông nghiệp của huyện theo hướng sử dụng công nghệ cao, hiện đại, sản xuất sản phẩm chất lượng cao. Duy trì diện tích đất sản xuất nông nghiệp, nhất là đất trồng lúa. Bố trí diện tích đất sản xuất nông nghiệp tập trung với diện tích lớn, mời gọi các nhà đầu tư vào phát triển ngành nông nghiệp của huyện.

Chuyển đổi cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp, ưu tiên phát triển nông nghiệp quy mô lớn, hình thành các vùng chuyên canh sản xuất sản phẩm với kỹ thuật cao, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Bố trí quỹ đất để phát triển sản xuất trang trại tổng hợp, trang trại chăn nuôi tập trung xa khu dân cư, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Khuyến khích ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, trong công nghệ bảo quản và chế biến sau thu hoạch. Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trên cơ sở phát triển công nghiệp chế biến và phát triển kinh tế trang trại hộ gia đình.

Duy trì ổn định vùng sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch, gắn với hình thành các vành đai xanh: vùng trồng rau an toàn, vùng trồng cây đặc sản... Phát triển sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao.

Đầu tư thâm canh trên đất trồng lúa, phát triển trồng thêm cây vụ đông trên đất trồng 2 vụ lúa với khoảng 40%-50% diện tích. Hình thành các vùng trồng lúa thâm canh chất lượng cao tại các xã có điều kiện thuận lợi như: xã Hồng Lạc, Việt Hồng, Tân Việt... Nghiên cứu chuyên một phần diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang sản xuất trang trại nuôi thủy sản, trồng cây ăn quả, chăn nuôi.

Xây dựng các vùng rau an toàn quy mô lớn, kêu gọi các nhà đầu tư tập trung phát triển vào nông nghiệp của huyện.

Vùng lúa hữu cơ 100ha tại xã Vĩnh Lập và Thanh Xuân.

Vùng vải sản xuất tập trung: 3.000ha, gồm vải sớm 1.400ha tập trung tại xã Thanh Quang, Thanh Cường, Thanh Hồng, vải thiều 1.600ha tập trung tại các xã An Phượng, Thanh Sơn, Thanh Thủy, Thanh Hải, TT Thanh Hà, Tân An và Thanh Khê;

Vùng ổi sản xuất tập trung: 1.900ha trồng tập trung các xã Thanh Xuân, Liên Mạc, Thanh Lang, Thanh An, Việt Hồng, Cẩm Chế và Tân Việt.

Vùng chuối sản xuất tập trung: 200ha, tập trung tại các xã Thanh Khê,

Thanh Quang, An Phượng, Thanh Hồng.

Vùng bưởi: 100ha tập trung các xã Thanh Hồng, huyện Thanh Hà

Vùng chăn nuôi lợn tại xã Việt Hồng, Tân Việt, Thanh Quang và các vùng chuyên đổi hiện có tại các xã

Vùng chăn nuôi gà thả vườn tại Tân Việt, An Phượng, Tân An và các vùng chuyên đổi hiện có tại các xã

2.3.2. Phát triển khu vực khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Trên cơ sở các lợi thế về điều kiện tự nhiên, địa hình, địa chất, địa mạo,... trên địa bàn huyện đã quy hoạch 01 khu công nghiệp tập trung. Việc quy hoạch này để vừa thuận tiện cho việc quản lý, thu hút đầu tư, thu hút lao động và giảm thiểu tác hại do ô nhiễm môi trường. Khu phát triển công nghiệp của huyện bao gồm toàn bộ khu vực quy hoạch khu công nghiệp Thanh Hà với tổng diện tích là 150 ha, chiếm 1,07% diện tích hành chính. Trong đó diện tích đất bố trí để phát triển khu công nghiệp là 150 ha (chiếm 56,13% diện tích đất khu phát triển công nghiệp); đất sản xuất kinh doanh là 117,22 ha (chiếm 34,87% diện tích đất khu phát triển công nghiệp).

Với quỹ đất trên, đảm bảo đủ quỹ đất để phát triển công nghiệp phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hướng vào những ngành có lợi thế so sánh; phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh và của vùng Đồng bằng sông Hồng.

2.3.3. Khu đô thị - thương mại - dịch vụ

Dự kiến trong thời gian tới sẽ phát triển trên nền tảng đô thị hiện hữu đồng thời phát triển thêm các khu đô thị mới như khu dân cư phía Đông thị trấn; khu đô thị mới thị trấn, Khu đô thị sinh thái Thanh Bình... Diện tích đất khu đô thị đến năm 2030 có diện tích 903,07 ha, chiếm 6,42% diện tích đất tự nhiên, trong đó có 127,79 ha đất ở tại đô thị, chiếm 14,51% diện tích đất khu đô thị.

Diện tích đất thương mại, dịch vụ được bố trí đến năm 2030 là 137,21 ha, chiếm 0,98% diện tích đất hành chính. Đảm bảo quỹ đất cho phát triển thương mại - dịch vụ nhằm tiếp tục tăng tỷ trọng giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của huyện.

2.3.4. Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn

Nhằm đáp ứng được nhu cầu đất ở phát sinh của người dân ngày càng cao hiện nay huyện đã tiến hành lập quy hoạch đất ở theo mạng lưới điểm dân cư nông

thôn, các khu trung tâm xã, khu dân cư tập trung để ưu tiên đầu tư về mặt hạ tầng kỹ thuật và thuận tiện trong việc tiếp xúc các phúc lợi xã hội. Ranh giới của khu dân cư nông thôn được xác định là ranh giới ngoài cùng của các thửa đất được quy hoạch là đất ở.

Diện tích đất khu dân cư nông thôn đến năm 2030 có diện tích 7.537,06 ha, chiếm 53,56% diện tích hành chính; trong đó có 2,677,56 ha đất ở tại nông thôn (chiếm 35,53% diện tích đất khu dân cư nông thôn).

Xây dựng nông thôn mới nâng cao phù hợp với bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới, tạo điều kiện cho người dân nông thôn được hưởng tốt nhất với các phúc lợi xã hội.

Từng bước phân bố lại dân cư trên các xã; nghiên cứu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các trung tâm cụm xã, các điểm dân cư tập trung. Chú trọng quản lý quy hoạch phát triển nông thôn mới bảo đảm bản sắc văn hóa, quan tâm đầu tư hạ tầng khu dân cư tập trung đáp ứng yêu cầu và tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Phát triển nhiều loại hình nhà ở, văn phòng cao cấp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu nhà ở của Nhân dân.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.

3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Phương án quy hoạch đã xác định từ cơ cấu diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch, theo đó cũng tạo ra nguồn thu từ đất cho ngân sách địa phương thông qua việc giao đất, cho thuê đất. Đồng thời cũng thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trong phương án quy hoạch đó xác định được các khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho những đối tượng được nhà nước thu hồi đất để sử dụng về lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trên địa bàn huyện Thanh Hà.

Phương án quy hoạch được phê duyệt là căn cứ pháp lý quan trọng để triển khai công tác đấu giá quyền sử dụng đất nói riêng và việc giao đất, cho thuê đất nói chung. Phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Thanh Hà

khoanh định các diện tích được phép chuyển đổi mục đích sử dụng, trong đó có nhiều diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp.

Việc chuyển đổi mục đích đất nông nghiệp đã được nghiên cứu, cân đối để tạo quỹ đất thích hợp chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện trên cơ sở đảm bảo bảo toàn diện tích cần thiết, nhất là đối với đất trồng lúa.

Quỹ đất bố trí cho các mục đích phi nông nghiệp được xác định trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu sử dụng đất các ngành, các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Trong đó, hình thành mới các điểm dân cư, khu, cụm công nghiệp, đất thương mại, dịch vụ... Đây là quỹ đất để thực hiện công tác giao, cho thuê tạo ra nguồn thu từ đất. Diện tích đất phi nông nghiệp tăng thêm chủ yếu được lấy từ đất nông nghiệp.

3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực.

Trong phương án quy hoạch sử dụng đất, diện tích đất trồng lúa đến năm 2030 là 1.208,14 ha, đất trồng lúa giảm 524,54 ha do chuyển sang các công trình phát triển hạ tầng, khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn; đất trồng cây hàng năm khác giảm xuống còn 242,10 ha và đất trồng cây lâu năm giảm xuống còn 5.080,97 ha. Như vậy, phương án quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện Thanh Hà bố trí cho hoạt động sản xuất lương thực trên cơ sở tính toán cân đối giữa nhu cầu tương lai về lương thực của huyện cơ bản đảm bảo an ninh lương thực trước mắt và lâu dài cũng như đáp ứng nhu cầu lương thực tại chỗ cho người dân trên địa bàn huyện.

3.3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.

Việc giải quyết quỹ đất ở cho dân cư được xem xét kỹ trong phương án quy hoạch sử dụng đất cấp xã. Tuy nhiên quy hoạch sử dụng đất huyện Thanh Hà đã định hướng giải quyết quỹ đất ở theo nhu cầu gia tăng dân số cho khu vực đô thị và nông thôn để đảm bảo phát triển ổn định đời sống dân cư. Ngoài ra trong các khu dân cư nông thôn đó dành đủ quỹ đất để phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội

với hệ thống các công trình thiết yếu đáp ứng các chỉ tiêu quy hoạch xây dựng phát triển nông thôn mới. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong nông thôn được chú trọng phát triển... tất cả sẽ góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập, từng bước làm chuyển đổi cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế nông thôn.

Mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.

Việc chuyển đổi 1.273,64 ha đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp, trong đó có 525,54 ha đất trồng lúa; 33,90 ha đất trồng cây hàng năm khác; 979,34 ha đất cây lâu năm sẽ làm ảnh hưởng đến đời sống của một bộ phận dân cư có đất bị thu hồi. Để khắc phục vấn đề này huyện sẽ có những giải pháp cụ thể như: Làm tốt công tác đền bù, hỗ trợ và tái định cư; Khuyến khích đầu tư tạo thêm đất sản xuất để bù lại diện tích bị chuyển mục đích; Đầu tư mở rộng ngành nghề, dịch vụ để tạo thêm việc làm mới ở nông thôn; Tăng cường công tác đào tạo nghề để thúc đẩy sự phân công lại lao động và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng.

Phương án quy hoạch sử dụng đất về cơ bản đáp ứng tương đối đầy đủ nhu cầu sử dụng đất cho phát triển hệ thống đô thị và các khu dân cư nông thôn. Xác định quỹ đất cho phát triển các đô thị hạt nhân, trọng điểm là thị trấn Thanh Hà giữ vai trò chủ đạo và thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế xã hội của huyện. Quy hoạch các khu đô thị mới, khu tái định cư, các trung tâm xã, dành đủ đất để xây dựng kiên cố hóa các công trình phúc lợi công cộng như trường học, trạm xá, trụ sở cơ quan, chợ... sẽ góp phần nâng cao dân trí, cải thiện đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

Phương án quy hoạch cũng đã xác định quỹ đất hợp lý để xây dựng các công trình hạ tầng như:

+ Bố trí quỹ đất để phát triển hệ thống giao thông, phối hợp các tỉnh lân cận để phát triển giao thông đối ngoại (*đường bộ, đường thủy...*) liên kết tỉnh với khu vực Bắc Bộ, vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và với các trục giao thông quốc gia, để mở rộng cửa ra cho huyện; nhanh chóng nâng cấp hệ thống giao thông nội huyện;

+ Xây dựng các công trình văn hóa; thể dục thể thao như: hệ thống nhà văn hóa xã, nhà văn hóa thôn, công viên văn hóa, công viên cây xanh giải trí, nhà trưng bày truyền thống, quảng trường, đài tưởng niệm, sân vận động, nhà thi đấu, trung tâm thể dục thể thao, nhà luyện tập... trên địa bàn toàn huyện.

+ Dành quỹ đất để hoàn thiện hệ thống y tế của huyện trên tất cả các tuyến xã.

Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển công nghiệp, thương mại, du lịch trên địa bàn huyện góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Phương án quy hoạch cũng đã xác định đủ quỹ đất cho các công trình quốc phòng, an ninh theo yêu cầu của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh trên địa bàn huyện Thanh Hà, đáp ứng yêu cầu hoạt động của các lực lượng quân đội, công an nhân dân, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

Tóm lại: Việc xác định hợp lý cơ cấu sử dụng đất đai trong toàn huyện theo quy hoạch đến năm 2030 là điều kiện cần thiết và quan trọng hàng đầu để Thanh Hà thực hiện tiến trình phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc.

Phương án quy hoạch sử dụng đất huyện Thanh Hà đến năm 2030 đã xác định quỹ đất hợp lý cho việc mở rộng và tôn tạo các khu di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh gồm: du lịch sinh thái miệt vườn, du lịch trải nghiệm và tham quan du lịch sông nước kết hợp du lịch di tích lịch sử văn hóa và tâm linh như Khu du lịch sinh thái sông Hương; lễ hội vải thiều và các lễ hội truyền thống.... Xây dựng mở rộng một số công trình văn hóa tâm linh như đình, đền, chùa,... Qua đó góp phần đáng kể vào việc bảo tồn các di sản văn hóa dân tộc, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển ngành du lịch của huyện trong tương lai.

3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên.

Phương án quy hoạch đã xác định từ tiềm năng các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn. Tài nguyên đất được khai thác sử dụng hợp lý trên cơ sở ưu tiên

bảo vệ các loại đất tốt cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là đất trồng lúa, rau màu, cây lâu năm trên các chân đất có độ phì nhẹ.

Về môi trường, phương án cũng tính toán những giải pháp tốt nhất để bảo vệ môi trường với những việc: Phân ra các vùng sản xuất nông nghiệp theo đặc thù thuận tiện cho đầu tư thâm canh để vừa nâng cao giá trị trên 1 đơn vị diện tích vừa có điều kiện phát triển một nền nông nghiệp sạch, tránh hủy hoại đất; Bố trí quỹ đất và vị trí hợp lý cho các khu cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các bãi rác, các nghĩa địa, cân nhắc, lựa chọn những khu vực sản xuất vật liệu xây dựng để hạn chế thấp nhất ảnh hưởng đến các khu dân cư và thuận tiện cho các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường; Chính trang bảo vệ hệ thống tiêu thoát nước trong các khu dân cư cũ, thiết kế hệ thống tiêu thoát nước trong các khu dân cư mới.

PHẦN IV

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Xác định giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

1.1. Giải pháp về quản lý, sử dụng đất

Tăng cường công tác quản lý, khai thác khoa học nhằm sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm và gia tăng giá trị của đất, trong đó tập trung đối với một số loại đất chính, quan trọng sau:

** Đất trồng lúa*

Rà soát, xác định rõ chỉ tiêu diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ; phân bổ, xác định ranh giới ngoài thực địa, lập bản đồ diện tích đất trồng lúa và công khai đến từng xã; giao cho Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm quản lý; trong trường hợp cần thiết chuyển một phần diện tích đất trồng lúa sang sử dụng vào mục đích khác thì phải được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất cho vùng chuyên trồng lúa nước, phòng chống ô nhiễm môi trường đất lúa, thoái hóa đất đồng thời với việc tăng đầu tư xây dựng các cơ sở bảo quản, chế biến, tiêu thụ lúa hàng hóa tại các chuyên trồng lúa nước; có chính sách, biện pháp phù hợp để giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập, để người trồng lúa yên tâm sản xuất.

** Đất đô thị*

Rà soát quy hoạch sử dụng đất đô thị theo hướng bố trí sử dụng đất hợp lý, bảo đảm đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với hạ tầng xã hội; nâng cao hệ số sử dụng đặc biệt là các đô thị sử dụng đất lúa. Hạn chế việc thực hiện các dự án nhà ở nhỏ lẻ tại thị trấn và các xã trên địa bàn các huyện. Các công trình xây dựng tại các đô thị cần khai thác không gian trên cao để đảm bảo tính hài hòa trong các đô thị.

Triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng tại các khu đô thị một cách đồng bộ, đảm bảo tiến độ thực hiện theo phương án thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện nghiêm các giải pháp bảo vệ môi trường sinh thái cũng như không làm ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân và những đối tượng khác ở gần khu vực.

** Đất quốc phòng, an ninh*

Tiếp tục rà soát, xác định ranh giới quỹ đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất quốc phòng, an ninh kết hợp làm kinh tế; đất do các đơn vị

quốc phòng, công an làm kinh tế tại các địa phương để vừa đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, vừa thống nhất với quản lý quỹ đất tại địa phương được chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

** Đất cơ sở hạ tầng*

Ưu tiên bố trí quỹ đất và nguồn ngân sách để đầu tư phát triển hạ tầng đi trước một bước nhằm tạo động lực thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất một cách đồng bộ. Phân định rõ trách nhiệm và quản lý các loại đất xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, năng lượng, bưu chính viễn thông, các cơ sở y tế, cơ sở giáo dục, cơ sở văn hóa, thể dục thể thao và đất hành lang an toàn các công trình theo quy định.

1.2. Nhóm giải pháp về ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên nước, môi trường, cải tạo và bảo vệ đất

- Có chính sách thỏa đáng tiếp tục khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo, nâng cao độ phì của đất.

- Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm tạo giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững. Chú trọng phát triển kinh tế tập thể, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao... đồng thời tăng cường liên kết trong sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

- Đầu tư các công trình xử lý chất thải ở các khu, cụm công nghiệp, bệnh viện, khu đô thị,... đảm bảo chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường, các khu công nghiệp chỉ được đưa vào hoạt động khi có hệ thống xử lý nước thải hoàn chỉnh.

- Xây dựng hoàn thành quy chế, nội quy về bảo vệ môi trường; nghiên cứu xây dựng quy chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị sản xuất hiện đại, cũng như trang thiết bị xử lý các tác động môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Ngoài việc bảo đảm hệ thống xử lý nước thải công nghiệp ngay trong quá trình đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cần phối hợp với các cơ quan có liên quan cấp tỉnh xây dựng quy hoạch xử lý chất thải rắn qua hệ thống thu gom và xử lý tập trung.

- Triển khai đồng bộ, kịp thời việc thiết lập hành lang bảo vệ nguồn nước

theo quy định của pháp luật; đầu tư xây dựng công trình xử lý rác thải công nghiệp, rác thải sinh hoạt tại các khu đô thị, khu dân cư nông thôn.

- Xây dựng cơ chế để hình thành doanh nghiệp dịch vụ môi trường phục vụ cho các hoạt động của các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn. Kiên quyết di dời toàn bộ nhà máy, xí nghiệp sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, coi ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các công trình dự án, khắc phục tình trạng “quy hoạch treo”.

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất.

- Cần ưu tiên đầu tư tập trung cho các công trình, dự án trọng điểm.

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của các doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư của nước ngoài, vốn tự có của nhân dân.

- Đầu tư cho việc xây dựng các tư liệu phục vụ quản lý đất đai như đo đạc bản đồ địa chính (tập trung cho các xã chưa có bản đồ địa chính), quy hoạch, kế hoạch, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và phát triển các lĩnh vực trong đó chú trọng công tác quản lý của ngành Tài nguyên và Môi trường.

- Đầu tư trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là đầu tư phát triển nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện.

3. Các giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Công bố công khai rộng rãi hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên các phương tiện thông tin đại chúng, đến các ban, ngành, tổ chức, đoàn thể và nhân dân trong huyện biết thực hiện, giám sát theo đúng kế hoạch và quy định của pháp luật đất đai;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đất đai nhất là quy định về bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để nâng cao nhận thức trong các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân. Quá trình xử lý các quan hệ về đất đai phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật; xử lý tốt mối quan hệ lợi ích giữa Nhà nước - Doanh nghiệp - Nhân dân, khuyến khích chủ đầu tư tự thỏa thuận với người sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4. Các giải pháp khác

4.1. Giải pháp về đầu tư

- Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các công trình dự án, khắc phục tình trạng “quy hoạch treo”.

- Tăng cường kêu gọi vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất.

- Cần ưu tiên đầu tư tập trung cho các công trình, dự án trọng điểm.

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của các doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư của nước ngoài, vốn tự có của nhân dân.

- Đầu tư cho việc xây dựng các tư liệu phục vụ quản lý đất đai như đo đạc bản đồ địa chính (tập trung cho các xã chưa có bản đồ địa chính), quy hoạch, kế hoạch, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và phát triển các lĩnh vực trong đó chú trọng công tác quản lý của ngành Tài nguyên và Môi trường.

- Đầu tư trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là đầu tư phát triển nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện.

4.2. Giải pháp về cơ chế chính sách

4.2.1. Chính sách về đất đai

- Tiếp tục cụ thể hóa các điều khoản của Luật Đất đai, các văn bản của

Trung ương phục vụ cho quá trình quản lý và sử dụng đất.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4.2.2. Chính sách bảo vệ và phát triển quỹ đất nông nghiệp

- Trên cơ sở chỉ tiêu phân bổ diện tích đất lúa cần giữ trên địa bàn, đặc biệt là đất 2 vụ lúa trở lên, và lập bản đồ sử dụng đất lúa đến cấp xã và hộ sử dụng.

- Hàng năm cân đối đủ nguồn ngân sách cho địa phương để hạn chế tình trạng đổi đất lấy hạ tầng, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong vùng quy hoạch sang phi nông nghiệp. Đồng thời hạn chế tối đa thẩm quyền chuyển đổi mục đích sử dụng đất của cấp dưới.

- Khuyến khích nông dân giữ đất lúa với những chính sách như: hỗ trợ về giá, thủy lợi, cơ sở hạ tầng khác, giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho người sản xuất lúa đảm bảo người được giao đất lúa phải sống được bằng nghề trồng lúa có lãi 30% giá thành.

- Thiết lập hệ thống cơ sở bảo quản, chế biến với chất lượng quản lý tiên tiến; thành lập mạng lưới thu mua, hỗ trợ và bình ổn giá.

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đội ngũ quản lý khoa học kỹ thuật, cán bộ khuyến nông và cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh lương thực các cấp.

- Thực hiện tốt công tác dồn điền đổi thửa, tránh tình trạng sản xuất manh mún như hiện nay.

- Tiếp tục hoàn thiện các loại hình tổ chức sản xuất lương thực theo hướng liên kết để hình thành các tổ chức hợp tác, hợp tác xã theo địa bàn hoặc sản phẩm; tạo điều kiện gắn sản xuất với doanh nghiệp tiêu thụ; phát triển kinh tế trang trại, doanh nghiệp sản xuất lương thực, nông dân góp cổ phần bằng giá trị quyền sử dụng đất để tham gia doanh nghiệp, phát triển mạng lưới cung ứng dịch vụ nông nghiệp.

- Chính sách ưu tiên phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

4.2.3. Chính sách sử dụng đất tiết kiệm

- Chính sách về tận dụng không gian trong quy hoạch xây dựng công nghiệp và đô thị trong các khu vực tập trung dân cư.

- Chính sách đầu tư đồng bộ giữa giao thông và thủy lợi bố trí với việc kết hợp các tuyến dân cư để tiết kiệm đất.

- Chính sách phát triển các điểm dân cư nông thôn theo hướng đô thị hoá tại chỗ, tránh tình trạng tập trung dân cư vào các đô thị.

4.2.4. Chính sách sử dụng hợp lý các loại đất mang tính chất đặc thù

- Chính sách ưu tiên dành đất cho những nhu cầu đặc biệt có tính bắt buộc

về an ninh, quốc phòng.

- Chính sách khuyến khích sử dụng tiết kiệm diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa bằng cách quy tập và quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa.

- Chính sách chuyển các cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu dân cư vào các khu, cụm công nghiệp.

4.2.5. Chính sách ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ bảo vệ môi trường trong việc khai thác sử dụng đất

- Chính sách khuyến khích áp dụng các kỹ thuật công nghệ phù hợp với phát triển mạnh ưu thế về đa dạng sinh học trong phát triển nông nghiệp.

- Chính sách ưu tiên để đón trước các công nghệ tiên tiến, hiện đại trong đầu tư xây dựng cơ bản (cơ sở hạ tầng, công nghiệp, đô thị).

- Chính sách xử phạt những hành vi gây tổn hại đến đất đai, môi trường.

4.2.6. Chính sách ưu đãi

- Chính sách ưu tiên miễn, giảm thuế sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, gốm sứ, vật liệu xây dựng...

- Tạo mọi điều kiện về thủ tục, về những điều kiện có thể đảm bảo nhằm có thể thu hút vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Xây dựng chính sách ưu tiên đầu tư và ưu đãi cho vùng khó khăn về cơ sở hạ tầng, về khoa học kỹ thuật... để nâng cao đời sống nhân dân và làm cho nhân dân có trách nhiệm trong việc khai thác có hiệu quả và bảo vệ đất đai.

- Chấp hành tốt các chính sách ưu tiên ưu đãi đối với người có công với cách mạng, các đối tượng chính sách xã hội khác.

- Ưu tiên những cán bộ, công nhân có trình độ chuyên môn, tay nghề cao để thu hút nguồn nhân lực này góp phần vào xây dựng phát triển kinh tế xã hội của huyện.

4.2.7. Chính sách tạo nguồn vốn từ đất để đầu tư trở lại đất

- Nguồn thu từ đất được sử dụng một phần thỏa đáng để nhằm cải tạo đất, điều tra, đánh giá phân loại đất đai.

- Xác định giá đất hợp lý nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách, đảm bảo công bằng xã hội và kích thích sản xuất.

- Rà soát, đánh giá đúng các đối tượng sử dụng đất, đặc biệt là các đối tượng thuê đất. Tiếp tục rà soát tăng cường quản lý về đất đai đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất để tránh thất thu.

- Mọi đối tượng thuê đất đều phải nộp tiền thuê đất đầy đủ, đúng thời gian nếu không có lý do chính đáng được các cấp có thẩm quyền cho phép.

- Rà soát lại việc sử dụng đất của các đơn vị, tổ chức không phải thuê đất để có kế hoạch sử dụng, tránh lãng phí về đất đai.

4.3. Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật

- Tích hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh, cấp huyện vào hệ thống thông tin dữ liệu quốc gia về tài nguyên đất đai, đảm bảo thuận lợi cho quá trình khai thác, thực hiện các dự án thành phần trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn.

4.4. Nhóm giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

- Bố trí đủ điều kiện vật chất, từng bước ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong việc lập và giám sát, tổ chức thực hiện kế hoạch.

- Tăng cường công tác điều tra cơ bản về đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, nâng cao chất lượng công tác dự báo, sự tham gia phản biện khoa học nhằm nâng cao tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất.

- Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên đất, áp dụng công nghệ tiên tiến để cải thiện chất lượng lập kế hoạch sử dụng đất.

- Củng cố và nâng cao hệ thống thông tin về đất đai, tăng cường ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; dự báo, cảnh báo điều tra, đánh giá, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng và thực hiện chiến lược đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai ở các cấp, đặc biệt là ở cấp huyện và cán bộ địa chính xã, thị trấn để đáp ứng yêu cầu về đổi mới ngành.

- Chú trọng công tác đào tạo cán bộ chuyên môn có đủ năng lực lập kế hoạch sử dụng đất đạt hiệu quả và chất lượng.

- Nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất các cấp.

- Xây dựng các chương trình đào tạo ngắn hạn trên cơ sở đào tạo theo chuyên đề, ưu tiên đào tạo cho cán bộ lập, thực hiện và giám sát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở địa phương.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện Thanh Hà được xây dựng dựa trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH giai đoạn 2021-2030, kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm (2020-2025) huyện. Dựa vào Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXVIII về mục tiêu chiến lược phát triển bền vững huyện Thanh Hà đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

- Kết quả của phương án thể hiện được chiến lược sử dụng đất của huyện trong năm kế hoạch, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển KT-XH, ổn định chính trị, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng thời là công cụ quan trọng để huyện thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai theo pháp luật.

- Kết quả của phương án đã sử lý, tổng hợp được hầu hết các nghiên cứu, đề án và phương hướng phát triển của các cấp, trên cơ sở cân đối hài hoà giữa các nhu cầu và khả năng đáp ứng về đất đai, đảm bảo được tính thực tiễn và có khả thi.

- Để đảm bảo cho quá trình CNH-HĐH, đất nông nghiệp tiếp tục có xu hướng giảm, nhưng với việc đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ứng dụng các thành tựu KH-KT vào sản xuất.

- Đất phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn được cân nhắc cho từng vùng, từng điểm, đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của huyện. Các khu vực đô thị sau khi được đầu tư phát triển sẽ thực sự trở thành điểm sáng, văn minh, hiện đại không chỉ thu hút được sự đầu tư mà còn tạo ra được sự ảnh hưởng lớn đến quá trình đô thị hoá nông thôn ở các khu vực khác.

- Đất dành cho tiểu thủ công nghiệp, du lịch, DV-TM được tính theo phương án có tính khả thi cao nhất. Trong đó sẽ hình thành một số khu, cụm có quy mô tập trung, vị trí thuận lợi, bố trí đủ đất cho tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống, thu hút nhiều ngành có công nghệ cao.

Các loại đất chuyên dùng khác được xem xét và tính toán cho mọi loại đất quốc phòng an ninh đến giao thông, thủy lợi, nghĩa trang nghĩa địa - trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp với phát triển KT-XH của cả giai đoạn và từng năm, đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm đất.

2. KIẾN NGHỊ

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý sử dụng đất đai, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất, UBND huyện Thanh Hà kiến nghị:

Đề nghị UBND tỉnh sớm xem xét và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện để UBND huyện có cơ sở thực hiện vai trò quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện cũng như có cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các nội dung của phương án góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển KT-XH của huyện.